**Các Tiên Tri**

**Các sách lịch sử** của Cựu Ước, từ Sáng thế ký đến Ê-xơ-tê, là truyện tích sự dấy lên và suy sụp của quốc gia Hê-bơ-rơ.

**Các sách thi ca**, từ Gióp đến Nhã Ca của Sa-lô-môn, đại để thuộc về hoàng kim thời đại của quốc gia Hê-bơ-rơ.

**Các sách tiên tri**, từ Ê-sai đến Ma-la-chi, thuộc về thời kỳ suy sụp của quốc gia Hê-bơ-rơ.

Có 17 sách tiên tri, nhưng chỉ có 16 tiên tri, vì Giê-rê-mi đã viết hai sách: Sách mang tên ông và sách Ca Thương.

Những sách nầy thường được gọi là "Ðại tiên tri" và Tiểu tiên tri," kể ra như dưới:

**Ðại tiên tri** : Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên và Ða-ni-ên.

**Tiểu tiên tri** : Ô-sê, Giô-ên, A-mốt, Áp-đia, Giô-na, Mi-chê, Na-hum, Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni, A-ghê, Xa-cha-ri và Ma-la-chi.

Sự phân loại nầy căn cứ vào mực lớn, nhỏ của các sách. Ba quyển Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên, thì quyển nào đứng riêng cũng lớn hơn cả 12 sách Tiểu tiên tri hợp lại. Sách Ða-ni-ên gần bằng hai sách Ô-sê và Xa-cha-ri, là hai sách Tiểu tiên tri lớn nhứt hợp lại.

**Phân loại theo thời gian** : 13 tiên tri liên quan đến sự hủy diệt quốc gia Hê-bơ-rơ; 3 tiên tri liên quan đến sự trùng hưng quốc gia ấy.

Sự hủy diệt quốc gia Hê-bơ-rơ thực hiện làm hai giai đoạn.

Nước phía Bắc sụp đổ (734-721 T.C.). Trước và trong thời kỳ nầy có: Giô-ên, Giô-na, A-mốt, Ô-sê, Ê-sai, Mi-chê.

Nước phía Nam sụp đổ (606-586 T.C.). Trong thời kỳ nầy có: Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên, Ða-ni-ên, Áp-đia, Na-hum, Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni.

Quốc gia trùng hưng năm 536-444 T.C.. Trong thời kỳ nầy có: A-ghê, Xa-cha-ri và Ma-la-chi.

**Phân loại theo sứ điệp** : Dầu còn gồm có nhiều sứ điệp *(messages)* trọng đại khác nữa, song các sách Tiên tri cốt gởi như sau đây:

Cho nước Y-sơ-ra-ên : A-mốt, Ô-sê.

Cho thành Ni-ni-ve : Giô-na, Na-hum.

Cho nước Ba-by-lôn : Ða-ni-ên.

Cho những kẻ bị lưu đày tại Ba-by-lôn : Ê-xê-chi-ên.

Cho xứ Ê-đôm : Áp-đia.

Cho nước Giu-đa : Giô-ên, Ê-sai, Mi-chê, Giê-rê-mi, Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni, A-ghê, Xa-cha-ri, Ma-la-chi.

Mỗi người đọc Kinh Thánh phải Học Thuộc Lòng tên các sách Tiên tri nầy theo thứ tự để có thể mở ra mau lẹ.

**Biến cố lịch sử** đòi hỏi chức vụ của các đấng tiên tri chính là sự bội đạo của 10 chi phái lúc chấm dứt đời trị vì của Sa-lô-môn (xem ở dưới I Các vua 12). Nước phía Bắc chọn lấy sự thờ lạy bò con, là đạo của Ai-cập, làm quốc giáo, coi đó là một biện pháp chánh trị để duy trì tình trạng phân chia của hai nước. Sau đó ít lâu, họ thêm sự thờ lạy tà thần Ba-anh, và đạo nầy cũng tràn xuống nước phía Nam. Các đấng tiên tri xuất hiện trong cuộc khủng hoảng nầy, là lúc dân Ðức Chúa Trời lìa bỏ Ngài, đi theo sự thờ lạy hình tượng của các dân tiếp cận, Danh Ðức Chúa Trời bị trí óc người ta lãng quên, và các kế hoạch của Ðức Chúa Trời để sau cùng cứu chuộc thế giới sắp thành vô hiệu.

**Các tiên tri và thầy tế lễ**.-- Các thầy tế lễ được chánh thức chỉ định để dạy đạo cho nhơn dân. Họ là một giai cấp truyền tử lưu tôn. Và thường là những kẻ gian ác nhứt trong nước. Tuy nhiên, họ vẫn là những thầy dạy đạo. Họ chẳng kêu la nghịch cùng tội lỗi của nhơn dân, nhưng lại đồng tình với chúng, và thành ra các tay thủ lãnh làm ác. Còn các tiên tri thì không phải là một giai cấp truyền tử lưu tôn. Mỗi người được Ðức Chúa Trời trực tiếp kêu gọi. Họ được kêu gọi từ các chức nghiệp khác nhau: Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên là thầy tế lễ; có lẽ Xa-cha-ri cũng là thầy tế lễ. Ê-sai, Ða-ni-ên và Sô-phô-ni là dòng dõi nhà vua. A-mốt làm nghề chăn chiên. Còn những tiên tri khác thì ta không biết họ vốn làm gì.

**Sứ mạng và sứ điệp của các tiên tri là**:

1.    Cố cứu nhơn dân khỏi sự thờ lạy hình tượng và tội ác.

2.    Không thành công, họ bèn báo cáo rằng quốc dân sẽ bị tiêu diệt.

3.    Nhưng không phải là hoàn toàn tiêu diệt. Một phần sót lại sẽ được cứu.

4.    Từ phần dân sót lại nầy sẽ phát xuất một ảnh hưởng lan tràn khắp mặt đất và dắt đem muôn dân trở về cùng Ðức Giê-hô-va.

5.    Ảnh hưởng ấy do một Vĩ Nhân mai sau sẽ dấy lên trong gia tộc Ða-vít. Các tiên tri gọi Ngài là "Chồi." Cây của gia tộc Ða-vít vốn hùng mạnh nhứt thế giới, đã bị chặt đương thời các tiên tri để chỉ trị vì một nước nhỏ bé, bị khinh dể, và chính nước ấy lúc đó cũng không còn nữa. Thật là một dòng vua không có nước. Nhưng chính gia tộc không tiêu mất. Nó sẽ phục hồi. Từ gốc của gia tộc sẽ nẩy ra một Chồi, một Nhánh vĩ đại.

**Cả thời kỳ các tiên tri** đại để gồm chừng 400 năm (800-400 T.C.). Biến cố quan trọng nhứt của thời kỳ nầy là sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem vào lối giữa thời kỳ. Bằng cách nầy hoặc cách khác, có 7 tiên tri liên quan với biến cố nầy, hoặc thực sự, hoặc theo niên biểu: Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên, Ða-ni-ên. Áp-đia, Na-hum, Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni. Sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem là thời gian các tiên tri hoạt động nhiều nhứt, vì họ gắng ngăn cản hoặc giải thích biến cố ấy. Dầu chính Ðức Chúa Trời gây nên sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem, nhưng nói theo loài người, Ngài đã làm mọi sự có thể làm để cản trở tai họa ấy. Dường như Ngài thích có một cơ sở binh vực ý niệm về Ðức Chúa Trời, mặc dầu cơ sở ấy bị hư hỏng hoàn toàn vì tội ác và bại hoại, hơn là không có cơ sở nào hết. Có lẽ vì đó mà Ngài cứ để cho một Giáo hội lầm lạc kia tồn tại suốt thời Trung cổ. Dẫu sao, Ðức Chúa Trời cũng đã sai một đoàn Tiên tri xuất sắc đi cố gắng cứu thành Giê-ru-sa-lem.

\* \* \*

Các Tiên Tri 2

Các tiên tri không cứu nỗi Thành Thánh đã hóa ra ô uế, bèn truyền lại đúng những lời giải thích và quả quyết của Ðức Chúa Trời rằng sự suy vong của dân Ngài không có nghĩa là các kế hoạch Ngài bị hủy bỏ; rằng sau một thời gian hình phạt, sẽ có cuộc trùng hưng và một tương lai vinh hiển cho dân Ðức Chúa Trời.

**Sứ điệp của các Tiên tri cho xã hội**.-- Sách vở kim thời giải luận các Tiên tri nhấn rất mạnh vào sứ điệp cho xã hội: Nào tố cáo sự bại hoại chánh trị, nào sự hà hiếp, nào đạo đức thúi nát của quốc dân. Tuy nhiên, điều làm cho các Tiên tri bối rối hơn hết chính là nhơn dân THỜ LạY HÌNH TƯợNG và có một quan niệm lầm lạc về Ðức Chúa Trời. Chúng ta ngạc nhiên vì phần lớn các nhà văn kim thời bỏ qua điểm ấy, nhứt là trong lúc ai nấy nhìn nhận sự thực nầy: Ðời sống xã hội của một nước là sản phẩm trực tiếp do tôn giáo nước ấy.

**Yếu tố dự ngôn**.-- Các nhà học giả kim thời có khuynh hướng giảm giá trị của yếu tố dự ngôn trong Kinh Thánh. Nhưng yếu tố dự ngôn còn đó. Ý tưởng mà cả Cựu Ước bày giải nhiều hơn hết là: Giê-hô-va, Ðức Chúa Trời của dân tộc Hê-bơ-rơ, một ngày kia, sẽ trở thành Ðức Chúa Trời của mọi dân tộc. Các thế hệ trứ giả Cựu Ước nối tiếp nhau, đã đi từ chỗ tổng quát đến chỗ riêng biệt trong khi mô tả chi tiết và cách thức thực hiện điều đó. Trong các sách Tiên tri, ta nhận thấy điểm nầy: Dầu chính họ không hiểu hết tầm quan trọng của một vài lời mình rao truyền, dầu một vài dự ngôn của họ bị che khuất bởi các biến cố lịch sử đương thời họ, nhưng cả truyện tích Ðấng Christ và sự lan tràn đạo Ðấng Christ khắp trái đất đã được mô tả trước, vừa tổng quát, vừa tỉ mỉ, bằng các lời lẽ không thể nào áp dụng cho sự kiện hoặc nhân vật nào khác trong lịch sử.

**Sứ điệp của mỗi Tiên tri** được tóm tắt như dưới đây:

**Giô-ên**: Sự hiện thấy về thời đại Tin Lành; Ðức Giê-hô-va thâu nhóm muôn dân.

**Giô-na**: Ngụ ý tỏ ra Ðức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên chú ý đến các kẻ thù nghịch dân ấy.

**A-mốt**: Nhà Ða-vít hiện nay bị dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ, nhưng sẽ cai trị thế giới.

**Ô-sê**: Ðức Giê-hô-va bị dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ, nhưng một ngày kia, Ngài sẽ là Ðức Chúa Trời của muôn dân.

**Ê-sai**: Ðức Chúa Trời có một phần dân sót lại, và một tương lai vinh hiển được dành cho họ.

**Mi-chê:** Vua sẽ ngự đến Bết-lê-hem và sẽ trị vì thế giới.

**Na-hum**: Thành Ni-ni-ve sắp bị đoán phạt và tiêu diệt.

**Sô-phô-ni**: Thực hiện một sự khải thị mới, gọi bằng một danh hiệu mới.

**Giê-rê-mi**: Thành Giê-ru-sa-lem phạm tội, bị đoán phạt, và tương lai sẽ được vinh hiển.

**Ê-xê-chi-ên**: Thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ, được khôi phục, và được vinh hiển trong tương lai.

**Áp-đia**: Xứ Ê-đôm sẽ hoàn toàn bị tiêu diệt vì thù nghịch dân Ðức Chúa Trời.

**Ða-ni-ên:** Bốn nước, rồi tới Nước đời đời của Ðức Chúa Trời gồm cả thế giới.

**Ha-ba-cúc**: Ðến cuối cùng, dân của Ðức Chúa Trời chắc sẽ toàn thắng.

**A-ghê**: Ðền thờ thứ hai và Ðền thờ tương lai nguy nga, đồ sộ hơn.

**Xa-cha-ri**: Vua hầu đến, dòng họ Ngài, và Nước danh tiếng vang lừng của Ngài.

**Ma-la-chi**: Sứ điệp cuối cùng cho dân tộc sẽ sanh ra Ðấng Mê-si, nhưng hiện đang không vâng lời Ðức Chúa Trời.

**Khung cảnh lịch sử và niên hiệu gần đúng của các Tiên tri**

**Quốc gia bị phân chia, năm 933 T.C.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nước Y-sơ-ra-ên** | | **Nước Giu-đa** | | **Các Tiên Tri** | |
| Giê-rô-bô-am | 933-911 | Rô-bô-am | 933-916 |  |  |
| Na-đáp | 911-910 | A-bi-giam | 915-913 |  |  |
| Ba-ê-sa | 910-887 | A-sa | 912-872 |  |  |
| **A-si-ri dấy lên địa vị đế quốc bá chủ thế giới, khoảng năm 900 T.C.** | | | | | |
| Ê-la | 887-886 |  |  |  |  |
| Xim-ri | 886 |  |  |  |  |
| Ôm-ri | 886-875 |  |  |  |  |
| A-háp | 875-854 | Giô-sa-phát | 874-850 | Ê-li | 875-850 |
| A-cha-xia | 855-854 | Giô-ram | 850-843 | Ê-li-sê | 850-800 |
| Giô-ram | 854-843 | A-cha-xia | 834 |  |  |
| Giê-hu | 843-816 | A-tha-li | 843-837 |  |  |
| **Ðức Chúa Trời bắt đầu "chặt" nước Y-sơ-ra-ên** (II Các vua 10:32) | | | | | |
| Giô-a-cha | 820-804 | Giô-ách | 843-803 | Giô-ên (?) | 840-830 |
| Giô-ách | 806-790 | A-ma-xia | 803-775 |  |  |
| Giê-rô-bô-am II | 790-749 | Ô-xia | 787-735 | Giô-na | 790-770 |
| Xa-cha-ri | 748 | Giô-tham | 749-734 | A-mốt | 780-740 |
| Sa-lum | 748 |  |  | Ô-sê | 760-720 |
| Ma-na-hem | 748-738 |  |  | Ê-sai | 745-695 |
| Phê-ca-hia | 738-736 |  |  |  |  |
| Phê-ca | 748-730 | A-cha | 741-726 | Mi-chê | 740-700 |
| **Dân Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc bị bắt làm phu tù** (734 T.C.) | | | | | |
| Ô-sê | 730-721 | Ê-xê-chia | 726-697 |  |  |
| **Nước phía Bắc bị tiêu diệt** (721 T.C.) | | | | | |
|  |  | Ma-na-se | 697-642 |  |  |
|  |  | A-môn | 641-640 |  |  |
|  |  | Giô-si-a | 639-608 | Sô-phô-ni | 639-608 |
|  |  | Giô-a-cha | 608 | Na-hum | 630-610 |
|  |  | Giê-hô-gia-kim | 608-597 | Giê-rê-mi | 626-586 |
| **Ðế quốc A-si-ri suy vong** (607 T.C.)  **Ðế quốc Ba-by-lôn dấy lên** | | | | | |
|  |  | Giê-hô-gia-kin | 509 | Ha-ba-cúc | 606-586 |
|  |  | Sê-đê-kia | 597-586 | Áp-đia | 585 |
| **Giê-ru-sa-lem bị chiếm và bị thiêu hủy** (606-586 T.C.)  **Cuộc lưu đày** (606-536 T.C.) | | | | | |
|  |  |  |  | Ða-ni-ên | 606-534 |
|  |  |  |  | Ê-xê-chi-ên | 592-570 |
| **Ðế quốc Ba-by-lôn suy vong** (536 T.C.) **Ðế quốc Ba-tư dấy lên**  **Từ chốn lưu đày hồi hương** (536 T.C.) | | | | | |
|  |  | Giê-hô-sua | 536-516 | A-ghê | 520-516 |
|  |  | Xô-rô-ba-bên | 536-516 | Xa-cha-ri | 520-516 |
| **Ðền thờ được xây cất lại** (520-516 T.C.) | | | | | |
|  |  | E-xơ-ra | 547-530 |  |  |
|  |  | Nê-hê-mi | 444-432 | Ma-la-chi | 450-400 |

**Ê-sai**

**Tiên tri về Ðấng Mê-si**

Ê-sai được gọi là "Tiên tri về Ðấng Mê-si," vì ông hoàn toàn thấm nhuần ý tưởng rằng dân tộc ông sẽ ban Ðấng Mê-si cho thế giới, nghĩa là bởi dân tộc ấy, một ngày kia, ơn phước lớn lao và kỳ diệu sẽ từ Ðức Chúa Trời giáng trên mọi nước. Ông luôn luôn mơ tưởng một thời kỳ mà công việc lớn lao, kỳ diệu giữa muôn dân đó sẽ thực hiện.

Tân Ước chép rằng Ê-sai đã "thấy sự vinh hiển của Ðấng Christ và nói về Ngài" (Giăng 12:41).

**Con người Ê-sai**

Ông là Tiên tri của nước Giu-đa ở phía Nam, vào thời nước Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc đã bị quân A-si-ri tiêu diệt.

Ê-sai sống dưới đời trị vì của các vua Ô-xia, Giô-tham, A-cha, và Ê-xê-chia. Ông được Chúa kêu gọi năm vua Ô-xia băng hà; nhưng một vài sự hiện thấy của ông đã xảy ra sớm hơn (xem ở Ê-sai 6:1). Theo truyền thoại của người Do-thái, thì ông đã bị Ma-na-se giết chết. Chúng ta có thể phỏng định niên hiệu chức vụ tích cực của ông vào khoảng năm 745-695 T.C.., như vậy là gồm 50 năm hoặc hơn nữa.

Theo truyền thoại của các đạo sư Do-thái, thì A-mốt (không phải tiên tri A-mốt), cha của Ê-sai, là anh em vua A-ma-xia. Như vậy, Ê-sai là anh em thúc bá với vua Ô-xia, và là cháu nội của vua Giô-ách. Thế thì ông có dòng máu nhà vua, và là một quí nhơn ở triều đình.

**Văn phẩm của ông**.-- Ông còn viết nhiều sách khác, nhưng đã thất truyền: Một tiểu sử của vua Ô-xia (II Sử ký 26:22), một "sách các vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên" (II Sử ký 32:32). Ông vừa là sử gia, vừa là đấng tiên kiến. Tân Ước trưng dẫn lời của ông nhiều hơn bất cứ đấng tiên tri nào khác. Ông có trí óc phi thường biết bao! Trong một vài đoạn văn, ông đã trổi hơn cả *Shakespeare*, *Milton*, hoặc *Homère*.

**Ông tuận đạo**.-- Trong sách *"Talmud"* mà nhiều Giáo phụ của Hội Thánh công nhận là chơn chánh, có một truyền thoại rằng ông phản đối các chiếu chỉ của Ma-na-se liên quan đến sự thờ lạy hình tượng, nên bị bắt, bị cột giữa hai tấm gỗ, rồi cưa làm đôi. Như vậy, ông đã chết đau đớn và khủng khiếp hơn hết. Người ta cho rằng thơ Hê-bơ-rơ 11:37 ngụ ý nói đến cảnh tuận đạo của Ê-sai đây.

**Bối cảnh A-si-ri trong chức vụ của Ê-sai**

150 năm trước thời của Ê-sai, đế quốc A-si-ri đã bành trướng và "nuốt" nhiều nước lân cận. Vào năm 840 T.C., nước Y-sơ-ra-ên, dưới đời trị vì của Giê-hu, đã bắt đầu triều cống đế quốc A-si-ri. Năm 734 T.C., khi Ê-sai còn là một thanh niên, thì quân A-si-ri đã bắt hầu hết dân Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc đi làm phu tù. 13 năm sau (721 T.C.), thành Sa-ma-ri sụp đổ, và phần dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại cũng bị bắt đi. Rồi mấy năm sau nữa, quân A-si-ri xông vào xứ Giu-đa, hủy phá 46 thành trì kiên cố, và bắt 200.000 người đi làm phu tù. Rốt lại, năm 701 T.C., khi Ê-sai đã cao tuổi, quân A-si-ri bị chặn lại trước vách thành Giê-ru-sa-lem, rồi chúng bị một thiên sứ của Ðức Chúa Trời đánh cho đại bại. Như vậy, suốt đời Ê-sai ở dưới bóng hăm dọa của đế quốc A-si-ri, và chính ông đã chứng kiến tay chúng hủy phá cả nước mình, chỉ trừ ra thành Giê-ru-sa-lem.

Bí Chú Khảo Cổ: **Cuốn sách của Ê-sai**

Theo chỗ chúng ta biết, thì hết thảy nguyên bổn các sách Kinh Thánh đã thất lạc, Kinh Thánh của chúng ta ngày nay gồm những bản sao của những bản sao. Các bản sao nầy chép bằng tay cho tới khi sáng chế được máy in, nhằm năm 1454 S.C..

Các sách Cựu Ước đã viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ. Còn các sách Tân Ước viết bằng tiếng Hy-lạp. Các bản thảo toàn bộ Kinh Thánh cũ nhứt mà ta được biết và hiện còn đã có từ thế kỷ thứ 4 và thứ 5. Các bản ấy bằng tiếng Hy-lạp, và về phần Cựu Ước, thì có quyển *Septante*, là bản dịch Cựu Ước từ tiếng Hê-bơ-rơ ra tiếng Hy-lạp, nhằm thế kỷ thứ 2 T.C..

Các bản thảo Cựu Ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ cũ nhứt mà ta được biết và hiện còn, thì đã có từ khoảng 900 năm S.C.. Bản Cựu Ước tiếng Hê-bơ-rơ gọi là *"Messoretic Text"* đã căn cứ vào các bản thảo trên đây và được dùng để dịch Cựu Ước ra tiếng Anh. Bản *"Messoretic Text"* là kết quả của sự so sánh mọi bản thảo sẵn có và do nhiều dòng văn sĩ *(scribes)* khác nhau sao lại những bản sao có từ trước. Các bản thảo nầy khác nhau rất ít, nên các nhà chuyên khảo cứu tiếng Hê-bơ-rơ đều đồng ý rằng trừ một vài điểm dị đồng không đáng kể, bản Kinh Thánh (tiếng Anh) của chúng ta đúng như nguyên bổn.

Tới nay, năm 1947, tại 'Ain Fashkha, cách Giê-ri-cô chừng 7 dặm về phía Nam và cách Biển Chết 1 dặm về phía Tây, một số người Ả-rập du mục chở hàng hóa từ thung lũng sông Giô-đanh tới làng Bết-lê-hem, đang tìm một con dê lạc mất tại một dòng suối nông cạn đổ vào Biển Chết, bỗng tới cái hang đã sụp đổ một phần; trong đó, họ tìm thấy một số bình vỡ có những cuốn sách góc ló ra ngoài. Bọn người du mục bèn kéo các cuốn sách ra, đem đi giao cho Nữ tu viện Thánh Mác của Giáo hội Chánh thống phái Si-ry tại Giê-ru-sa-lem, rồi những vị phụ trách nơi đây lại giao cho Mỹ quốc Ðông phương Khảo cứu Học viện để xét xem giá trị thể nào.

Người ta nhận ra một trong những cuốn sách nầy là **Sách Ê-Sai** chép cách đây 2000 năm, và 1000 năm cũ hơn bất cứ bản thảo nào của bất cứ sách nào trong Kinh Cựu Ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ mà ta được biết. Thật là một Sự Phát Giác Lạ Lùng!

Cuốn sách nầy viết trên giấy da chiên thô sơ, dài chừng 8 thước tây, do nhiều mảnh dài 38 phân và rộng 25 phân khâu liền với nhau, toàn là chữ Hê-bơ-rơ thời cổ; và có bằng cớ chứng tỏ rằng sách đã viết vào thế kỷ 2 T.C..

Cuốn sách nầy và nhiều cuốn sách khác nguyên thủy, đã được bọc trong vải gai, ngoài phết sáp ong đen, rồi giấu kín trong những bình bằng đất. Rõ ràng lắm, chúng là một phần thơ viện của dân Do-thái, đã được giấu nơi hang đá chơ vơ nầy trong lúc nguy hiểm, có lẽ đương thời quân La-mã chinh phục xứ Giu-đê.

Về nội dung, cuốn nầy giống in sách Ê-sai trong Kinh Thánh của chúng ta; thật là tiếng nói ở trong bụi đất từ 2000 năm nay, do Ðức Chúa Trời gìn giũ một cách lạ lùng, để xác nhận Kinh Thánh là chơn chánh. Ông *W.F.Albright* gọi nó là "bản thảo quan trọng nhứt phát giác được đương thời nay" (xem số 1948 và 1949 của tạp chí "Mỹ quốc Ðông phương Nghiên cứu Học viện" và tạp chí "Nhà Khảo cổ Kinh Thánh").

**Sự nghiệp vĩ đại của Ê-sai** là giải cứu thành Giê-ru-sa-lem khỏi tay quân A-si-ri. Chính là nhờ lời ông cầu nguyện, lời ông khuyên bảo vua Ê-xê-chia và sự can thiệp trực tiếp lạ lùng của Ðức Chúa Trời, mà đạo quân A-si-ri dũng mãnh đáng sợ đã bị đánh bại trước vách thành Giê-ru-sa-lem. Chính Ê-sai đã cứu thành ấy lúc sự đoán phạt dường như chắc chắn (xem đoạn 36 và 37). Dầu San-chê-ríp, vua A-si-ri, còn sống 20 năm sau cuộc thất bại nầy, nhưng hắn không hề tiến đánh thành Giê-ru-sa-lem nữa.

**Những vua Giu-đa đồng thời với Ê-sai**

**Ô-xia:** (787-735 T.C.). Một vua tốt. Ðời trị vì lâu dài và thành công mỹ mãn.

**Giô-tham:** (749-734 T.C.). Một vua tốt. Phần lớn đồng trị vì với Ô-xia.

**A-cha:** (741-726 T.C.). Một vua rất gian ác. Xem thêm ở dưới II Sử ký 28.

**Ê-xê-chia**: (726-697 T.C.). Một vua tốt. Xem ở dưới II Sử ký 29.

**Ma-na-se:** (697-542). Một vua rất gian ác. Xem ở dưới II Sử ký 33.

**Các vua Y-sơ-ra-ên đồng thời với Ê-sai**

**Giê-rô-bô-am II**: (790-749 T.C.). Một đời trị vì lâu dài, thạnh vượng, chuyên thờ lạy hình tượng.

**Xa-cha-ri:** (748). Bị mưu sát.

**Sa-lum:** (748). Bị mưu sát.

**Ma-na-hem:** (748-738 T.C.). Tàn ác tột bậc.

**Phê-ca-hia**: (738-736 T.C.). Bị Phê-ca mưu sát.

**Phê-ca:** (748-730 T.C.). Dân Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc bị bắt làm phu tù (734 T.C.).

**Ô-sê:** (730-721 T.C.). Thành Sa-ma-ri bị chiếm (721 T.C.). Nước phía Bắc bị diệt vong.

Bí Chú Khảo Cổ: **Sa-gôn**

Sách Ê-sai 20:1 có chép: "Sa-gôn, vua A-si-ri, sai Ta-tân đến Ách-đốt vây thành và chiếm lấy." Trong tất cả văn chương cổ hiện còn, ta chỉ biết đó là chỗ duy nhứt có ghi tên Sa-gôn. Các nhà phê bình đã nói rằng Kinh Thánh ghi tên một vua mà không hề ai biết là có thật, thì đã phạm một lầm lỗi về phương diện lịch sử.

Nhưng, lạ lùng thay, năm 1842, ông *Botta* đã tìm thấy di tích của cung điện Sa-gôn tại *Khorsabad*, ở phía Bắc thành Ni-ni-ve, có những kho tàng và bi văn tỏ ra rằng Sa-gôn là một trong những vua A-si-ri oai hùng nhứt! Nhưng tên ông đã biến mất khỏi lịch sử, trừ ra lời ghi đơn độc trong sách Ê-sai, cho tới khi nhà khảo cổ *Botta* ngày nay phát giác được.

Những năm gần đây, nhơn viên Ðông phương Học viện đã đào bới di tích cung điện Sa-gôn, gồm nơi Sa-gôn thiết triều, ngai của ông và con bò rừng to lớn bằng đá canh gác lối vào cửa, v.v...

Do các bi văn, ta được biết rằng Sanh-ma-na-sa đã chết đang lúc vây hãm thành Sa-ma-ri, có Sa-gôn kế vị và hoàn tất cuộc chiếm cứ thành ấy. Hơn nữa, để chứng minh lời trưng dẫn sách Ê-sai 20:1 trên kia, một bi văn của Sa-gôn chép rằng: "*Azuri*, vua Ách-đốt, toan tính trong lòng không triều cống nữa. Trong cơn tức giận, ta kéo đoàn vệ binh thường trực đi đánh Ách-đốt. Ta chiếm được Ách-đốt và Gát: Ta cướp của báu và nhơn dân của hai thành nầy, rồi đem dân các xứ phía Ðông đến ở đó. Ta nhận cống phẩm của các xứ Phi-li-tin, Giu-đa, Ê-đôm và Mô-áp."

**Ðoạn 1 -- Tội ác khủng khiếp của nước Giu-đa**

Lời khủng khiếp tố cáo dân chúng đây dường như ở vào khoảng giữa đời trị vì của Ê-xê-chia, sau khi nước phía Bắc bị diệt vong, và sau khi A-si-ri đã xâm lăng xứ Giu-đa, bắt một phần lớn nhơn dân đi làm phu tù, chỉ còn sót lại thành Giê-ru-sa-lem (câu 7-9). Ê-xê-chia là một vua hiền đức, nhưng các cuộc cải cách của ông chỉ mới "cào sơ" cái vỏ ngoài đời sống thúi nát của nhơn dân. Trận gió lốc khủng khiếp do quân A-si-ri mỗi ngày mỗi gần hơn. Nhưng họ vẫn chẳng đổi khác chi, cứ việc nhảy múa. Quốc gia bại hoại không tự làm cho mình tinh sạch, nhưng lại càng tỉ mỉ chú ý che đậy bằng sự giả bộ nhiệt thành dự các nghi lễ tôn giáo. Lời Ê-sai đay nghiến tố cáo sự đạo đức giả hình của họ (câu 10-17) khiến ta nhớ lời Ðức Chúa Jêsus lên án các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, chẳng chút thương xót (Ma-thi-ơ 23). Ta không nên hiểu rằng những lời nầy có ý giảm bớt cái phận sự trung tín dự các cuộc thờ phượng trong Nhà Ðức Chúa Trời. Chính Ðức Chúa Trời truyền lịnh phải có các cuộc thờ phượng ấy. Ý chính ở đây là đối với "Sô-đôm" (câu 10), sự phô trương tôn giáo chẳng có ích lợi chi cả. Chỉ có sự ăn năn thành thật và sự vâng lời mới cứu được họ (câu 16-23). Ðoạn, Ê-sai từ bức tranh thê thảm xây qua ngày Si-ôn được tẩy sạch và được cứu chuộc, còn kẻ ác bị bỏ mặc cho cháy đời đời (câu 24-31).

**Ðoạn 2, 3, 4 -- Sự hiện thấy về thời đại Ðấng Christ**

Ba đoạn nầy dường như giải rộng ý tưởng sau chót của đoạn 1: Vinh quang tương lai của Si-ôn khác hẳn với sự đoán phạt giáng trên kẻ ác. Lời nhắc đến hình tượng và thói tục ngoại bang lan tràn (2:6-9) khiến ta có thể minh xác rằng sự hiện thấy nầy xảy ra dưới đời trị vì của A-cha.

**Si-ôn sẽ là trung tâm của nền văn minh thế giới**, trong một kỷ nguyên bốn phương thiên hạ hòa bình vô tận (2:2-4). Những lời lạc quan tuyệt diệu nầy đã thốt ra trong thời kỳ thành Giê-ru-sa-lem thật là một "hố phân" ô uế, bại hoại. Bất cứ thời đại ấy được thực hiện thể nào, lúc nào và ở đâu, nó cũng sẽ là cơ nghiệp của dân Ðức Chúa Trời, còn kẻ ác thì bị loại ra. Xem thêm ở dưới đoạn 11:6-9.

**Hình tượng và kẻ thờ lạy hình tượng sẽ bị đoán phạt** (2:5-22). Sự đau đớn và lưu đày đang đợi chờ dân Giu-đa vì cớ tội lỗi họ (3:1-15), kể cả bọn phụ nữ Giê-ru-sa-lem chai đá, ăn bận đúng thời trang (3:16-26). Ấy cũng như bọn phụ nữ xa hoa ở thành Sa-ma-ri (A-mốt 4:1-3). "Bảy người nữ sẽ bắt lấy một người nam" (4:1), vì bọn đờn ông bị giết ngoài mặt trận.

**"Chồi" hầu đến** (4:2-6). Ðây là lần đầu tiên Ê-sai nói đến Ðấng Mê-si hầu đến. Danh Ngài là "CHỒI," nghĩa là một Nhánh nứt ra từ cái gốc cây nhà Ða-vít đã đổ nát (11:1; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12). Ngài là Ðấng sẽ tẩy sạch sự ô uế của Si-ôn, và khiến Si-ôn thành nguồn ơn phước cho thế giới.

**Ðoạn 5 -- Bài ca về vườn nho**

Ðây là một bản ai ca. Sau bao nhiêu thế kỷ được Ðức Chúa Trời săn sóc lạ lùng hơn cả, tới nay vườn nho của Ngài, tức là dân Ngài, chẳng sanh trái chi cả, làm cho Ngài thất vọng, đến nỗi bị Ngài từ bỏ và chặt đi. Lời Ðức Chúa Jêsus phán thí dụ về vườn nho (Ma-thi-ơ 21:33-45) dường như là hồi thanh và bài giải rộng thí dụ trên đây. Những tội lỗi bị đặc biệt tố cáo ở đây là: Tham lam, bất công và say sưa. Những sản nghiệp rộng lớn của người giàu đã thâu được bằng cách bốc lột kẻ nghèo, chẳng bao lâu sẽ trở thành đất hoang. Một "bát" (câu 10) có 36 lít. Một "ô-me" có 11 thùng; một "ê-pha" là một thùng. Ấy nghĩa là mùa gặt sẽ kém số hột giống đã đem theo. "Phải bắt làm phu tù" (câu 13); trong nguyên văn, câu nầy ở thì quá khứ cũng như Ê-sai 53; ấy vì tương lai chắc chắn xảy ra đến nỗi nói như là việc đã qua rồi. Lại nữa, đương thời ấy, một phần lớn nhơn dân cũng đã đi làm phu tù rồi. "Dùng đõi xe kéo tội lỗi" (câu 18), nghĩa là bào chữa sự hư hoại của mình bằng cách ngụy biện và giễu cợt cái ý tưởng rằng Ðức Chúa Trời sẽ hình phạt họ. Những dân tộc từ xa sẽ đến xâm lăng (25-30). Người A-si-ri đương thời Ê-sai và, 100 năm sau, người Ba-by-lôn hủy phá thành Giê-ru-sa-lem. Rồi tới năm 70 S.C., người La-mã đánh một đòn chí tử, làm cho quốc gia Do-thái không sanh tồn nữa.

**Ðoạn 6 -- Ê-sai được kêu gọi**

Các nhà nghiên cứu Kinh Thánh không đồng ý về sự hiện thấy nầy có thể xảy ra trước các sự hiện thấy ở năm đoạn đầu. Các niên hiệu ghi trong sách nầy đều theo thứ tự niên đại: 6:1; 7:1; 14:28; 20:1; 36:1. Sự kiện nầy tỏ ra rằng sách viết theo thứ tự niên đại tổng quát, nhưng không buộc phải đúng từng chi tiết. Có lẽ lúc về già, Ê-sai sắp lại các sự hiện thấy mình đã viết ra ở những giai đoạn khác nhau của chức vụ lâu dài; ông đã theo thứ tự ý tưởng một phần nào, nên việc ở một vài đoạn sau lại thật xảy ra trước những đoạn trước.

Người ta cũng có ý kiến khác nhau về đây là Ê-sai được kêu gọi lần đầu tiên đi hành chức tiên tri, hay là ông được giao cho một sứ mạng đặc biệt. Ở 1:1 chép rằng một phần chức vụ của ông đã thi hành đương thời vua Ô-xia, còn sự kêu gọi ở đây lại xảy ra năm vua ấy băng hà; như vậy, ngụ ý rằng trước đó ông cũng đã rao giảng, và sự kêu gọi nầy là Ðức Chúa Trời cho phép ông lên tiếng.

Cứ bề ngoài mà xét, thì chức vụ đặc biệt mà Chúa kêu gọi ông làm dường như là khiến cho quốc dân cứng lòng cực điểm ngõ hầu sự hủy diệt chắc chắn xảy đến (câu 9-10). Nhưng, lẽ tự nhiên, mục đích của Ðức Chúa Trời chẳng phải là làm cho quốc dân càng cứng lòng trong tội lỗi, mà là khiến họ ăn năn để được cứu khỏi bị hủy diệt. Tất cả chức vụ của Ê-sai, cùng với những sự hiện thấy kỳ diệu, mà tuyệt điểm là một trong những phép lạ vĩ đại nhứt của các thời đại, có thể nói là dường như Ðức Chúa Trời nôn nả phất cờ đỏ để làm cho dân Y-sơ-ra-ên dừng lại, chớ không cứ điên cuồng nhào tới vùng nước xoáy. Nhưng khi một dân tộc cố quyết chống lại Ðức Chúa Trời, thì cả đến sự thương xót của Ngài kết quả cũng chỉ làm cho họ cứng lòng hơn.

"Cho đến chừng nào?" (câu 11). Nghĩa là: Phương thức làm cho cứng lòng nầy sẽ tiếp tục cho đến chừng nào? Ðáp lại: Cho đến khi xứ sở bị hoang vu và nhơn dân bị bắt đi (câu 11-12). "Một phần mười" (câu 13). Sẽ có một phần sót lại, nhưng rồi cũng bị hủy diệt, và chỉ còn lại cái gốc từ đó một Nhánh sẽ nẩy ra. Lời nầy rao truyền năm 735 T.C.. Một năm sau, người Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc bị quân A-si-ri bắt đi làm phu tù. Và 14 năm sau, tất cả phần sót lại của nước phía Bắc sụp đổ (721 T.C.), chỉ có nước Giu-đa còn lại (gần "một phần mười," vì là một trong số 12 chi phái). Một trăm năm sau, nước Giu-đa cũng bị tiêu diệt.

**Ðoạn 7 -- Con trẻ "Em-ma-nu-ên"**

Lời tiên tri nầy rao truyền trong cơ hội nước Y-sơ-ra-ên và xứ Sy-ri liên minh xâm lăng nước Giu-đa. Ban đầu, chúng tấn công nước Giu-đa riêng biệt (II Sử ký 28:5-6), rồi sau chúng hiệp nhau mà tấn công (II Các vua 16:5). Mục đích của chúng là đặt một vua khác thế cho A-cha (câu 6). A-cha bèn xin vua A-si-ri tiếp cứu (II Các vua 16:7. Ðáp lời xin ấy, vua A-si-ri xâm lăng nước Y-sơ-ra-ên và xứ Si-ry, bắt dân chúng đi làm phu tù (II Các vua 15:29; 16:9). Ðó là cuộc lưu đày "Ga-li-lê" (734 T.C.).

Lúc quân Sy-ri và Y-sơ-ra-ên mới tấn công thành Giê-ru-sa-lem, thì Ê-sai dám quả quyết với A-cha rằng cuộc tấn công ấy sẽ thất bại, nước Y-sơ-ra-ên và xứ Sy-ri sẽ bị tiêu diệt, còn nước Giu-đa sẽ được cứu thoát. Người ta cho rằng "65 năm" (câu 8) gồm khoảng thì giờ từ cuộc lưu đày người Y-sơ-ra-ên lần thứ nhứt (734 T.C.) cho tới khi Ê-sạt-Ha-đôn định cư những người ngoại bang vào khoảng năm 670 T.C.. (IICác- vua 17:24; E-xơ-ra 4:2).

"Nữ đồng trinh" và con trai nàng, là "Em-ma-nu-ên" (câu 10-16). Sự trạng nầy được gọi là "một điềm," cốt để làm cho A-cha đang hoài nghi sẽ tin quyết ở sự giải cứu mau lẹ. Có thể có nghĩa rằng hai nước xâm lăng kia bị tiêu diệt vào lúc một thiếu nữ khi ấy còn đồng trinh, sẽ lấy chồng, sanh một con trai, và nuôi dạy nó cho tới khi phân biệt được điều lành, điều dữ. Nhưng sự trạng ấy là "một điềm" ở chỗ nào? "Ðiềm" là một phép lạ thực hiện cốt để chứng minh điều gì. "Nữ đồng trinh" không được chỉ đích danh, nhưng chắc chỉ về một điều gì rất phi thường sẽ xảy ra ngay lập tức trong gia tộc Ða-vít (tức là chính gia tộc A-cha). Ðiều gì đó đã không được giải thích thêm. Ðây là một trường hợp hòa trộn các bức tranh ở chơn trời gần và chơn trời xa, rất thông thường trong các sách tiên tri. Tánh cách đế vương của con trẻ được tỏ ra ở đoạn 8:8, và thừa tiếp văn tỏ ra con trẻ ấy chính là Con Trẻ Lạ lùng ở đoạn 9:6-7; vả Con Trẻ Lạ lùng đó không thể là người nào khác trừ ra Ðấng Mê-si hầu đến. Sách Ma-thi-ơ 1:23 đã trưng dẫn lời nầy theo ý nghĩa ấy. Vậy, đang khi Ê-sai nói với A-cha về điềm trong chính gia tộc ông, tức là gia tộc Ða-vít, thì Ðức Chúa Trời chiếu trong trí óc ông hình ảnh của điềm vĩ đại hơn bội phần sẽ hiển hiện trong gia tộc Ða-vít: Ấy là Con Trai Ða-vít, oai hùng hơn ông, sẽ do nữ đồng trinh sanh ra.

Nước Giu-đa sẽ bị quân A-si-ri làm cho hoang vu (câu 17-25). Ðây chính là quân A-si-ri đang giúp đỡ nước Giu-đa chống lại nước Y-sơ-ra-ên và xứ Sy-ri. Việc nầy đã xảy ra lúc sanh tiền của Ê-sai, chỉ có thành Giê-ru-sa-lem còn lại.

**Ðoạn 8 -- "Ma-he-Sa-la-Hát-Bát"**

Có ba con trẻ được ghi tên, liên quan đến cuộc xâm lăng của quân Y-sơ-ra-ên và quân Sy-ri: Một người thuộc về gia tộc Ða-vít, là "Em-ma-nu-ên" (7:13-14), hai người thuộc về gia đình Ê-sai, là "Sê-a-gia-súp" (7:3) và "Ma-he-Sa-la-Hát-Bát" (8:1-4).

"Sê-a-gia-súp" nghĩa là: "Một phần còn sót sẽ trở về." Một trăm năm trước khi xảy ra, Ê-sai đã coi việc dân Giu-đa bị bắt qua Ba-by-lôn làm phu tù như thực hiện rồi; nhưng ông được sự hiện thấy về một phần còn sót lại sẽ được cứu, bèn đặt tên con trai mình theo ý đó. Phần sót lại ấy và tương lai vinh hiển của họ chính là đề tài của sách Ê-sai.

"Ma-he-Sa-la-Hát-Bát nghĩa là: Chiến lợi phẩm đến mau, mồi tới vội vàng," tức là xứ Sy-ri và nước Y-sơ-ra-ên sẽ bị cướp bốc gấp. Như vậy, Ê-sai đặt tên con để tỏ ý sẽ có sự giải cứu mau lẹ, thì đó là cách ông đã nhấn mạnh vào những điều mình đã dự ngôn ở 7:4, 7, 16. Việc nầy xảy ra mau chóng, đúng như Ê-sai đã nói. Ðạo quân A- sy-ri toàn thắng tràn vào nước Giu-đa (theo như đã dự ngôn -- câu 8), và chỉ bị chận lại nhờ sự can thiệp trực tiếp của Ðức Chúa Trời (37:36).

Như vậy, tên các con trai của Ê-sai thể hiện ý tưởng trong sự giảng dạy hằng ngày của ông: Sự giải cứu hiện tại, cảnh lưu đày hầu đến, và sự vinh hiển tương lai.

**Sự sầu thảm và bóng tối tăm của cảnh phu tù** (câu 9-22). Chúa truyền cho Ê-sai hãy chép lời tiên tri của mình, và giữ lại để tham chiếu trong ngày nó được ứng nghiệm (câu 16).

**Ðoạn 9 -- Con Trẻ Lạ lùng**

Sự hiện thấy tuyệt vời về Ðấng Mê-si nằm trong khung cảnh suy vong của nước Y- sơ-ra-ên mà Ê-sai vừa mới dự ngôn ở đoạn 7 và đoạn 8. Sa-bu-lôn và Nép-ta-li (câu 1), là khu vực Ga-li-lê, sẽ sụp đổ đầu tiên trước mặt quân A-si-ri (II Các vua 15:29). Nhưng một ngày kia, chính khu vực ấy sẽ được cái vinh dự cao tột, là hiến cho thế giới Ðấng cứu chuộc loài người và Vua muôn đời. Ở 2:2-4, Ê-sai đã thấy trong tương lai, Si-ôn sẽ cầm quyền cai trị cả thế giới; ở 4:2-6, ông thấy chính vua (Giăng 12:41); tới 7:14, ông dự ngôn về Ngài do nữ đồng trinh sanh ra. Tại đây (9:6-7), thần tánh và ngôi đời đời của Ngài được mô tả bằng những lời vừa ôn hòa, vừa oai nghiêm (xem thêm ở dưới đoạn 11 và 12).

**Sa-ma-ri cố quyết chẳng ăn năn** (9:8-10:4). Theo thói quen thường đột ngột chuyển từ lúc đương thời mình qua tương lai và ngược lại, Ê-sai thình lình xây mắt qua Sa-ma-ri. Phần lớn dân Y-sơ-ra-ên đã bị bắt đi làm phu tù năm 734 T.C.; nhưng Sa-ma-ri cầm cự được cho tới năm 721 T.C.. Những dòng chữ nầy dường như liên quan đến khoảng 13 năm ở giữa hai biến cố trên đây; trong thời gian nầy, đám dân còn sót không tự tỉnh trước quốc nạn khủng khiếp, nhưng cứ bất chấp cả Ðức Chúa Trời lẫn quân A-si-ri. Ðây là một bài thơ có 4 đoạn, mỗi đoạn chấm dứt bằng cùng một điệp khúc cảnh cáo dân Sa-ma-ri về số phận dành cho họ.

**Ðoạn 10:5-34 -- Quân A-si-ri tiến đến**

Ðoạn nầy chép sau khi Sa-ma-ri sụp đổ (câu 11), và tỏ ý bất chấp đạo quân A-si-ri đang khoe khoang mà tiến vào nước Giu-đa, đến tận cổng thành Giê-ru-sa-lem. Các thành ghi tên ở câu 28-32 ở ngay phía Bắc Giê-ru-sa-lem. Ðức Chúa Trời đã dùng quân A-si-ri hành phạt nước Y-sơ-ra-ên, nhưng đây Ngài cảnh cáo họ chớ đánh giá sức mạnh của chúng quá mức (câu 15), và hứa sẽ đánh cho chúng thảm bại (câu 26), y như quân Ma-đi-an đã bị Ghê-đê-ôn đánh bại (Các quan xét 7:19-25) và quân Ê-díp-tô đã bị đánh bại tại Biển Ðỏ (Xuất Ê-díp-tô ký 14). Cả hai cuộc thắng đó là phép lạ vĩ đại. Một năm sau khi hủy diệt Sa-ma-ri, Sa-gôn đã quay về phía Nam, xâm lăng nước Giu-đa (720 T.C.), chiếm một số thành Phi-li-tin, và đánh bại đạo quân Ai-cập. Lại nữa, năm 713 T.C., đạo quân của Sa-gôn (người ta cho là do San-chê-ríp, con trai ông, thống lãnh) xâm lăng nước Giu-đa và các xứ Phi-li-tin, Ê-đôm, Mô-áp. Rồi tới năm 701, San-chê-ríp cầm đầu một đạo quân đông đảo, xông vào nước Giu-đa. Lúc nầy Ðức Chúa Trời làm ứng nghiệm lời hứa của Ngài, là đánh cho quân A-si-ri một đòn thình lình và mạnh mẽ đến nỗi chúng không hề kéo đến đánh Giê-ru-sa-lem nữa (37:36).

**Ðoạn 11, 12 -- "Chồi" và Nước của Ngài**

Ðây là giải rộng các đoạn 2:2-4, 4:2-6, và 9:1-7. Tại đây, Ê-sai lại thình lình đưa mắt từ sự chiến thắng đạo quân A-si-ri qua tương lai và hiến chúng ta một bức tranh vinh hiển hơn hết về thế giới hầu đến mà ta được thấy trong cả Kinh Thánh. Ðây là một thế giới chẳng có chiến tranh, dưới quyền trị vì của một Vua công bình, nhơn ái, thuộc dòng Ða-vít; thế giới nầy gồm những người được cứu chuộc giữa muôn dân cùng phần dân Do-thái còn sót lại và được khôi phục trong ngày toàn thắng; khi ấy, hết thảy phần tử đối nghịch, gọi bóng là những quân thù lân cận của Giu-đa (câu 14), sẽ bị hạ xuống. Chúng ta không biết tình trạng nầy sẽ xảy ra trong thế giới bằng thịt và huyết của ta đây, hay là trong một kỷ nguyên ở bên kia bức màn. Nhưng ta biết chắc sẽ có, cũng như buổi sáng tiếp theo ban đêm vậy. Ðề mục nầy được tiếp tục được giải luận ở 25:6. Ðoạn 12 là một bài ca ngợi ngày chiến thắng hân hỉ mà Ðức Chúa Trời đã đặt ở môi miệng Ê-sai; đây là một bản thánh ca của Thiên đàng mà hết thảy chúng ta sẽ hát khi tới đó.

**Ðoạn 13 đến 23 -- Sự Phán Xét Các Nước**: Ba-by-lôn, Phi-li-tin, Mô-áp, Ða-mách, Ê-thi-ô-bi, Ai-cập, Ðu-ma, A-ra-bi, Ty-rơ.

**Ðoạn 13, 14:1-27 -- Ba-by-lôn suy vong**

Ðương thời Ê-sai, A-si-ri là bá chủ thế giới. Ba-by-lôn vốn là một chư hầu của A-si-ri. Ba-by-lôn lên địa vị cường quốc bá chủ thế giới năm 606 T.C., và suy vong năm 536 T.C.. Như vậy Ê-sai báo cáo sự suy vong của Ba-by-lôn 100 năm trước khi nó dấy lên. Vậy, các nhà phê bình kim thời phát biểu ý kiến rằng đó không thể là dự ngôn của Ê-sai, mà là của một tiên tri nào sau ông. Tuy nhiên, 13:1 đặc biệt quả quyết rằng đây là lời của Ê-sai.

Sự huy hoàng mà Ba-by-lôn vươn tới 100 năm sau thời Ê-sai, để trở thành thủ đô của thế giới trước kỷ nguyên Ðấng Christ, "sự vinh hiển các nước" (13:19), đã được tỏ rõ trong sự hiện thấy ở đây, dường như Ê-sai đã có mặt ở đó. Ấy là Thần Ðức Chúa Trời đã soi sáng trí óc Ê-sai một cách lạ lùng. Nhưng gánh nặng của lời tiên tri nầy là sự suy vong của Ba-by-lôn, đã được mô tả tỉ mỉ đến nỗi chúng ta kinh sợ và ngạc nhiên vô cùng. Người Mê-đi là một dân tộc hầu như chẳng ai biết đến đương thời Ê-sai, nhưng đã được chỉ danh là kẻ hủy diệt Ba-by-lôn (13:17-19).

**Ðại ý của lời tiên tri**: Ba-by-lôn sẽ thay thế A-si-ri (14:25); Mê-đi sẽ thay thế Ba-by-lôn (13:17), và Ba-by-lôn sẽ tiêu diệt đời đời (13:19-22; 14:22-23). Hãy xem ở dưới II Các vua 25 để thấy lời tiên tri lạ lùng nầy đã được ứng nghiệm.

Ðiểm hào hứng đặc biệt cho dân Do-thái, đồng bào của Ê-sai, là sư suy vong của Ba-by-lôn có nghĩa là đoàn phu tù sẽ được phóng thích (14:1-4). Trong vòng một năm sau khi Ba-by-lôn suy vong, Si-ru, vua Mê-đi-Ba-tư, đã ra chiếu chỉ cho phép dân Do-thái trở về cố quốc (E-xơ-ra 1:1).

Một trăm năm sau Ê-sai, khi Ba-by-lôn đã lên địa vị cường quốc, đã phá tan đế quốc A-si-ri và đang hủy phá thành Giê-ru-sa-lem, thì Giê-rê-mi tiếp theo Ê-sai mà kêu đòi báo thù (xem Giê-rê-mi 50, 51).

Ba-by-lôn, đế quốc đã hà hiếp dân Do-thái, là phần đối chiếu và kiểu mẫu của một cường quốc đời Tân Ước bắt Hội Thánh làm tôi mọi (Khải Huyền 17 đến 19).

**Ðoạn 14: 28-32 -- Phi-li-tin**

Chữ "Pa-lét-tin" (xứ Do-thái) do chữ "Phi-li-tin" mà ra. "Rắn" (câu 29) có lẽ chỉ về Tiếc-la-phi-lê-se, người đã chiếm một số thành Phi-li-tin và đã chết đúng một năm trước A-háp (câu 28). Còn những thuồng luồng và rắn lửa bay có lẽ chỉ về Sa-gôn và San-chê-ríp, là kẻ đã làm cho xứ Phi-li-tin hoàn toàn hoang vu. "Sứ giả" (câu 32) có lẽ là các sứ thần mà Phi-li-tin đến yêu cầu Giê-ru-sa-lem giúp chúng chống lại quân A-si-ri. Ta còn thấy nhiều lời khác tố cáo dân Phi-li-tin ở Giê-rê-mi 47, A-mốt 1:6-8, Sô-phô-ni 2:4-7 và Xa-cha-ri 9:5-7.

**Ðoạn 15, 16 -- Mô-áp**

Mô-áp là một cao nguyên không bằng phẳng, gồm những đồng cỏ xanh tươi, ở phía Ðông Biển Chết. Người Mô-áp là dòng dõi của Lót (Sáng thế ký 15:37), và như vậy, họ có bà con với dân Do-thái. Ðây là một trong những lời tiên tri đầu tiên của Ê-sai, và bây giờ được lặp lại, nói thêm thời hạn 3 năm (16:14). Các thành nêu tên đã bị cướp phá bởi Tiếc-la-phi-lê-se năm 734 T.C., bởi Sa-gôn năm 713 T.C., và bởi San-chê-ríp năm 701 T.C.. Không nói rõ lời tiên tri của Ê-sai chỉ về cuộc cướp phá nào. Tuy nhiên, Ê-sai khuyên họ rằng họ sẽ được lợi nếu lại chịu đầu phục nhà Ða-vít (16:1-5); khi nhắc tới nhà Ða-vít, thì có hình ảnh Ðấng Mê-si hầu đến trong sự hiện thấy của ông (câu 5). Bởi Ru-tơ, người Mô-áp đã dự phần sáng lập nhà Ða-vít. Về các lời tiên tri khác liên quan đến xứ Mô-áp, xin xem Giê-rê-mi 48, A-mốt 2:1-3, Sô- phô-ni 2:8-11.

**Ðoạn 17 -- Ða-mách**

Tiếp tục ý tưởng ở đoạn 7, có lẽ đã viết cùng một lúc, đang khi quân Sy-ri và quân Y-sơ-ra-ên tấn công nước Giu-đa (năm 734 T.C.). Sau ít lâu, lời tiên tri đã được ứng nghiệm, khi Tiếc-la-phi-lê-se và Sa-gôn xâm lăng. Lời tiên tri nầy cũng nghịch cùng người Y-sơ-ra-ên (câu 3-4), vì chúng liên minh với Ða-mách. "Ngó về Ðấng tạo mình" (câu 7): Việc dân sót lại của nước phía Bắc quay về với Ðức Giê-hô-va đã được tỏ ra ở II Sử ký 34:9. Cuối lời tiên tri nầy có sự hiện thấy về quân A-si-ri bị đánh bại sau khi thắng Sy-ri và Y-sơ-ra-ên (câu 12-14); nhứt là câu 14 dường như chỉ rõ về đoạn 37:36.

**Ðoạn 18 -- Ê-thi-ô-bi**

E-thi-ô-bi ở phía Nam Ai-cập, vua hùng cường của Ê-thi-ô-bi đương thời ấy cầm quyền cả Ai-cập. Ðây không phải một lời tiên tri đoán phạt; trái lại, nó dường như nói đến sự hăng hái và động viên giữa vòng người Ê-thi-ô-bi khi đạo quân của San-chê-ríp tiến vào nước Giu-đa, vì một khi nước Giu-đa suy vong, thì con đường sẽ mở rộng cho quân A-si-ri kéo vào Ai-cập (câu 1-3); cũng nói đến thành Giê-ru-sa-lem được giải cứu lạ lùng (câu 4-6; 37:36), và người Ê-thi-ô-bi gởi dâng lễ vật tạ ơn vì đạo quân A-si-ri đã bị hủy diệt (câu 7; II Sử ký 32:23).

**Ðoạn 19 -- Ai-cập**

**Một thời kỳ hỗn loạn và nội chiến** (câu 1-4).-- Tình trạng nầy đã bắt đầu ở triều đại thứ 25, vào khoảng Ê-sai qua đời. "Chúa hung dữ" (câu 4). Sau khi Ê-sai qua đời ít lâu, thì Ê-sạt-ha-đôn khắc phục Ai-cập, chia ra làm nhiều chánh phủ nhỏ mà phận sự chánh yếu là "giết, cướp phá và bóc lột" thần dân.

**Dự ngôn về sự suy sụp và phân chia Ai-cập** (câu 5-17).-- Mọi điều nầy đã xảy ra. Xem Giê-rê-mi 46 và Ê-xê-chi-ên 29.

Ai-cập và A-si-ri dầm thấm đạo Do-thái (câu 18-25). Sau cuộc lưu đày, nhiều người Do-thái cứ ở thung lũng Ơ-phơ-rát, và cũng có một số lớn định cư tại Ai-cập. *Alexandrie* (Công vụ các sứ đồ 6:9; 18:24, v.v...), thành phố thứ hai của thế giới đương thời Ðức Chúa Jêsus, là nơi người Do-thái ở gần hết. Tại đó, Cựu Ước đã được dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ ra tiếng Hy-lạp, gọi là bản *Septante*. Tại *Héliopolis*, "thành hủy diệt" (câu 18), năm 149 T.C., đã cất một Ðền thờ theo kiểu Ðền thờ ở Giê-ru-sa-lem, làm trung tâm thờ phượng của người Do-thái ngụ ở Ai-cập. Người ta cho rằng đó là "bàn thờ" ở câu 19. Ðương thời Ðấng Christ xuất hiện, quốc gia Hê-bơ-rơ gồm ba khu vực chính, có những "đường cái" nối liền (câu 23): Khu vực Pa-lét-tin, khu vực Ai-cập, và khu vực Mê-sô-bô-ta-mi, dường như thành ra ba quốc gia (câu 24). Ba miền nầy ở trong số tiếp nhận đạo Ðấng Christ trước nhứt. Như vậy, đoạn nầy thuật đúng trước một giai đoạn lịch sử Y-sơ-ra-ên gồm 600 năm theo sau.

**Ðoạn 20 -- Ai-cập và Ô-thi-ô-bi**

Ê-sai rao báo rằng hai nước nầy sẽ thua trận và bị bắt làm phu tù, cốt để làm cho nước Giu-đa chán nản, đừng trông mong Ai-cập giúp mình chống đánh quân A-si-ri nữa. "Ði trần" (câu 2-3), có lẽ không phải là hoàn toàn lõa thể, nhưng là mặc áo của kẻ phu tù. Có lẽ ông không ăn bận như vậy luôn, nhưng từng hồi từng lúc, trải qua 3 năm. Việc nầy xảy ra năm 713 T.C., và lời tiên tri được ứng nghiệm 12 năm sau. Năm 701 T.C., biên niên sử của San-chê-ríp chép rằng: Ta giao chiến với các vua Ai-cập, lật đổ chúng, bắt sống những kẻ đánh xe ngựa và những con trai của chúng." Về sau, Ê-sạt-Ha-đôn lại làm cho Ai-cập hoang vu thêm (xem ở dưới 19:1-4). **"Ta-tân"** (câu 1) không phải là tên một người, mà là một chức vị tương đương với "tổng tư lịnh." **"Sa-gôn"** (câu 1): Ta chỉ biết có đây nói đến tên Sa-gôn, cho đến khi các nhà khảo cổ của thế kỷ trước phát giác rằng ông là một trong những vua A-si-ri hùng mạnh nhứt.

**Ðoạn 21 -- Ba-by-lôn, Ê-đôm, A-ra-bi**

**Ba-by-lôn** (câu 1-10) có rất nhiều đê và kinh bao bọc chung quanh, giống như một thành ở giữa biển. Ðây là lời linh động rao báo nó sẽ suy sụp. Ê-lam và Mê-đi được nhắc đến (câu 2), tỏ ra nó sẽ bị Si-ru chiếm lấy, năm 536 T.C. (xem thêm ở dưới các đoạn 13, 14).

**Ðu-ma** (câu 11-12) là tên một địa hạt ở phía Nam Ê-đôm, và đây dùng để chỉ về Ê- đôm mà Sê-i-rơ là trung tâm. Câu hỏi nầy dường như có nghĩa là: Cuộc xâm lăng, tàn phá của quân A-si-ri có lan tới Ê-đôm chăng? Tiên tri dường như cố ý đáp lại cho khó hiểu. Xem thêm đoạn 34:5-17.

**A-ra-bi** (câu 13-17) là sa mạc ở giữa Ê-đôm, và Ba-by-lôn. Ðê-đan, Thê-ma và Kê- đa là những bộ lạc Ả-rập hùng mạnh nhứt. Ðây là lời dự ngôn rằng trong vòng một năm, họ sẽ bị một đòn nặng khủng khiếp. Sa-gôn xâm lăng xứ A-ra-bi năm 716 T.C.

**Ðoạn 22 -- Giê-ru-sa-lem**

Giê-ru-sa-lem được gọi là "Trũng của sự hiện thấy" (câu 1) vì ngọn đồi, vị trí của nó, có nhiều trũng bao quanh, bên ngoài lại có những ngọn đồi cao hơn nữa, và đó là nơi Ðức Chúa Trời tự khải thị. Ðây, thành Giê-ru-sa-lem bị quở trách vì phóng túng, chẳng lo lắng gì, đang khi bị đạo quân A-si-ri vây hãm. Cuộc dự bị phòng thủ của họ (câu 9-11; II Sử ký 32:3-5) gồm hết mọi sự, trừ ra không quay về với Ðức Chúa Trời.

**Giáng chức Sép-na** (câu 15-25).-- Là một thượng quan của nhà Ða-vít, có lẽ ông đã cầm đầu những hành vi phóng túng tại Giê-ru-sa-lem ở trước hiểm họa nặng nề. Trong sự nhắc Ê-li-a-kim lên ngôi vua, có hơi ngụ ý nói đến Ðấng Mê-si (câu 22-25).

**Ðoạn 23 -- Ty-rơ**

Trải qua bao nhiêu thế kỷ, Ty-rơ là hải cảng trung tâm của nền thương mại thế giới. Nó đã tạo lập thuộc địa ở khắp các bờ biển Ðịa-trung-hải. Lúa mì của Ai-cập là một trong những món hàng chánh yếu do nó buôn bán. Nó chịu đau đớn kinh khiếp bởi tay quân A-si-ri vừa mới mở rộng quyền bá chủ trên Ba-by-lôn (câu 13). Ðây dự ngôn rằng nó bị lật đổ và suy sụp trong 70 năm, rồi được khôi phục (câu 14-18). Người ta cho rằng đây nói đến thời kỳ nó bị Nê-bu-cát-nết-sa khắc phục (xem thêm ở dưới Ê-xê-chi-ên, đoạn 26 đến 28).

**Ðoạn 24 đến 27 -- Ðến Cuối Cùng Trái Ðất Sẽ Bị Tiêu Hủy**

Từ đoạn 13 đến 23, có lời phán xét nghịch cùng những quốc gia đặc biệt. Tới đây có sự phán xét sau cùng cho cả thế giới.

**Ðoạn 24 -- Thế giới bị đảo lộn**

Sự hiện thấy nầy dường như liên quan đến cùng một thời kỳ mà Ðức Chúa Jêsus đã giải luận ở sách Ma-thi-ơ, đoạn 24. Nó mô tả những tai họa kinh khiếp làm cho trái đất tiêu mất luôn với những giai cấp, chức vị và danh vọng xã hội. Cũng như nạn nước lụt đời Nô-ê, những tai họa nầy do sự gian ác của loài người gây nên. Giê-rê-mi đã nói rằng: "Ba-by-lôn sẽ chìm xuống" và "sẽ chẳng còn chổi dậy nữa" (Giê-rê-mi 51:64); và ở đây, Ê-sai cũng nói về trái đất như vậy (câu 20). Về sau, Ê-sai nhìn xa và thấy các từng trời mới và trái đất mới (65:17-66:24).

**Ðoạn 25 -- Sự chết bị thủ tiêu**

Ðây, Ê-sai đi xa hơn cảnh tượng các thế giới tan vỡ mà vào thời đại của các từng trời mới và trái đất mới. Ông đặt vào miệng những kẻ được cứu chuộc một bài hát ngợi khen Ðức Chúa Trời vì các công việc lạ lùng của Ngài. Lạ lùng hơn hết là sự tiêu diệt Tử thần (câu 8) "tại trên núi nầy" (câu 6) của Giê-ru-sa-lem. Lời nầy không thể chỉ về biến cố nào khác ngoài ra sự Ðức Chúa Jêsus sống lại từ trong kẻ chết, là biến cố độc nhứt vô nhị đã thủ tiêu Tử thần và bảo đảm cho loài người được sự sống đời đời; là "diên rượu ngon cho mọi dân tộc" (câu 6); là tiếng reo vui của muôn đời; là biến cố "lau nước mắt khỏi mọi mặt" (câu 8). Trong phần nầy, Ê-sai cũng nói đến Mô-áp (câu 10), chứng tỏ rằng trí óc ông quen thình lình chuyển từ vinh hiển tương lai qua những tình cảnh địa phương hiện tại, và ngược lại. Ðây ta có thể dùng số phận của Mô-áp, kẻ thù truyền tử lưu tôn của Giu-đa, làm hình bóng về số phận của những kẻ thù nghịch với Si-ôn nói chung.

**Ðoạn 26 -- Một bài ca tin cậy và đắc thắng**

Ðây là tiếp tục bài ca ở đoạn trước. "Thành bền vững" (câu 1) là nơi trung tâm gặp gỡ của dân Ðức Chúa Trời "Thành cao ngất" (câu 5) là thành lũy lý tưởng của kẻ ác. Câu 3 là một câu vĩ đại. Nhưng câu vĩ đại nhứt của đoạn nầy là câu 19, luận về sự sống lại. Ðoạn 25:8 nói về sự sống lại của Ðấng Christ; còn đây nói về sự sống lại chung của con cái Ðức Chúa Trời. "Tỏ bày huyết nó ra" (câu 21) trong ngày phán xét, khi ấy đời trị vì lâu dài, gian ác và đổ huyết của loài người sẽ bị đem ra ánh sáng và bị báo trả.

**Ðoạn 27 -- Vườn nho của Ðức Chúa Trời được phục hưng**

Ở đoạn 5:1-7, Ê-sai hát bài ai ca về vườn nho của Ðức Chúa Trời. Ðây là một khúc hoan ca về vườn nho ấy sống lại. Ðó là một hình bóng tuyệt diệu về đạo Ðấng Christ trổ bông từ phần sót lại của nước Giu-đa hoang vu, và rải ảnh hưởng tốt lành trên khắp trái đất! "Lê-vi-a-than," "con rắn" và "con vật lớn dưới biển" (câu 1) có lẽ chỉ về A-si-ri, Ba-by-lôn và Ai-cập, hoặc là tên bóng của các quyền lực tội ác. Sự đoán phạt để sửa trị nước Giu-đa (câu 7-11). Rốt lại, dân Y-sơ-ra-ên được thâu nhận vào Hội Thánh khải hoàn (câu 12-13).

"Trong ngày đó" (câu 1, 2, 12, 13). Hãy chú ý mấy chữ nầy được dùng luôn trong sách Ê-sai 4:2; 7:20, 23; 11:10, 11; 12:1; 14:3; 17:4, 7, 9, 23, 24; 22:12; 26:1; 28:5; 29:18; 30:23; v.v... Chúng ta hầu như có thể gọi "Ngày đó" là đề mục của sách nầy; cũng có những khúc, những câu luận về "Ngày đó" và chính ngày (thời) của Ê-sai lẫn lộn với nhau.

**Ðoạn 28 -- Tố cáo Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem**

Từ những sự hiện thấy về "Ngày đó" trở về, Ê-sai nghiêm nghị cảnh cáo dân mình (đang phóng túng theo nhục dục) về tai họa hầu gần, như ở đoạn 22. Lời cảnh cáo nầy chắc có trước lúc Sa-ma-ri sụp đổ (721 T.C.). "Ðẹp nhứt" (câu 1): Sa-ma-ri, thủ đô của nước phía Bắc, ở trên một trái đồi tròn, trong thung lũng phì nhiêu, đẹp đẽ, và có những cung điện nguy nga, vườn tược tuyệt mỹ. "Một người mạnh và có quyền" (câu 2) là cường quốc A-si-ri, sau 3 năm vây hãm, đã chiếm Sa-ma-ri, nhưng phải quay lại "nơi cửa thành" Giê-ru-sa-lem (câu 6). Những kẻ vui chơi nhạo báng, cho các lời cảnh cáo của Ê-sai là chuyện con nít (câu 9-10). Ê-sai đáp (câu 11-13) rằng họ sẽ thấy ách nô lệ của A-si-ri cũng buồn tẻ như lời cảnh cáo của ông vậy. Các quan trưởng ở Giê-ru-sa-lem chế giễu Ê-sai (câu 14-22). Ê-xê-chia là một vua tốt, nhưng nhiều quyền thần trong chánh phủ ông nhạo báng cả Ê-sai lẫn Ðức Giê-hô-va, nương cậy sức mạnh của mình và Ai-cập. "Ước kết với sự chết" (câu 15), mặc dầu họ chế giễu và khoe khoang mình được an toàn. "Ðá góc" (câu 16): Ðó là lời Ðức Chúa Trời hứa với Ða-vít mà họ đáng phải nương cậy. "Việc khác thường" (câu 21): Ðó là Ðức Chúa Trời dùng gươm của người ngoại bang mà hình phạt dân Ngài. Có sự yên ủi cho kẻ trung tín (câu 23-29): Mấy câu nầy dường như có nghĩa là dân Ðức Chúa Trời cần được đối xử nhiều cách khác nhau, hợp thời và thích ứng với tình trạng của họ.

**Ðoạn 29 -- Thành Giê-ru-sa-lem sắp bị vây**

"A-ri-ên" (câu 1) là một tên khác của Giê-ru-sa-lem, nghĩa là: "Sư tử của Ðức Chúa Trời." A-ri-ên sẽ hiên ngang chống lại đạo quân A-si-ri. Thành nầy sẽ chịu cảnh thiếu thốn do một cuộc vây hãm lâu dài (câu 2-4). Ðạo quân vây hãm gồm lính của nhiều nước, sẽ thình lình bị đè bẹp (câu 5-8), và điều nầy chẳng bao lâu đã xảy ra (37:36). Si-ôn đui mù không thấy Ðức Chúa Trời, dầu lấy môi miệng tôn thờ Ngài (Câu 9-16), nhưng đã lấy các điều răn của loài người thay thế lời Ðức Chúa Trời. Ðức Chúa Jêsus đã trưng dẫn câu nầy để áp dụng cho phe Pha-ri-si đương thời Ngài. Chúng tôi tưởng lời nầy còn đúng cho nhiều người "hành đạo nhà nghề." "Việc lạ lùng" (câu 14) là sự giải cứu Giê-ru-sa-lem bằng một phép lạ (37:36). Ruộng và rừng sẽ đổi chỗ (câu 17-24): Ngôn ngữ khó hiểu nầy có lẽ ngụ ý nói đến ngày các dân ngoại được tháp chung với dân Ðức Chúa Trời (Rô-ma 11).

**Ðoạn 30 -- Giu-đa nương cậy Ai-cập**

Những đoàn người dẫn lạc đà chở nặng tặng phẩm quí giá, từ Giê-ru-sa-lem đi qua sa mạc ở phía Nam có thú dữ khuấy phá, để cầu viện Ai-cập (câu 6-7). Dân Giu-đa bị bắt làm phu tù (câu 8-17). Ai-cập chẳng ích lợi chi. Giu-đa sẽ bị chà nát. Hãy chép biến cố ấy trong sách, để các thế hệ tương lai thấy rằng nó đã được dự ngôn. Việc xảy ra 100 năm sau, do tay của quân Ba-by-lôn. Có sự khôi phục sau một thời kỳ hình phạt (câu 18-26). A-si-ri bị tiêu diệt (câu 27-33). Sau đó ít lâu, đạo quân A-si-ri bị đánh bại (37:36), và trong vòng 100 năm sau, đế quốc A-si-ri đã bị tiêu diệt.

**Ðoạn 31 -- Ðức Chúa Trời hứa giải cứu**

Rất nhiều lần Ê-sai quả quyết tỏ lòng tin cậy rằng kết cục Si-ôn sẽ toàn thắng trong cuộc khủng hoảng do quân A-si-ri gây nên (37:36), biến cố tương lai đó dường như là bối cảnh của hầu hết mọi câu trong đoạn nầy.

**Ðoạn 32 -- Ðời trị vì của Ðấng Mê-si**

Ðang khi Ê-sai mải nghĩ đến kết quả vui mừng do sự giải cứu Si-ôn khỏi tay đạo quân A-si-ri và uy tín của nước Ê-xê-chia nhờ đó mà tăng lên rất nhiều, thì ở phía xa sự hiện thấy của ông, hiện ra hình ảnh của Vua tương lai thuộc dòng Ða-vít; mọi lời tiên tri Cựu Ước chỉ vào Vua ấy, tất cả lịch sử Cựu Ước tiến về phía Vua ấy, và dưới đời trị vì công bình, hạnh phước của Vua ấy, người và vật sẽ đứng vào địa vị xứng đáng, sẽ được gọi bằng danh hiệu thích hợp. Ta khó tìm thấy mối liên lạc trong bài giảng lạc đề cho "những con gái không hay lo" (câu 9-15). Chắc trong triều đình có một nhóm phụ nữ quyền thế, không kính sợ Ðức Chúa Trời, đã chống nghịch mọi điều mà Ê-sai binh vực (3:12, 16-26). Ðây dường như ông có ý nói rằng sẽ có một thời kỳ khổ nạn xen vào giữa sự thất bại của đạo quân A-si-ri và đời trị vì của Ðấng Mê-si. "Rừng" (câu 19) là đạo quân A-si-ri. "Thành" (câu 19) là Ni-ni-ve, hoặc những lực lượng tội ác tập trung trong thời kỳ sau rốt. "Gieo giống ở bên mọi dòng nước" (câu 20): Ðó là kỷ nguyên hạnh phước vì nền thạnh vượng được phục hồi, hoặc (đang khi chờ đợi kỷ nguyên ấy) là bình tĩnh và kiên nhẫn cứ lo tròn phận sự hằng ngày để tỏ lòng tin cậy Ðức Chúa Trời.

**Ðoạn 33 -- Ngay trước lúc giao tranh**

Ðoạn 28 đến 33 liên quan đến những ngày khủng khiếp do quân A-si-ri vây hãm thành Giê-ru-sa-lem như có mô tả ở các đoạn 36 và 37. Ðạo quân của San-chê-ríp đang cướp phá thành thị và thôn quê (câu 8-9). Các cuộc thương thuyết thất bại (câu 7). San-chê-ríp đã nhận một số tiền lớn lao (II Các vua 18:14-16), nhưng rồi lại bội lời kết ước (câu 8) và vây hãm Giê-ru-sa-lem. Dân chúng đều hoảng sợ (câu 13-14), trừ ra những kẻ tin cậy Ðức Chúa Trời (câu 2, 15-16). Trong cả tình cảnh nầy, Ê-sai bình tĩnh đi đây đó, quả quyết với dân chúng rằng Ðức Chúa Trời sẽ làm cho quân thù khủng khiếp, và chúng sẽ bỏ lại rất nhiều chiến lợi phẩm (câu 3-4). Chính Ðức Chúa Trời che chở Giê-ru-sa-lem như một dòng nước bao quanh, và những tàu tan rã của quân thù sẽ chìm ở đó (câu 21-23). Xem các đoạn 36, 37.

**Ðoạn 34 -- Cơn thạnh nộ của Ðức Chúa Trời giáng trên các nước**

Cũng như đoạn 34, đoạn nầy dường như là sự hiện thấy về thời kỳ sau rốt. Ê-đôm được dùng làm kiểu mẫu đặc biệt của cơn thạnh nộ Ðức Chúa Trời. Xưa kia, nó đông dân ở và phì nhiêu, nhưng bây giờ là một trong những chỗ hoang vu nhứt trên mặt đất, phần lớn chỉ có thú dữ, chim và rắn ở (câu 10-15). Hãy xem ở dưới sách Áp-đia. Hãy chú ý, Ê-sai đố thách các thế hệ tương lai so sánh lời ông với mọi sự sẽ xảy ra trong xứ Ê-đôm (câu 16-17).

**Ðoạn 35 -- Ngày Hội Thánh khải hoàn**

Ðây là một trong những đoạn quí báu nhứt của Kinh Thánh. Ðây là một bài thơ đẹp đẽ hiếm có. Ðây là bức tranh về thời kỳ sau rốt, là lúc Hội Thánh đã chịu hoạn nạn rất lâu rồi, cuối cùng sẽ chói sáng tất cả vinh quang thiên thượng của mình. Câu 5-6 dường như là sự hiện thấy về Ðấng Christ làm các phép lạ chữa bịnh. Bức tranh phu tù hồi hương đi dọc theo đường cái (câu 8-10) chính là một bài tuyệt diệu diễn tả mọi người được cứu chuộc đang đi đường về ở với Ðức Chúa Trời.

**Ðoạn 36, 37 -- Ðạo quân A-si-ri bị đánh bại**

Biến cố nầy được ghi chép ba lần: Ở đây, II Các vua 18, 19 và II Sử ký 32. Ðây là một trong những phép lạ vĩ đại nhứt của Cựu Ước: Trong một đêm, đạo quân A-si-ri đã bị lực lượng của Thiên đàng trực tiếp tấn công và tiêu diệt (37:36). Ðó là chiến công vĩ đại mà Ê-sai đã nhiều lần quả quyết sẽ xảy ra (10:24-34; 17:12-14; 29:5-8, 14; 30:27-33; 31:4-9; 33:3-4, 21-23; 38:6). Các đoạn nầy dường như thuật lẫn lộn hai cuộc xâm lăng. San-chê-ríp thống lãnh quân đội của cha, là Sa-gôn, đã xâm lăng nước Giu-đa năm 713 T.C., và chiếm nhiều thành của Giu-đa. E-xê-chia nộp tiền cho hắn kéo quân đi. Năm 701 T.C., hắn lại kéo quân đến, và lần nầy thiên sứ của Ðức Chúa Trời tiêu diệt chúng. Xem ở dưới II Các vua 17.

**Ðoạn 38, 39 -- Ê-xê-chia lâm bịnh.  
Các sứ giả Ba-by-lôn**

Theo niên biểu, thì hai đoạn nầy ở trước đoạn 37, nhưng lại đặt ở sau, có lẽ cốt để dẫn (39:6) đến các đoạn kế tiếp chép về cuộc lưu đày qua Ba-by-lôn. Ê-xê-chia lâm bịnh 15 năm trước khi qua đời (38:5), nghĩa là năm 721 T.C.. Còn sự giải cứu khỏi tay quân A-si-ri thì mãi sau nữa mới xảy ra (38:6). Ê-xê-chia được lành bịnh một cách lạ lùng, thì đã khiến cho người Ba-by-lôn chú ý (II Sử ký 32:31; Ê-sai 38:7-8). Phái đoàn ngoại giao Ba-by-lôn đến Giê-ru-sa-lem chắc làm cho San-chê-ríp nghi ngờ, nên có lẽ hắn đã vội vã xâm lăng lần thứ hai.

**Ðoạn 40-66 -- Những Bản Ca Tuyệt Diệu Về Tương Lai**

Hầu suốt cả đời, Ê-sai đã sống dưới sự hăm dọa của đế quốc A-si-ri khủng khiếp. Quân A-si-ri đã hủy diệt nước Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc (734 T.C.) và phần sót lại của nước phía Bắc đó (721 T.C.), đã xâm lăng nước Giu-đa (713 T.C.). Và vào khoảng 701 T.C., chúng đã chiếm cả nước Giu-đa, trừ ra thành Giê-ru-sa-lem. Suốt những năm ấy, Ê-sai cứ kiên quyết dự ngôn rằng Giê-ru-sa-lem sẽ đứng vững. Và nó thật đã đứng vững. Ðó là công nghiệp vĩ đại của đời Ê-sai. Ông đã cứu thủ đô khi sự hủy diệt hầu như chắc chắn. Nhưng bây giờ cơn khủng hoảng do quân A-si-ri qua hết, thì Ê-sai (trước kia đã dự ngôn rằng Giê-ru-sa-lem sau nầy sẽ sa vào tay quân Ba-by-lôn -- 39:6-7) lại coi cuộc lưu đày tại Ba-by-lôn như một sự trạng hoàn thành rồi. Và trong trí óc, ông đứng chung với đoàn phu tù. Các sự hiện thấy của ông rõ ràng, đến nỗi ông nói về tương lai chẳng khác chi nói về quá khứ.

**Hai Ê-sai chăng?**

Không một chỗ nào trong sách nầy, hoặc trong Kinh Thánh, hoặc trong truyền thoại của dân Do-thái và của tín đồ Ðấng Christ, có chép hoặc ngụ ý nói rằng sách nầy có hai tác giả, hoặc nhiều hơn. "Ê-sai thứ hai" là do sự tưởng tượng của phái phê bình kim thời. Trong Kinh Thánh của chúng ta và đương thời Ðức Chúa Trời, sách Ê-sai là **Một**, chớ chẳng phải **Hai**. Nó không phải là nhiều mảnh ghép lại, nhưng từ đầu đến cuối, đặc điểm của nó là **Sự Thống Nhứt** tư tưởng bày tỏ bằng ngôn ngữ tuyệt vời, khiến nó trở thành một trong những tác phẩm vĩ đại hơn hết xưa nay. Nếu, theo phái phê bình quả quyết, phần thứ hai do một "tiên tri vô danh" của thời kỳ lưu đày trứ tác, thì thật đáng tiếc quá, vì ta không được biết tác giả của văn phẩm tuyệt mỹ nầy. Chúng tôi không tin rằng có một số "Ê-sai phụ."

**Ðoạn 40 -- Những tiếng phán yên ủi**

Một vài câu trong đoạn nầy dường như là lời của các thiên sứ nói với Ê-sai hoặc với nhau, để bày tỏ niềm vui vì những sự lạ lùng dành sẵn cho dân Ðức Chúa Trời khi đêm tối hoạn nạn dai dẳng đã qua. Sự ngự đến của Ðấng Christ là đầu đề của câu 1-11. Cả bốn sách Tin Lành trưng dẫn câu 3-5 để tỏ ra Ngài ngự tới mặt đất (Ma-thi-ơ 3:3; Mác 1:3; Lu-ca 3:4-6; Giăng 1:23). Về điểm nầy, ghi nhắc rằng Lời Ðức Chúa Trời muôn đời vững chắc (câu 6-8), thì có nghĩa các lời hứa tiên tri của Ngài không thể nào không ứng nghiệm. Ðấng Christ và Thiên đàng là **Chắc Chắn**. Quyền phép vô biên của Ðức Chúa Trời và tuổi thanh xuân đời đời của những kẻ tin cậy Ngài là đề mục của câu 12-31. Ðây thật là một đoạn sách vĩ đại.

**Ðoạn 41 -- Si-ru dấy lên**

Si-ru không được chỉ đích danh ở đây, nhưng ở đoạn 44:28 và 45:1. Không còn lầm lẫn chi nữa, ông là "người dấy lên từ phương Ðông" (câu 2) và "người từ phương Bắc" (câu 25). (Các đạo quân từ phương Ðông luôn luôn do phương Bắc mà vào xứ Pa-lét- tin). Ê-sai qua đời 150 năm trước thời Si-ru; nhưng đây là một sự hiện thấy về Si-ru mau lẹ chinh phục cả thế giới, và người ta cho rằng cuộc chinh phục nầy là do thiên mạng (câu 4). Các nước khủng khiếp trước sự lan tràn thình lình của các đạo quân Si- ru, bèn hối hả làm các thần tượng (câu 5-7), hy vọng được chúng bảo hộ. Ðức Giê-hô-va hứa che chở dân Y-sơ-ra-ên (câu 8-20), rồi Ngài đố thách thần của các dân khác hãy tỏ tài dự ngôn tương lai (câu 21-29). Xem thêm ở dưới đoạn 44.

**Ðoạn 42 -- Tôi tớ của Ðức Giê-hô-va**

Một sự hiện thấy khác về Ðấng Mê-si hầu đến và về công việc của Ngài giữa các dân (câu 1-17). Lời nầy đã được trưng dẫn ở Ma-thi-ơ 12:17-21. Nhưng ở câu 18-25, thì tôi tớ của Ðức Giê-hô-va lại là quốc gia Y-sơ-ra-ên bị sửa phạt nhiều lần vì cớ đui mù và bại hoại.

**Ðoạn 43 -- Ðức Chúa Trời săn sóc dân Y-sơ-ra-ên**

Ðức Chúa Trời đã tạo lập dân tộc Y-sơ-ra-ên cho chính mình Ngài. Nhưng họ luôn luôn không vâng lời Ngài. Dầu vậy, họ vẫn là dân tộc của Ngài, và Ngài sẽ hành động qua mọi tội lỗi và thống khổ của họ để chứng tỏ rằng một mình Ngài là Ðức Chúa Trời.

**Ðoạn 44, 45 -- Si-ru**

Hai đoạn nầy dự ngôn rằng dưới đời trị vì Si-ru, dân Y-sơ-ra-ên sẽ từ chốn lưu đày trở về cố hương; cũng đặc biệt nhấn mạnh rằng Ðức Giê-hô-va có quyền phép vô song để **Dự Ngôn** tương lai. Si-ru, vua Ba-tư, trị vì từ 538 đến 529 T.C.. Ông đã cho phép dân Do-thái trở về Giê-ru-sa-lem, và ra chiếu chỉ cho phép họ xây lại Ðền thờ (II Sử ký 36:22-23; E-xơ-ra 1:1-4). Ê-sai nói tiên tri từ 745 đến 695 T.C., tức là hơn 150 năm trước thời Si-ru. Tuy nhiên, Ê-sai gọi đích danh ông và dự ngôn rằng ông sẽ xây lại Ðền thờ; vả, đương thời Ê-sai, Ðền thờ nầy chưa bị phá hủy.

Ðiểm chính của hai đoạn nầy là: Sự Ðức Giê-hô-va cao trọng hơn các hình tượng được chứng minh bởi Ngài có khả năng dự ngôn tương lai. Ý tưởng nầy được lặp lại luôn từ đoạn 40 đến đoạn 48-41:21-24; 22:8-9; 43:9-13; 44:6-8; 45:20-21; 46:9-11; 48:3-7. Việc gọi đích danh Si-ru lâu lắm trước khi ông sanh ra được nêu lên làm tỷ dụ về Ðức Giê-hô-va có quyền phép để tuyên bố những việc chưa xảy đến (45:4-6). Nếu đây không phải là một **Dự Ngôn**, thì nó chẳng có ý nghĩa chi hết theo phương diện mà nó được dùng. Các nhà phê bình gán những đoạn nầy cho một tác giả sau thời kỳ lưu đày, thật có những ý kiến kỳ lạ về sự thống nhứt của thừa tiếp văn.

Lời tiên tri làm chứng rằng có Ðức Chúa Trời,-- đó là một trong những luận đề chánh yếu của Ê-sai. Ông rất thích chế giễu các hình tượng và kẻ thờ lạy hình tượng mà rằng: "Những hình tượng nầy mà các dân thờ lạy thậm chí không thể làm việc loài người làm được. Chúng không thể thấy, hoặc nói, hoặc nghe." Rồi Ê-sai nói rằng: "Nhưng Ðức Chúa Trời của chúng ta mà chúng ta thờ phượng trong nước Y-sơ-ra-ên, chẳng những có thể làm việc loài người làm được, mà còn làm được nhiều việc loài người không thể làm. Ngài có thể phán trước những việc sẽ xảy đến." Ðoạn, Ê-sai mời các dân họp hội nghị để so sánh các thần; ông hỏi có dân nào có trong nền văn chương của họ những dự ngôn từ thời xưa về những việc sau xảy ra chăng? Ông nói rằng: "Từ đời xưa, trong quốc sử của chúng ta, có một dòng dự ngôn không dứt về các biến cố về sau luôn luôn xảy ra." Bây giờ tôi cũng xin hỏi câu mà Ê-sai đã hỏi 2500 năm trước: "Ngoài Kinh Thánh của chúng ta ra, trong văn chương của cả thế giới, nào tôn giáo, nào chánh trị, nào triết lý, nào thi ca có lời tiên tri nào từ thời xưa về tất cả lịch sử tôn giáo của một người nào chăng?" Ðó há chẳng phải là bằng cớ tỏ ra Kinh Thánh là tác phẩm do một **Trí Óc** trổi hơn trí óc của loài người, sao?

**Ðoạn 46, 47, 48 -- Ba-by-lôn suy vong**

Tiếp tục các đoạn 13, 14. Cảnh cáo chớ chịu ảnh hưởng bởi các thần tượng lộng lẫy của Ba-by-lôn (46:3-7), chớ ngần ngại tin cậy lời dự ngôn của Ðức Chúa Trời (46:8-13). Các hình tượng và thầy pháp đông đúc của Ba-by-lôn sẽ chẳng có hiệu lực gì để chống lại đạo quân của Si-ru (47:12-15). Trái lại, hình tượng bằng vàng của các thần mà chúng khoe khoang sẽ chẳng có sức gì để cứu thủ đô của chúng, và cũng không tự cứu mình được; hình tượng sẽ bị chất trên thú vật và trên xe, chở đi làm chiến lợi phẩm (46:1-2). Nhắc lại Ðức Chúa Trời có quyền phép độc hữu và vô song để dự ngôn và kiểm soát dòng lịch sử. Ngài quở trách dân Y-sơ-ra-ên vì không chịu tin cậy Ngài và lời dự ngôn của Ngài, nhưng luôn luôn có khuynh hướng nương cậy hình tượng. Ðây lại long trọng dự ngôn về Ba-by-lôn sụp đổ bởi tay Si-ru và về dân Do-thái được giải phóng. "Người mà Ðức Giê-hô-va yêu" (48:14), tức là Si-ru, là một hoàng đế cao thượng và công bình phi thường.

**Ðoạn 49, 50 -- Tôi tớ của Ðức Giê-hô-va**

Trong các đoạn trước (40-48), ý tưởng cốt yếu là: Lời Ðức Giê-hô-va dự ngôn tương lai là bằng cớ tỏ ra có Ðức Chúa Trời. Ở các đoạn 49-55, ý tưởng chuyên chú vào Tôi tớ của Ðức Giê-hô-va. Trong một vài khúc sách, tôi tớ dường như là quốc gia Y-sơ- ra-ên; còn trong những khúc khác, Tôi tớ chính là Ðấng Mê-si, trong Ngài nước Y- sơ-ra-ên được nhân cách hóa và những lời hứa cho nước ấy sẽ được thành tựu. Hai hạng khúc sách nầy khá lẫn lộn với nhau, và chính thừa tiếp văn tỏ cho ta thấy định nói về ai.

Ðây là tiếp tục các ý tưởng đã súc tích từ trước: 41:8; 42:1, 19; 43:10; 44:1, 2, 21; 49:3-6; 52:13; 53:11.

Các đoạn nầy dường như là lời Tôi tớ nói một mình, xen vào có lời Ðức Chúa Trời đáp lại, và chuyên luận về nhiệm vụ Ngài dắt đem muôn dân trên thế giới đến cùng Ðức Chúa Trời.

**Ðoạn 51, 52 -- Si-ôn được cứu chuộc và được khôi phục**

Sự giải cứu dân Y-sơ-ra-ên khỏi cảnh lưu đày đau khổ cũng chắc chắn như các công việc lạ lùng của Ðức Chúa Trời trong quá khứ. Ðó là một phần kế hoạch đời đời của Ðức Chúa Trời: Từ một cặp vợ chồng (51:2), trải qua các đời, Ngài đã xây dựng một thế giới được cứu chuộc có sự vinh hiển vô tận (51:6). Ðoạn 52 là một bài ca về ngày Si-ôn toàn thắng.

**Ðoạn 53 -- Tôi tớ của Ðức Giê-hô-va là Người chịu thương khó**

Ðây là một trong những đoạn Kinh Thánh được quí mến hơn hết. Ðây là bức tranh mô tả Cứu Chúa chịu thương khó. Nó bắt đầu ở 52:13 và có những chi tiết linh động đến nỗi ta gần như tưởng Ê-sai đang đứng ở chơn Thập tự giá. Cảnh tượng rõ rệt trong trí óc ông đến nỗi ông dùng thì quá khứ mà tường thuật nó, dường như nó đã xảy ra rồi. Nó không thể thích ứng với một nhơn vật nào khác trong lịch sử. Tuy nhiên, đoạn sách nầy đã được chép 700 năm trước khi Ðấng Christ chịu chết trên núi Gô-gô- tha.

**Ðoạn 54, 55 -- Si-ôn được mở mang rộng lớn**

Vì đã chịu thương khó, nên Tôi tớ của Ðức Chúa Trời sẽ làm cho Si-ôn tươi trẻ lại, có diện tích vô biên và vinh quang vô tận. Ðoạn 55 là lời Tôi tớ mời cả thế giới vào Nước Ngài và chia xẻ ơn phước của Ngài.

**Ðoạn 56, 57, 58, 59 -- Các tội lỗi đương thời Ê-sai**

Phạm ngày yên nghỉ; các thủ lãnh Y-sơ-ra-ên tham ăn, mê uống; sự thờ lạy hình tượng lan tràn và có những lề thói hư hoại; câu nệ kiêng ăn, nhưng làm việc bất công hiển nhiên; mọi sự đó chắc chắn sẽ bị báo trả.

**Ðoạn 60, 61, 62 -- Ðấng cứu chuộc Si-ôn**

Bài ca về thời đại Ðấng Mê-si, bắt đầu ở 59:20, mô tả kỷ nguyên rao giảng Tin Lành khắp thế giới, và hòa lẫn với vinh quang đời đời của Thiên đàng . Ðoạn 60 tiếp tục ý tưởng của đoạn 49, mô tả các vua và các dân từ bốn phương thế giới họp lại để đi đến Si-ôn mà triều kiến Vua Si-ôn. Ðây là một trong những đoạn vĩ đại nhứt của Kinh Thánh. Ðức Chúa Jêsus trưng dẫn 61:1-3 và phán rằng nó chỉ về Ngài (Lu-ca 4:18). "Tên mới" (62:2) của Si-ôn: Ở đoạn 65:15 có nhắc lại rằng các tôi tớ của Ðức Chúa Trời sẽ được gọi bằng một "danh khác." Cho tới ngày Ðấng Christ ngự đến, dân Ðức Chúa Trời vẫn được gọi là "người Do-thái," hoặc "người Hê-bơ-rơ." Sau đó, họ được gọi là "Cơ-đốc-nhân" (tín đồ Ðấng Christ). "Mão triều thiên đẹp đẽ" (62:3). Ðối với Ðức Chúa Trời, Hội Thánh là như vậy đó. Mặc dầu Hội Thánh hữu hình đã bị hư hoại trong tay loài người và không phải là một "mão triều thiên đẹp đẽ," nhưng đoàn thể các thánh đồ trung tín của Ðức Chúa Trời thì thật là như vậy. Suốt cõi đời đời , họ sẽ làm cho Ðức Chúa Trời thỏa thích và vui vẻ (câu 3-5).

**Ðoạn 63, 64 -- Lời cầu nguyện của những kẻ bị lưu đày**

Ta hơi khó hiểu tại sao lại nói đến Ê-đôm ở đây (63:1-6). Hai đoạn nầy, trừ 6 câu đầu, có tánh chất một lời cầu xin Ðức Chúa Trời giải phóng dân Y-sơ-ra-ên đang làm phu tù. Người Ê-đôm, kẻ thù truyền kiếp của dân Giu-đa, đã liên hiệp với quân Ba-by-lôn mà hủy phá thành Giê-ru-sa-lem (xem dưới sách Áp-đia). Vị chiến sĩ vấy huyết giày đạp Ê-đôm trong cơn thạnh nộ và "có quyền lớn để cứu rỗi Si-ôn" (63:1), giống như Ðức Chúa Trời cứu chuộc Si-ôn trong ba đoạn trước. Ngôn ngữ dùng đây là căn bản cho các biểu tượng về Chúa tái lâm trong sách Khải Huyền 19:11-16.

**Ðoạn 65, 66 -- Các từng trời mới và trái đất mới**

Hai đoạn nầy là Ðức Chúa Trời đáp lại lời cầu nguyện của những kẻ bị lưu đày trong hai đoạn trước. Lời cầu nguyện của họ sẽ được nhậm. Phần trung tín sót lại sẽ được khôi phục (65:8-10). Còn kẻ chẳng vâng lời sẽ bị hoàn toàn tiêu diệt (65:2-7, 11-12). Các quốc gia mới mẻ sẽ được dẫn vào ràn chiên (65:1; 66:8). Hết thảy sẽ được gọi bằng một tên mới (65:15). Họ sẽ được thừa hưởng các từng trời mới và trái đất mới (65:17; 66:22). Trong chế độ mới sẽ không cần Ðền thờ hoặc của lễ (66:1-4). Người trung tín và kẻ không vâng lời sẽ phân cách nhau đời đời, - người nầy được phước đời đời, còn kẻ kia bị hình phạt đời đời (66:22-24). Chính Ðức Chúa Jêsus đã xác nhận những lời đó (Mác 9:48). Sứ điệp sau chót của Phi-e-rơ cho tín đồ Ðấng Christ là phải chăm xem các từng trời mới và trái đất mới (II Phi-e-rơ 3:10-14). Kinh Thánh lên tới tuyệt điểm sau chót với sự hiện thấy kỳ diệu về các từng trời mới và trái đất mới (Khải Huyền 21, 22); vả, sự hiện thấy nầy chính là bài giải rộng đoạn 66, sách Ê-sai.

**Tóm Tắt Các Dự Ngôn Của Ê-sai**

**Ðã được ứng nghiệm lúc ông còn sống**

Giu-đa được giải cứu khỏi Sy-ri và Y-sơ-ra-ên (7:4-7, 16).

Sy-ri và Y-sơ-ra-ên bị A-si-ri tiêu diệt (8:4; 17:1-14).

A-si-ri xâm lăng Giu-đa (8:7-8).

Người Phi-li-tin bị khắc phục (14:28-32)

Mô-áp bị cướp phá (15 và 16).

Ai-cập và Ê-thi-ô-bi bị A-si-ri chiến thắng (20:4).

A-ra-bi bị cướp phá (21:13-17).

Ty-rơ bị khắc phục (23:1-12).

Giê-ru-sa-lem được giải cứu khỏi A-si-ri (xem dưới đoạn 36).

Ê-xê-chia được tăng thọ 15 năm (38:5).

**Ðược ứng nghiệm sau khi ông qua đời**

Cảnh phu tù tại Ba-by-lôn (39:5-7).

Ba-by-lôn bị Sy-ru lật đổ (46:11).

Ba-by-lôn bị người Mê-đi và Ê-lam lật đổ (13:17; 21:2; 48:14).

Ba-by-lôn bị hoang vu vĩnh viễn (13:28-22).

Si-ru được gọi đích danh (44:28; 45:1, 4).

Si-ru chinh phục thế giới (41:2-3).

Si-ru giải phóng những phu tù (45:13).

Si-ru ra lịnh xây lại thành Giê-ru-sa-lem (44:28; 45:13).

Y-sơ-ra-ên được khôi phục (27:12-13; 48:20; 51:14).

Ðạo của dân Y-sơ-ra-ên thấm nhuần Ai-cập và A-si-ri (19:18-25).

Ðạo của dân Y-sơ-ra-ên lan tràn khắp thế giới (27:2-6).

Ty-rơ phải làm phu tù và được khôi phục (23:13-18).

Ê-đôm bị hoang vu vĩnh viễn (34:5-17).

**Về Ðấng Mê-si  
một phần đã được ứng nghiệm, một phần sẽ được ứng nghiệm**

Sự ngự đến của Ngài (40:3-5).

Ngài do nữ đồng trinh sanh ra (7:14).

Miền Ga-li-lê làm sân khấu cho chức vụ của Ngài (9:1-2).

Ngài là Ðức Chúa Trời và làm Vua đời đời (9:6-7).

Ngài chịu thương khó (53).

Ngài phải chết chung với kẻ gian ác (53:9).

Ngài được chôn chung với người giàu (53:9).

Ðời trị vì của Ngài có quyền oai và sự dịu hiền (40:10-11).

Ðời trị vì của Ngài có sự công bình và ban phước lành (32:1-8;61:1-3).

Ngài công bình và từ ái (42:3-4,7).

Ngài cai trị các dân ngoại (2:2-3;42:1,6; 49:6;55:4-5;56:6;60:3-5).

Ảnh hưởng rộng lớn của Ngài (49:7, 23).

Các thần tượng sẽ biến mất (2:18).

Sẽ thực hiện một thế giới không chiến tranh (2:4; 65:25).

Trái đất bị tiêu hủy (24; 26:21; 34:1-4).

Dân Ðức Chúa Trời được gọi bằng một tên mới (62:2; 65:15).

Sẽ dựng nên các từng trời mới và trái đất mới (65:17; 66:22).

Người công bình và kẻ gian ác sẽ phân cách nhau đời đời (66:15,22-24)

Giê-rê-mi

**Ðức Chúa Trời Cố Gắng Lần Chót Ðể Cứu Giê-ru-sa-lem**

**Giê-rê-mi sống chừng 100 năm sau Ê-sai.  
Ê-sai đã cứu Giê-ru-sa-lem khỏi tay quân A-si-ri.  
Giê-rê-mi cố cứu Giê-ru-sa-lem khỏi tay quân**

**Ba-by-lôn, nhưng thất bại**

Giê-rê-mi được kêu gọi làm tiên tri năm 626 T.C.. Giê-ru-sa-lem bị phá hủy một phần năm 606 T.C., bị tàn phá thêm năm 597 T.C.; rốt lại, bị thiêu hủy và hoang vu năm 586 T.C.. Giê-rê-mi đã sống trải qua 40 năm khủng khiếp nầy, là lúc nền quân chủ kết liễu, quốc gia hấp hối và chết. Ông là một nhân vật sầu thảm, cô đơn, truyền sứ điệp sau chót của Ðức Chúa Trời cho Thành Thánh đã dính theo các hình tượng một cách tuyệt vọng và cuồng tín. Ông kêu la không dứt rằng nếu họ ăn năn, thì Ðức Chúa Trời sẽ cứu họ khỏi tay Ba-by-lôn.

Như vậy, A-si-ri là bối cảnh của chức vụ Ê-sai thể nào, thì Ba-by-lôn là bối cảnh của chức vụ Giê-rê-mi thể ấy.

**Tình hình quốc nội**

Nước phía Bắc đã sụp đổ, và phần lớn nước Giu-đa cũng đã sụp đổ. Cả hai đã chịu hết khổ nạn nầy đến khổ nạn khác, cho đến khi chỉ còn lại thành Giê-ru-sa-lem. Nhưng họ vẫn không kể đến những lời cảnh cáo liên tiếp của các Tiên tri, càng ngày càng cứng lòng trong sự thờ lạy hình tượng và tội ác. Giờ đoán phạt sắp điểm.

**Tình hình quốc tế**

Ba nước A-si-ri, Ba-by-lôn và Ai-cập tranh nhau làm bá chủ thế giới. Trải qua 300 năm, A-si-ri ở thung lũng phía Bắc sông Ơ-phơ-rát, thủ đô là Ni-ni-ve, đã thống trị thế giới; nhưng lúc nầy nó đã suy yếu. Ba-by-lôn ở thung lũng phía Nam sông Ơ-phơ- rát, đã trở nên hùng cường. Ai-cập ở cách 300 dặm về phía Tây nam, trong thung lũng sông Ni-lơ, 1000 năm trước, Ai-cập là một cường quốc bá chủ thế giới và đã suy yếu, nhưng nay lại có tham vọng. Vào khoảng giữa chức vụ của Giê-rê-mi, Ba-by-lôn đã thắng, phá tan quyền lực của A-si-ri năm 607 T.C., và 2 năm sau (605 T.C.), đè bẹp Ai-cập tại trận Cạt-kê-mít (Giê-rê-mi 46:2). Và trong 70 năm, Ba-by-lôn đã thống trị thế giới; trong thời kỳ ấy, dân Do-thái đã lâm cảnh phu tù.

**Sứ điệp của Giê-rê-mi**

Ngay lúc đầu, tức là hai mươi năm trước khi kết cuộc phân minh, Giê-rê-mi đã luôn luôn nhấn mạnh rằng Ba-by-lôn sẽ thắng. Trong mọi lời than phiền đắng cay không dứt về sự gian ác của dân Do-thái, ta thấy Giê-rê-mi luôn luôn nhắc lại những ý sau đây:

1.    Nước Giu-đa (Do-thái) sẽ bị tiêu diệt bởi Ba-by-lôn toàn thắng.

2.    Nếu nước Giu-đa xây bỏ tội ác mình, thì dẫu sao, Ðức Chúa Trời cũng cứu nó khỏi bị tiêu diệt bởi tay Ba-by-lôn.

3.    Về sau, khi dường như chẳng còn hy vọng cho dân Do-thái ăn năn nữa, thì chỉ còn một phương tiện chánh trị, là nếu họ đầu phục Ba-by-lôn. ắt sẽ được dung tha.

4.    Nước Giu-đa bị hủy phá, nhưng sẽ khôi phục và thống trị thế giới.

5.    Ba-by-lôn đã tiêu diệt nước Giu-đa, thì chính mình nó sẽ bị tiêu diệt, không hề chổi dậy nữa.

**Sự dạn dĩ của Giê-rê-mi**

Giê-rê-mi không dứt khuyên bảo dân Giê-ru-sa-lem hãy hàng phục vua Ba-by-lôn, đến nỗi kẻ thù cáo ông là phản quốc. Vì ông khuyên bảo dân chúng như vậy, nên Nê-bu-cát-nết-sa ban thưởng cho ông: Chẳng những bảo toàn mạng sống ông, nhưng còn hiến ông bất cứ danh vọng nào mà ông muốn nhận, ngay cả một địa vị xứng đáng tại triều đình Ba-by-lôn (39:12). Nhưng Giê-rê-mi nhiều phen kêu la lớn tiếng rằng vua Ba-by-lôn đã phạm trọng tội hung tàn vì tiêu diệt dân của Ðức Giê-hô-va, và bởi trọng tội đó, một ngày kia, Ba-by-lôn sẽ bị hoang vu và sẽ cứ hoang vu cho đến đời đời (xem các đoạn 50, 51).

**Các vua Giu-đa đồng thời với Giê-rê-mi**

**Ma-na-se** (697-642 T.C.).- Trị vì 55 năm. Rất gian ác (xem ở II Sử ký 33). Giê-rê-mi sanh ra dưới đời trị vì của vua nầy.

**A-môn** (641-640 T.C.).- Trị vì 2 năm. Ðời trị vì lâu dài và gian ác của Ma-na-se, cha của ông,đã quyết định số mạng nước Giu-đa.

**Giô-si-a** (639-608 T.C.).- Trị vì 31 năm. Vua hiền đức,thực hiện cuộc cải cách lớn lao. Giê-rê-mi bắt đầu chức vụ năm thứ 13 của đời trị vì Giô-si-a.Cuộc cải cách chỉ có bề ngoài. Trong lòng, nhơn dân vẫn còn khuynh hướng thờ lạy hình tượng.

**Giô-a-cha** (608 T.C.).- Trị vì 3 tháng. Bị đem xuống Ai-cập.

**Giê-hô-gia-kim** (608-597 T.C.).- Trị vì 11 năm. Công khai thờ lạy hình tượng,liều lĩnh bất chấp Ðức Giê-hô-va, và là một kẻ thù cay độc của Giê-rê-mi.

**Giê-hô-gia-kin** (597 T.C.).- Trị vì 3 tháng, bị đem qua Ba-by-lôn.

**Sê-đê-kia** (597-586 T.C.).- Hơi thân thiện với Giê-rê-mi, nhưng là một vua nhu nhược, một dụng cụ trong tay của các quan trưởng gian ác.

**Niên biểu thời Giê-rê-mi**

627 T.C. Giô-si-a bắt đầu các cuộc cải cách. Xem ở dưới II Sử ký 34.

626 T.C. Giê-rê-mi được Chúa kêu gọi.

626 T.C. Cuộc xâm lăng của quân Sy-the. Xem ở dưới Giê-rê-mi 4.

621 T.C. Tìm thấy Quyển Sách. Cuộc cải cách lớn lao của Giô-si-a (II Các vua 22, 23).

608 T.C. Giô-si-a bị Pha-ra-ôn giết tại Mê-ghi-đô.

607 T.C. Ni-ni-ve bị Ba-by-lôn tiêu diệt (hoặc 612 T.C.?)

606 T.C. Giu-đa bị Ba-by-lôn khắc phục. Cuộc lưu đày thứ nhứt.

605 T.C. Trận Cạt-kê-mít: Ba-by-lôn đè bẹp Ai-cập.

597 T.C.. Giê-hô-gia-kin bị bắt làm phu tù.

593 T.C. Sê-đê-kia qua thăm Ba-by-lôn.

586 T.C. Giê-ru-sa-lem bị thiêu hủy. Nước Ða-vít tạm thời chấm dứt.

**Các tiên tri đồng thời với Giê-rê-mi**

Giê-rê-mi là thủ lãnh của nhóm tiên tri xuất sắc qui tụ như một chòm sao sáng chung quanh sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem.

Ê-xê-chi-ên, một bạn cùng làm thầy tế lễ, nhưng hơi trẻ tuổi hơn Giê-rê-mi, cũng giảng tại Ba-by-lôn, giữa vòng các phu tù, chính những điều mà Giê-rê-mi giảng tại Giê-ru-sa-lem.

Ða-ni-ên, một người thuộc về hoàng tộc, cứ giữ được địa vị ấy trong triều đình Nê-bu-cát-nết-sa.

Ha-ba-cúc và Sô-phô-ni giúp việc Giê-rê-mi tại Giê-ru-sa-lem.

Ðồng thời, Na-hum dự ngôn rằng thành Ni-ni-ve sẽ suy vong.

Ðồng thời, Áp-đia dự ngôn rằng xứ Ê-đôm sẽ bị hủy diệt.

**Niên biểu trong sách Giê-rê-mi**

Các sứ điệp của Giê-rê-mi khi thì có niên hiệu, khi thì không. Những chỗ có chỉ tỏ thời gian là: Dưới đời trị vì của Giô-si-a: 1:2; 3:6. Dưới đời trị vì của Giê-hô-gia-kim: 22:18; 25:1; 26:1; 35:1; 36:1; 45:1. Dưới đời trị vì của Sê-đê-kia: 21:1; 24:1, 8; 27:3, 12; 28:1; 29:3; 32:1; 34:2; 37:1; 38:5; 39:1; 49:34; 51:59. Tại Ai-cập: 43:7, 8; 44:1. Như vậy, ta thấy rằng sách nầy không sắp đặt theo thứ tự niên đại. Một vài sứ điệp cuối lại ở đầu sách, còn một vài sứ điệp đầu lại ở cuối sách. Những sứ điệp nầy truyền bằng miệng, và có lẽ lặp đi lặp lại nhiều lần trải qua lâu năm, rồi sau Giê-rê-mi mới viết ra. Viết cuốn sách như vậy là một công việc lâu dài và khó nhọc. Viết trên những tấm giấy làm bằng da chiên hoặc da dê, thật là ít có và tốn kém. Những tấm giấy nầy cuốn quanh cây gậy, thành một cuốn sách. Có lẽ một phần vì đó mà sách Giê-rê-mi thiếu thứ tự. Sau khi chép một biến cố hoặc một diễn văn, ông mới nhớ lại một bài đã giảng từ mấy năm trước, bèn viết ra; và trong một vài trường hợp, ông không đề niên hiệu; bằng cách đó, ông viết trọn tấm giấy da đang khi mở nó ra. Về sau, khi nghĩ đến một vài bài giảng khác mà muốn viết ra, thì ông phải bắt đầu ở nơi mới ngừng viết trên cuốn giấy da, mặc dầu có mạch lạc hay không.

**Ðoạn 1 -- Giê-rê-mi được Chúa kêu gọi**

Ông được kêu gọi làm một công việc khó nhọc và bạc bẽo. Như Môi-se (Xuất Ê-díp-tô ký 3:11; 4:10), ông miễn cưỡng nhận lấy trách nhiệm. Ông được kêu gọi lúc còn "là con trẻ" (câu 6), có lẽ chừng 20 tuổi. "A-na-tốt" (câu 1), quê hương ông, cách Giê-ru-sa-lem 2 dặm rưỡi về phía Ðông bắc, ngày nay gọi là *"Anata."* Nhắc đến "cây hạnh" (câu 11-12), là cây trổ bông rất sớm lúc mùa xuân, thì có nghĩa rằng Ðức Chúa Trời sẽ mau lẹ làm thành mọi lời Ngài đặt vào miệng ông. "Nồi nước sôi" (câu 13) chỉ về đạo quân Ba-by-lôn. Lời giảng đầu tiên của ông là sự hủy diệt bởi tay Ba-by-lôn (câu 14).

**Ðoạn 2 -- Dân Y-sơ-ra-ên bội đạo**

Trong một lời bi thảm và hăng hái quở trách dân Y-sơ-ra-ên thờ hình tượng một cách vô liêm sỉ, ông ví họ với người vợ bỏ chồng để đi giao du hỗn loạn với bọn đờn ông, làm cho mình thành một con điếm đĩ thô bỉ.

**Ðoạn 3 -- Dân Giu-đa còn xấu hơn dân Y-sơ-ra-ên**

Trong đoạn 2, "Y-sơ-ra-ên" chỉ về cả nước. Trong đoạn nầy, nó chỉ về nước phía Bắc: 300 năm trước, nước phía Bắc đã phân tách khỏi nước Giu-đa, và 100 năm trước, đã bị quân A-si-ri bắt đi làm phu tù. Ám ý *(métaphore)* về người vợ ngoại tình đã tiếp theo đoạn 2. Nước Giu-đa đui mù không thấy ý nghĩa sự suy vong của nước Y-sơ-ra- ên: Chẳng những họ không ăn năn, nhưng dưới đời trị vì lâu dài và gian ác của Ma-na-se, họ càng ngày càng sa ngã xuống vực sâu bại hoại. Giê-rê-mi dự ngôn rằng Giu-đa và Y-sơ-ra-ên sẽ lại thống nhứt (câu 17-18). Cũng xem 50:4-5 và Ô-sê 1:11.

**Ðoạn 4 -- Nước Giu-đa sắp bị hoang vu**

Ðoạn nầy mô tả bước tiến của đạo quân Ba-by-lôn hủy phá thành Giê-ru-sa-lem (606-586 T.C.). Một phần có lẽ cũng chỉ về cuộc xâm lăng của quân Sy-the, xảy ra trước cuộc xâm lăng của quân Ba-by-lôn ít lâu.

**Cuộc xâm lăng của quân Sy-the**

Chính năm Giê-rê-mi được kêu gọi (626 T.C.), thì những đạo quân man rợ rất đông đúc từ phương Bắc gieo khủng khiếp cho các nước ở Tây nam Á-châu. Chúng đánh cho cường quốc A-si-ri đang nghiêng ngã một đòn kinh khủng. Nếu Pha-ra-ôn không nộp tiền cho chúng tại Ách-đốt để chúng kéo đi, thì chắc chúng đã hủy diệt nước Giu- đa. *Rawlinson* luận về chúng rằng: "Hết đoàn nầy tới đoàn khác của quân Sy-the tràn qua các đèo của dãy núi *Caucase*; chẳng ai biết chúng từ đâu đến và định làm gì. Chúng đóng đen nghịt các đồng bằng phì nhiêu của phương Nam. Chúng tiến lên như một đoàn châu chấu, không sao đếm được, không sao cự địch được; chúng thấy đất đai ở trước mặt mình như một cảnh vườn, nhưng khi chúng đi qua rồi, thì chỉ còn là một đồng vắng hiu quạnh. Người già và phụ nữ cũng chẳng được dung tha. Quân xâm lăng tàn sát dân chúng, chẳng chút thương xót; tử tế nhứt là chúng bắt họ làm tôi mọi cho chúng. Mùa màng bị ăn hết, các bầy sức vật bị đuổi đi hoặc tiêu diệt, làng mạc và nhà cửa bị thiêu hủy; khắp xứ hiện ra một cảnh tượng quạnh hiu. Sự tàn phá của chúng giống như sự tàn phá của bọn Hung nô khi tràn vào đất Ý, hoặc của quân Bảo-gia-lợi khi xâm lăng các tỉnh tốt đẹp nhứt của đế quốc *Byzantin*."

**Ðoạn 5 -- Cả nước Giu-đa hư hoại**

Không có một người nào công bình (câu 1), hoặc trong vòng thường dân, hoặc trong vòng các quan trưởng (câu 4-5). Ai nấy phóng túng, dâm loạn, dầu người đã có vợ, có chồng cũng vậy, chẳng khác gì thú vật (câu 7-8). Họ chế giễu lời tiên tri cảnh cáo rằng gần có sự hình phạt (câu 12). Họ hoàn toàn bươn theo sự dối gạt, hà hiếp và trộm cắp (câu 26-28); họ hoàn toàn lấy sự thúi nát trong chánh phủ làm thỏa mãn (câu 30-31). Xem bí chú về các tiên tri giả (câu 30) ở dưới đoạn 23.

**Ðoạn 6 -- Sự hủy diệt từ phương Bắc tới**

Ðây là lời tiên tri linh động mô tả sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem bởi tay quân xâm lăng Ba-by-lôn cứng rắn và hung ác (câu 22-26). Về sau, sự hủy phá nầy đã xảy ra đương lúc Giê-rê-mi còn sống. Năm nầy qua năm khác, nhiều lần, cũng như ở đây (câu 16-19), ông thiết tha và mạnh mẽ cảnh cáo họ rằng sự ăn năn là cơ hội cuối cùng cho họ có thể thoát khỏi bị hủy diệt.

**Ðoạn 7 -- Ăn năn là hy vọng duy nhứt của họ**

Ðây là một trong những lời Giê-rê-mi như xé lòng kêu gọi dân chúng ăn năn, căn cứ trên lời Ðức Chúa Trời hứa lạ lùng rằng nếu dân chúng chịu lắng tai nghe Ðức Chúa Trời mình, thì thành Giê-ru-sa-lem sẽ không sụp đổ (câu 5-7). Mặc dầu họ có những thói tục gớm ghiếc và đã dựng hình tượng ngay trong Ðền thờ (câu 30), nhưng họ vẫn mê tín tôn trọng Ðền thờ và các cuộc lễ ở đó. Họ dường như nghĩ rằng bất cứ việc gì xảy ra, Ðức Giê-hô-va cũng không để cho thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy, vì có Ðền thờ Ngài ở đó (câu 4-10). Giê-rê-mi nhắc cho họ nhớ gương của Si-lô (câu 12-14; xem ở dưới I Sa-mu-ên 1).

Ðức Chúa Jêsus đã trưng dẫn lời của Giê-rê-mi để ứng dụng cho Ðền thờ đương thời Ngài (câu 11; Ma-thi-ơ 21:13). "Nữ vương trên trời" (câu 18) là Át-tạt-tê, nữ thần chánh yếu của dân Ca-na-an, -- sự thờ lạy nó kèm theo những hình thức vô đạo, bại hoại hơn hết. "Hi-nôm" (câu 31-32) là trũng ở phía Nam Giê-ru-sa-lem, tại đó, con nít bị thiêu làm của lễ cho Mo-lóc; về sau người ta dùng tên "Hi-nôm" để chỉ về hỏa ngục.

**Ðoạn 8 -- "Mùa gặt đã qua"** (câu 20)

Giê-rê-mi hoàn toàn nhận thấy những lời kêu gọi và quở trách của mình là vô ích; ông bèn nói về sự hoang vu hòng gần của nước Giu-đa mà ông coi như đã thành sự thực rồi (câu 20). "Bới xương" (câu 1): Quân xâm lăng sẽ làm như vậy để nhạo báng các hình tượng của Giu-đa. "Các tiên tri giả" (câu 10-11): Chúng nhấn mạnh rằng thành Giê-ru-sa-lem chẳng bị nguy hiểm chi hết; đó là một trong những vấn đề khó khăn hơn hết cho Giê-rê-mi (xem ở dưới đoạn 23).

**Ðoạn 9 -- Tiên tri tan vỡ cõi lòng**

Giê-rê-mi là một người thương khó ở giữa một dân buông theo mọi sự hư xấu (8:6; 9:2-9). Ông khóc lóc ngày đêm vì nghĩ đến sự báo trả khủng khiếp hầu đến. Ông đi qua đi lại giữa vòng họ, nài nỉ, khuyên lơn, thuyết phục, hăm dọa và cố xin họ hãy xây khỏi tội ác, nhưng vô ích.

**Ðoạn 10 -- Giê-hô-va là Chân Thần**

Dường như mối đe dọa về quân Ba-by-lôn xâm lăng đã thúc giục nhơn dân nước Giu- đa làm việc hăng hái để chế tạo hình tượng, tưởng chừng hình tượng cứu họ được. Nhơn dịp nầy, Giê-rê-mi nhắc họ nhớ rằng công việc họ đang làm đó chẳng những không ích lợi gì, song còn khiến cho tội lỗi gớm ghê họ phạm nghịch cùng Ðức Chúa Trời càng nặng nề hơn.

**Ðoạn 11 -- Giao ước bị vi phạm**

Ðoạn nầy dường như thuộc về thời kỳ phản bội, sau khi đọc quyển sách Luật pháp mới tìm thấy và sau cuộc cải cách lớn lao của Giô-si-a, như II Các vua 23 đã thuật. Lúc nầy dân chúng đã dựng lại hình tượng, và chối bỏ giao ước mà họ vừa mới tái lập. Vì Giê-rê-mi quở trách họ, nên họ toan mưu giết ông đi (câu 9, 21).

**Ðoạn 12 -- Lời than phiền của Giê-rê-mi**

Giê-rê-mi than phiền về các đường lối của Ðức Chúa Trời khi ông đối chiếu sự khổ nạn của mình với cảnh thạnh vượng bề ngoài của những kẻ mà ông giảng nghịch đó, -- những kẻ đã chế giễu lời hăm dọa của ông. Ðức Chúa Trời đáp rằng Giê-rê-mi còn phải chịu khổ nạn nhiều hơn nữa (câu 5, 6), và sự thạnh vượng của quốc gia gian ác chẳng bao lâu sẽ hết (câu 7-14). Rồi có lời hứa khôi phục trong tương lai (câu 15-17).

**Ðoạn 13 -- Cái đai mục**

Trong khi giảng, Giê-rê-mi dùng rất nhiều vật tượng trưng (xem ở 19:1). Cái đai chắc được tô điểm đẹp đẽ, và là một phần dễ thấy của y phục Giê-rê-mi đang khi ông đi quanh các đường phố Giê-ru-sa-lem. Về sau, nó mục, rách và dơ bẩn, dễ làm cho người ta chú ý. Ðang khi đám đông tụ họp chung quanh tiên tri, thì ông được cơ hội mà giải thích rằng: Cũng một thể ấy, dân Giu-đa mà Ðức Chúa Trời đã mặc lấy để đi lại giữa loài người, vốn đẹp đẽ, vinh hiển, sẽ mục và bị quăng đi.

**Ðoạn 14, 15 -- Lời cầu thay của Giê-rê-mi**

Một cơn hạn hán dai dẳng đã làm cho xứ không có thực phẩm. Mặc dầu nhơn dân gian ác, cứng cõi đã ghen ghét, giễu cợt, nhạo báng ông, và nhiều lần tìm cách giết ông đi, nhưng Giê-rê-mi cũng đau lòng khi thấy họ khổ sở. Lời ông vì họ cầu xin Ðức Chúa Trời cất cơn hạn hán đi, theo như đã chép ở hai đoạn nầy, thật là gần giống tinh thần Ðấng Christ, ít thấy trong nơi nào khác của Cựu Ước. Ông bền đỗ, còn Ðức Chúa Trời thì không chuyển động. Kết quả, gần như có sự bất hòa giữa Giê-rê-mi và Ðức Chúa Trời. Cái gọi là "Ðộng của Giê-rê-mi" là một trong những nơi vắng vẻ mà người ta cho rằng ông -- giống như Cứu Chúa biết bao! -- đã lui về để than khóc. Hang nầy ở chơn ngọn đồi mà 600 năm sau, người ta đã trồng Thập tự giá của Ðức Chúa Jêsus.

**Ðoạn 16 -- Ðức Chúa Trời cấm Giê-rê-mi cưới vợ**

Trong một vài trường hợp, đời sống gia đình của các Tiên tri được dùng để tăng cường gánh nặng truyền giảng của họ. Ê-sai và Ô-sê có vợ, và đặt tên con cái để bày tỏ những ý tưởng chánh yếu của mình. Còn Giê-rê-mi thì Ðức Chúa Trời truyền cho ông ở độc thân để làm bối cảnh tượng trưng cho những lời ông kiên quyết dự ngôn rằng sắp có cuộc tàn sát kinh khủng. "Gây dựng một gia đình thì có ích gì chăng? Vì con cái sanh ra sẽ bỏ mạng trong cuộc tàn sát kinh khủng mà nhơn dân nước Giu-đa là nạn nhơn." Lại hãy chú ý lời hứa khôi phục trong tương lai (câu 14, 15).

**Ðoạn 17 -- Tội lỗi của dân Giu-đa không thể bôi xóa được**

Họ sẽ suy vong, không sao tránh khỏi. Nhưng lời hứa được lặp đi lặp lại rằng nếu họ chịu quay về với Ðức Chúa Trời, thì Giê-ru-sa-lem sẽ tồn tài mãi mãi (câu 24-15). Việc họ phạm ngày yên nghỉ đã đặc biệt làm mếch lòng Ðức Chúa Trời (câu 20-27).

**Ðoạn 18 -- Ðất sét của thợ gốm**

Ðây là một thí dụ rất linh động về Ðức Chúa Trời có quyền phép để thay đổi vận mạng của một quốc gia. Giê-rê-mi dùng thí dụ nầy làm nền tảng cho một lời khác kêu gọi dân tộc gian ác hãy sửa lại đường lối của mình, nhưng vô ích.

**Ðoạn 19 -- Cái bình bằng đất**

Ðây có thể là một cái bình tuyệt xảo. Giê-rê-mi cố ý đập bể bình trước mặt các thủ lãnh Giê-ru-sa-lem: Ðó là một cách thức dễ cảm động để rao truyền rằng thành kiêu hãnh ấy sắp bị hủy phá. "Tô phết" (câu 6) là góc phía Ðông của Hi-nôm (xem dưới đoạn 7).

Giê-rê-mi còn dùng một vài sự tượng trưng khác để khiến người ta chú ý đến, tỉ như: Cái đai mục (đoạn 13); ở độc thân (đoạn 16); đất sét của thợ gốm (đoạn 18); xiềng và ách (đoạn 27); mua ruộng (đoạn 32).

**Ðoạn 20 -- Giê-rê-mi bị cầm tù**

Sau khi đập bể bình trước mặt các thủ lãnh trong trũng Hi-nôm, Giê-rê-mi đi thẳng tới Ðền thờ, và tại đây, ông bắt đầu giảng cùng một bài đó cho dân chúng. Vì cớ ấy, Pha-su-rơ, một chức viên trọng yếu của Ðền thờ, bỏ tù ông. "Cùm" (câu 2) là một khung gỗ dùng để cột chơn, cổ và tay vào đó, khiến thân thể bị vẹo đi và đau đớn vô cùng. Bị khổ hình nầy, Giê-rê-mi lại cất tiếng phiền trách Ðức Chúa Trời (câu 7-18). Xem ở dưới đoạn 12.

**Ðoạn 21 -- Cuộc vây hãm bắt đầu**

Dầu đoạn nầy ở phần đầu sách, nhưng lại thuộc về những ngày cuối cùng của đời Giê-rê-mi. Vua Sê-đê-kia khiếp sợ khi đạo quân Ba-by-lôn kéo đến gần, bèn xin Giê-rê-mi kêu cầu với Ðức Chúa Trời. Giê-rê-mi khuyên Sê-đê-kia hãy nộp thành cho quân Ba-by-lôn để cứu dân khỏi chết.

**Ðoạn 22 -- Cảnh cáo Giê-hô-gia-kim**

Về niên hiệu, đoạn 22 nầy ở trước đoạn 21. Nó thuộc về đời trị vì của Giê-hô-gia-kin, là một vua cứng cỏi, gian ác và hung bạo, làm sỉ nhục cho dân tộc Ða-vít. "Sa-lum" (câu 11) chính là Giô-a-cha đã bị bắt qua Ai-cập và chết tại đó (II Các vua 23:31-34). Sự chết khốn nạn của Giê-hô-gia-kin (câu 18-19) đã được nhắc đến ở II Các vua 24:6 và II Sử ký 36:6. Giê-cô-nia (Giê-hô-gia-kin) "không có con cái" (câu 30): Ông thật có con cái (I Sử ký 3:17; Ma-thi-ơ 1:12). Do đó mà Ðấng Christ xuất hiện, nhưng ông và chú là Sê-đê-kia, là các vua trần gian cuối cùng ngồi trên ngôi Ða-vít. Ðó là chung cuộc của nước Giu-đa trong đời nầy.

**Ðoạn 23 -- Các tiên tri giả**

Ðây là một lời cay đắng cáo tội các thủ lãnh của dân Ðức Chúa Trời. Lời Giê-rê-mi gắt gao tố cáo các vua thuộc dòng Ða-vít là một bối cảnh cho sự hiện thấy về Ðấng Mê-si thuộc dòng Ða-vít sẽ ngự đến: Chính họ là trở lực lớn nhứt cản người ta tiếp nhận lời giảng của Giê-rê-mi. Những kẻ tự nhận là tiên tri của Ðức Chúa Trời đã nhơn Danh Ngài mà rao truyền sứ điệp riêng và phụng sự quyền lợi riêng của mình; chúng la lên rằng: "Giê-rê-mi nói dối. Chúng ta là tiên tri của Ðức Chúa Trời, và Ngài đã phán dạy chúng ta rằng thành Giê-ru-sa-lem bình an vô sự."

**Ðoạn 24 -- Hai giỏ trái vả**

Trái vả tốt tiêu biểu cho những người quí phái trong dân đã bị bắt qua Ba-by-lôn làm phu tù cùng với Giê-hô-gia-kin năm 597 T.C., và trước nữa, trong số ấy có Ê-xê-chi-ên, Ða-ni-ên. Còn trái vả xấu tiêu biểu cho những người ở lại Giê-ru-sa-lem, toan nhờ Ai-cập viện trợ mà chống lại đế quốc Ba-by-lôn (II Các vua 24:10-20).

**Ðoạn 25 -- Dự ngôn 70 năm làm phu tù**

Lời dự ngôn nầy ở khoảng đầu đời trị vì của Giê-hô-gia-kin (câu 1). Chừng năm 604 T.C., là lúc thế giới mà ta biết thời đó bắt đầu bị giày xéo dưới chơn đế quốc Ba-by-lôn (câu 15-38). Có điểm kỳ diệu là dự ngôn đúng đế quốc ấy cầm quyền bao lâu (câu 11-14; 29:10; II Sử ký 36:21; E-xơ-ra 1:1; Ða-ni-ên 9:2; Xa-cha-ri 7:5). Một lời tiên tri lạ lùng. Nếu không bởi sự khải thị trực tiếp của Ðức Chúa Trời, thì Giê-rê-mi không làm sao mà biết được điều ấy.

**Ðoạn 26 -- Giê-rê-mi bị xét xử trước mặt các quan trưởng**

Các thầy tế lễ và tiên tri giả đã tố cáo ông. Nhưng Giê-rê-mi có bạn hữu trong vòng các quan trưởng, nhứt là A-hi-cam, đã cứu ông thoát chết. Tuy nhiên, một bạn đồng sự của Giê-rê-mi, là tiên tri U-ri, chẳng được may mắn như ông (câu 20-24).

Bí Chú Khảo Cổ: **U-ri, Ên-na-than, Nê-đa-bia, Sa-lum**

U-ri chạy trốn qua Ai-cập (câu 20-24). Vua Giê-hô-gia-kin sai Ên-na-than, là một quan trưởng (câu 22; 36:12), qua Ai-cập bắt ông về.

Một trong những "Bức thư La-ki" viết đương thời ấy (xem ở dưới đoạn 34), có nhắc đến "vị chỉ huy quân đội, là *Chebariah*, con trai của Ên-na-tha, đã đi qua trên đường xuống Ai-cập." Lời nầy dường như chỉ về việc tường thuật ở câu 20-24.

"Bức thư La-ki" nầy cũng nói đến "bức thư của Nê-đa-bia, tôi tớ vua, đã do tiên tri trao cho Sa-lum." Nê-đa-bia là cháu nội của vua Giê-hô-gia-kin. Sa-lum (Giô-a-cha), là anh của Giê-hô-gia-kin (II Các vua 23:30, 34; I Sử ký 3:15; Giê-rê-mi 22:11), đã bị bắt qua Ai-cập.

**Ðoạn 27, 28 -- Xiềng và ách**

Giê-rê-mi mang ách trên cổ, chẳng khác gì ách bò, và đi khắp thành Giê-ru-sa-lem mà nói rằng: Người Ba-by-lôn sẽ tra ách trên cổ dân nầy như vậy." Một tiên tri giả, tên là Ha-na-nia, mặt chai mày đá, đã bẻ gãy ách ấy (28:10). Hắn bị phạt, phải chết trong vòng hai tháng (28:1, 17).

**Ðoạn 29 -- Bức thư của Giê-rê-mi gởi cho những kẻ bị lưu đày**

Viết sau khi vua Giê-hô-gia-kin và những người quí phái trong dân bị bắt qua Ba-by-lôn. Ông khuyên bảo họ hãy ở bình an và vâng phục trong cảnh phu tù, và hứa rằng sau 70 năm, họ sẽ được trở về cố hương (câu 10). Nhưng ngay ở Ba-by-lôn, các tiên tri giả, là kẻ thâm thù Giê-rê-mi, vẫn tiếp tục giao tranh với ông (câu 21-32). Ðoạn 30, 31 -- Bài ca trùng hưng

Cho cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, có kèm những lời dự ngôn về Ðấng Mê-si. Bài ca nầy do Ðức Chúa Trời bảo viết (câu 2), để giữ lại mà so sánh với các biến cố trong những thời đại tương lai.

**Tiếng khóc ở Ra-ma** (31:15-20) đã được trưng dẫn ở Ma-thi-ơ 2:17-18, và lời tiên tri về sự đau đớn của Bết-lê-hem vì con trẻ ở đó bị tàn sát khi Ðấng Christ giáng sanh. Ðại để mối liên quan dường như thế nầy: Ra-ma là chỗ mà Giê-rê-mi (đang khóc) được thả ra khỏi đoàn phu tù sắp bị giải qua Ba-by-lôn (40:1). Nơi nầy không xa Bết-lê-hem. Giê-rê-mi hình dung Ra-chên, một tổ mẫu của dân Y-sơ-ra-ên, an táng gần đó, đang khóc lóc con cháu bị hạ sát. Ngôn ngữ ông dùng đây cốt để làm hình bóng về sự đau khổ khác của Bết-lê-hem có liên quan với **Biến Cố** trong lịch sử thành ấy.

**Giao ước mới** (31:31-34). Cựu Ước là truyện tích Ðức Chúa Trời đối xử với dân tộc Hê-bơ-rơ trên căn bản của giao ước lập tại núi Si-na-i. Ðây là một dự ngôn minh bạch rằng giao ước Môi-se sẽ được thay thế bằng một giao ước khác. Sự thay thế giao ước Môi-se bằng giao ước Ðấng Christ là luận đề chánh yếu của thơ Hê-bơ-rơ.

**Ðoạn 32 -- Giê-rê-mi mua một khu ruộng**

Việc nầy xảy ra một năm trước khi Giê-ru-sa-lem bị tàn phá. Sự thiêu hủy thành phố và sự hoang vu của Giu-đa đã gần lắm. Giữa bóng tối tăm và sự tuyệt vọng của giờ phút ấy, Ðức Chúa Trời truyền lịnh cho Giê-rê-mi mua một khu ruộng trong cuộc lễ công khai và cất kỹ tờ khế, để thêm sức mạnh cho lời ông dự ngôn rằng đoàn phu tù sẽ được hồi hương và đất sẽ lại được trồng tỉa.

**Ðoạn 33 -- "Nhánh"**

Từ Ða-vít cho đến khi bị lưu đày, có 20 vua thuộc dòng Ða-vít trị vì nước Giu-đa trong 400 năm; phần nhiều các vua nầy rất xấu. Chỉ có mấy vua xứng đáng với danh Ða-vít. Trong đoạn 22 và 23, Giê-rê-mi gắt gao tố cáo dòng vua nầy mà Ðức Chúa Trời đã hứa ban cho **Ngôi Ðời Ðời**. Tới đoạn 33 đây, ông nhắc lại và giải thích đầy đủ hơn lời tiên tri về **Một Vua Cao Trọng** gọi là "Nhánh," trong Ngài lời hứa sẽ được ứng nghiệm.

**Ðoạn 34 -- Sê-đê-kia tuyên bố tự do**

Trong khi thành Giê-ru-sa-lem bị vây, thì Sê-đê-kia tuyên bố trả tự do cho hết thảy tôi mọi, có lẽ để được ơn của Ðức Chúa Trời, nhưng ông không thi hành được lời tuyên bố ấy.

Bí Chú Khảo Cổ: **Các "Bức thư La-ki"**

Ðoạn 34:7 có chép rằng thành La-ki và thành A-xê-ca đã bị vua Ba-by-lôn vây hãm đang khi vua ấy cũng vây hãm thành Giê-ru-sa-lem. Người ta tìm thấy nhiều mảnh của 21 bức thư từ một đồn tiền tuyến của La-ki gởi về cho vị tướng lãnh phòng thủ La-ki trong lúc bị vây hãm. Tìm thấy năm 1935, do phái đoàn khảo cổ *Wellcome*, dưới quyền điều khiển của ông *J.L.Starkey* và Huân tước *Charles Marston.*

Những thư nầy viết ngay trước khi Nê-bu-cát-nết-sa tấn công lần chót bằng cách đốt lửa rực trời để thiêu thành ấy.

Người ta tìm thấy một đống tro và than ở trên sàn phòng đội vệ binh, là nơi đóng cuối cùng của những người chống giữ La-ki.

Trong một bức thư, vị sĩ quan chỉ huy đồn tiền tuyến nói rằng mình đang "chờ xem các ám hiệu từ La-ki" và mình "không thể thấy ám hiệu từ A-xê-ca" (có lẽ thành nầy đã bị chiếm rồi).

Những bức thư nầy nói đến và nhắc đích danh một số người có tên trong bản tường thuật của Kinh Thánh: "Ghê-ma-ria," một sĩ quan của vua Sê-đê-kia (Giê-rê-mi 29:3); "Gia-a;xa-nia," một võ tướng của Nê-bu-cát-nết-sa (II Các vua 25:23); "Ma- tha-nia," tên cũ của vua Sê-đê-kia (II Các vua 24:17); "Nê-ri-gia," cha Ba-rúc, thơ ký của Giê-rê-mi (Giê-rê-mi 43:3). Những bức thư nầy do một người đồng thời với Giê- rê-mi viết bằng chữ Hê-bơ-rơ cổ điển. Như tiếng nói từ trong kẻ chết vang lên, nó xác nhận truyện tích của Giê-rê-mi.

**Ðoạn 35 -- Gương của những người Rê-cáp**

Người Rê-cáp là một chi phái nguồn gốc từ thời Môi-se (I Sử ký 2:55; Dân số ký 10:29-32; Các quan xét 1:16; II Các vua 10:15, 23). Trải qua các thế kỷ, họ đã triệt để sống một đời khắc khổ, giản dị.

**Ðoạn 36 -- Vua đốt sách của Giê-rê-mi**

Lúc nầy Giê-rê-mi đã nói tiên tri được 23 năm, từ năm thứ 13 đời Giô-si-a tới năm thứ 4 đời Giê-hô-gia-kin. Bây giờ, Chúa truyền bảo ông thâu góp những lời tiên tri ấy thành một quyển sách để đọc cho dân chúng nghe, vì lúc nầy Giê-rê-mi không được tự do giảng cho họ nữa (câu 5). Phải mất trên dưới một năm mới viết xong quyển sách (câu 1, 9). Sự đọc sách đã cảm động một vài quan trưởng rất sâu xa; nhưng vua đã cứng cỏi và liều lĩnh đốt sách đi. Bấy giờ Giê-rê-mi phải chép lại.

**Ðoạn 37, 38 -- Giê-rê-mi bị bỏ tù**

Thành Giê-ru-sa-lem đang bị vây hãm, thì quân Ba-by-lôn tạm thời rút lui vì quân Ai-cập gần kéo tới; có lẽ vì tại Giê-ru-sa-lem thiếu thực phẩm, nên Giê-rê-mi toan lìa khỏi đó mà về quê hương, là A-na-tốt. Vì cớ ông bền đỗ khuyên phải đầu hàng vua Ba- by-lôn, nên kẻ thù nghịch cho đó là ông toan nhập bọn với quân Ba-by-lôn. Vậy, Giê-rê-mi bị bỏ tù vì chúng nghi ông phản quốc, làm tay sai của quân Ba-by-lôn. Sê- đê-kia thân thiện với Giê-rê-mi, nhưng lại là một vua nhu nhược.

**Ðoạn 39 -- Thành Giê-ru-sa-lem bị thiêu hủy**

Biến cố nầy cũng được chép ở đoạn 52, ở II Các vua 25 (xem lời chú giải ở đó) và ở II Sử ký 36. Nê-bu-cát-nết-sa hay tin Giê-rê-mi đã suốt đời khuyên dỗ nhơn dân Giê-ru-sa-lem đầu phục mình, bèn hứa ban cho ông bất cứ danh vọng nào mà ông chịu nhận, dầu là một địa vị cao quí tại triều đình Ba-by-lôn cũng được (câu 11-14; 40:1- 6).

**Ðoạn 40, 41 -- Ghê-đa-lia được lập làm tổng đốc**

Ghê-đa-lia được Nê-bu-cát-nết-sa lập làm tổng đốc cai trị đám dân còn sót lại ở Giu-đa; ông là con trai A-hi-cam, bạn có thế lực của Giê-rê-mi (40:5; 26:24). Nhưng ba tháng sau, ông đã bị mưu sát (39:2; 41:1).

Bí Chú Khảo Cổ: **Cái ấn của Ghê-đa-lia**

Năm 1935, tại La-ki, trong một lớp tro do Nê-bu-cát-nết-sa thiêu cháy còn lại, ông *Starkey*, nhân viên phái đoàn khảo cổ *Wellcome*, đã tìm thấy, cùng với những "Bức thư La-ki," một cái ấn có ghi lời nầy: "Thuộc về Ghê-đa-lia, người cai quản cả nhà."

Cũng tìm thấy cái ấn của Gia-a-xa-nia (Giê-xa-nia) (Giê-rê-mi 35:3; 40:8; II Các vua 25:23). Ông nầy là một trong những tướng lãnh của đạo quân Ghê-đa-lia. Năm 1932, trong đống di tích của thành Mích-ba, cách Giê-ru-sa-lem 6 dặm về phía Tây bắc, là thủ đô của chánh phủ Ghê-đa-lia, *W.F.Bade*, nhơn viên Thái-bình-dương Tôn giáo Học viện, tìm thấy một cái ấn tuyệt mỹ bằng ngọc mã não có ghi: "Thuộc về Gia-a-xa-nia, tôi tớ của vua."

**Ðoạn 42, 43 -- Ði Ai-cập**

Ðám dân còn sót lại sợ Nê-bu-cát-nết-sa trả thù vì đã giết Ghê-đa-lia, bèn chạy xuống Ai-cập, mặc dầu có lời Ðức Chúa Trời cảnh cáo rõ ràng rằng nếu chạy xuống đó, sẽ bị tuyệt diệt. Họ kéo cả Giê-rê-mi đi theo.

Bí Chú Khảo Cổ: **Tác-pha-nết (43:8-13)**

Ðây là một nơi ở biên giới Ai-cập, vừa làm đồn lũy, vừa làm cung điện, trên đường đi xứ Pa-lét-tin. Người ta đã tìm thấy đúng vị trí của nó, ở chừng mười dặm về phía Tây kinh *Suez*. Năm 1886, Huân tước *Flinders Petrie* phát giác di tích của một cung điện rộng lớn, phía trước đó có một "sân gạch rộng lớn, lộ thiên." *Petrie* tin rằng đây chính là chỗ Giê-rê-mi đã cất những cục đá lớn (43:8, 9).

Lại nữa, trong biên niên sử của Nê-bu-cát-nết-sa, người ta thấy chép rằng ông thật đã xâm lăng Ai-cập năm 37 tuổi, tức là năm 568 T.C., -- 18 năm sau khi Giê-rê-mi nói tiên tri rằng vua ấy sẽ làm việc ấy (43:10). Người ta tìm thấy ba bi văn của Nê-bu-cát-nết-sa ở gần Tác-pha-nết. Sử gia *Josèphe* quả quyết rằng Nê-bu-cát-nết-sa bắt người Do-thái từ Tác-pha-nết đi làm phu tù.

**Ðoạn 44 -- Lời kêu gọi cuối cùng của Giê-rê-mi**

Ðây là ông cố gắng lần chót để thuyết phục họ hãy bỏ sự thờ lạy hình tượng và các thói tục kèm theo sự thờ lạy ấy; nhưng ông thất bại. Họ thách đố ông. "Nữ vương trên trời" (câu 17) là tà thần Át-tạt-tê, sự thờ lạy nó có kèm theo những hành vi đồi bại của phụ nữ, và trong trường hợp nầy, chồng họ cũng ưng thuận (câu 15, 19).

Ta không biết Giê-rê-mi qua đời tại đâu và cách nào. Theo một truyền thoại, ông đã bị người Do-thái ném đá chết tại Ai-cập. lại theo một truyền thoại khác, thì Nê-bu-cát-nết-sa đã đem ông cùng Ba-rúc từ Ai-cập qua Ba-by-lôn, và ông qua đời tại đó.

**Ðoạn 45 -- Ba-rúc**

Ba-rúc, thơ ký của Giê-rê-mi, là anh của Sê-ra-gia, quan thị vệ của vua (32:12; 51:59), và có lẽ là cháu nội của quan tổng đốc Giê-ru-sa-lem (II Sử ký 34:8). Vậy, ông là một người có địa vị và có dục vọng cao xa (câu 5). Bây giờ, tại Ai-cập ông nhớ lại lời cảnh cáo của Ðức Chúa Trời từ 18 năm trước và lời hứa cho sống. Ông được nhìn nhận là có ảnh hưởng lớn tới Giê-rê-mi (43:3). Ông có địa vị cao đến nỗi một số sách giả mạo được gán cho ông, trong số đó có cả ngụy thư Ba-rúc căn cứ trên khẩu truyền rằng ông đã được đem qua Ba-by-lôn.

**Ðoạn 46 -- Ai-cập**

Mô tả sự bại trận của đạo quân Ai-cập tại Cạt-kê-mít (605 T.C.), ở khoảng giữa đời Giê-rê-mi (câu 1-12); và thêm lời tiên tri rằng Nê-bu-cát-nết-sa sẽ xâm lăng Ai-cập (câu 13-26). Lời tiên tri nầy thêm vào lời tiên tri ở 43:8-13 (xin xem khúc sách nầy). Hơn 100 năm trước, Ê-sai đã nói tiên tri về quân A-si-ri xâm lăng Ai-cập (xem ở dưới Ê-sai 18 đến 20). Ê-xê-chi-ên cũng có nói về Ai-cập (Ê-xê-chi-ên 19 đến 32).

**Ðoạn 47 -- Xứ Phi-li-tin**

Ðây là lời tiên tri về quân Ba-by-lôn làm cho xứ Phi-li-tin phải hoang vu, và nói ra từ "trước khi Pha-ra-ôn chưa đánh Ga-xa" (câu 1), -- chắc là nhằm lúc đánh trận Mê-ghi-đô (608 T.C.), mà Giô-si-a bị giết, tức là lúc tương lai Ai-cập có vẻ tốt đẹp. Lời tiên tri nầy được ứng nghiệm 20 năm sau, lúc Nê-bu-cát-nết-sa chiếm đất Giu-đa. Các tiên tri khác có nói đến xứ Phi-li-tin là: Ê-sai 14:28-32; A-mốt 1:6-8; Ê-xê-chi-ên 25:15-17; Sô-phô-ni 2:4-7; Xa-cha-ri 9:1-7.

**Ðoạn 48 -- Xứ Mô-áp**

Bức tranh diễn tả sự hoang vu hòng gần của xứ Mô-áp, Mô-áp đã giúp Nê-bu-cát- nết-sa đánh nước Giu-đa, nhưng về sau chính nó lại bị tay vua ấy tàn phá (năm 582 T.C.). Trải qua nhiều thế kỷ, xứ nầy hoang vu và ít có dân ở; di tích của nhiều đô thị chứng tỏ rằng xưa kia nó rất đông dân. Sự khôi phục của Mô-áp (câu 47) và của Am-môn (49:6) có lẽ đã được thực hiện khi chúng sáp nhập chủng tộc Ả-rập. Một số người Ả-rập đã có mặt tại Lễ Ngũ Tuần, khi ơn phước của Tin Lành đã được công bố cho thế giới lần đầu tiên (Công vụ các sứ đồ 2:11). Hoặc có thể có nghĩa rằng xứ lại sẽ được thạnh vượng. Còn có những lời tiên tri khác về xứ Mô-áp: Ê-sai 15, 16; Ê-xê-chi-ên 25:8-11; A-mốt 2;1-3; Sô-phô-ni 2:8-11.

**Ðoạn 49 -- Am-môn, Ê-đôm, Sy-ri, Hát-so, Ê-lam**

Một lời tiên tri rằng Nê-bu-cát-nế-sa sẽ chiến thắng những nước nầy, và thật đã xảy ra như vậy. Về phần Am-môn, xin xem ở dưới Ê-xê-chi-ên 25:1-11; về Ê-đôm, xin xem ở dưới Áp-đia. Ða-mách đã bị Nê-bu-cát-nết-sa cướp phá năm 582 T.C..

**Ðoạn 50, 51 -- Dự ngôn về đế quốc Ba-by-lôn suy vong**

Ðây dự ngôn về Ba-by-lôn suy vong và bị hoang vu vĩnh viễn. Lời lẽ xứng đáng với đề tài vĩ đại (51:37-43), cũng như Ê-sai đã mô tả trước kia (Ê-sai 13:17-22). Người Mê-đi dẫn đầu số nhiều dân tộc và được gọi là kẻ chiến thắng (50:9; 51:11, 27, 28). Hai đoạn báo cáo sự suy vong của Ba-by-lôn nầy đã được sao lại thành một sách riêng và do một phái đoàn, có vua Sê-đê-kia cầm đầu, đem qua Ba-by-lôn, 7 năm trước khi Nê-bu-cát-nết-sa thiêu hủy thành Giê-ru-sa-lem (51:59-64), thơ nầy do chính Sê-ra-gia, quan thị vệ của vua, là anh Ba-rúc, thơ ký của Giê-rê-mi, đem đi (32:12; 51:59). Ða-ni-ên đã ở Ba-by-lôn 15 năm, và đã nói tiên tri cho Nê-bu-cát-nết-sa rằng nước của vua ấy sẽ sụp đổ (Ða-ni-ên 2). Phải đọc quyển sách nầy trước công chúng, rồi trong một cuộc lễ long trọng, phải quăng sách xuống sông Ơ-phơ-rát và nói rằng: "Ba-by-lôn sẽ chìm xuống như vậy! Nó sẽ chẳng còn chổi dậy nữa" (51:64).

**Ðoạn 52 -- Giu-đa bị bắt làm phu tù**

(Xem II Các vua 24, 25)

**Ca Thương**

**Một bản ai ca về sự hoang vu của thành Giê-ru-sa-lem**

Sách nầy bày tỏ sự buồn rầu của Giê-rê-mi vì cớ thành Giê-ru-sa-lem mà ông đã hết sức cố cứu; tuy nhiên, ông vẫn có đức tin rằng thành nầy sẽ từ đống hoang tàn chổi dậy (3:21, 31, 32). Nó nhắc ta nhớ lời Ðức Chúa Jêsus than thở về thành Giê-ru-sa-lem (Ma-thi-ơ 23:37-38; Lu-ca 19:41, 44). Giê-ru-sa-lem thật đã chổi dậy và làm thủ đô của thế giới được cứu chuộc, có vinh quang đời đời (Hê-bơ-rơ 12:22; Khải Huyền 21:2).

**Phần phụ lục cho sách Giê-rê-mi**

Ðoạn cuối cùng của sách Giê-rê-mi luận về sự thiêu hủy Giê-ru-sa-lem và khởi đầu cuộc lưu đày tại Ba-by-lôn. Phải dọc đoạn ấy như là tiểu dẫn của sách Ca Thương. Bản Septante thêm lời mở đầu rằng: "Xảy ra khi dân Y-sơ-ra-ên bị bắt đi làm phu tù và thành Giê-ru-sa-lem bị hoang vu, thì Giê-rê-mi ngồi khóc và than vãn về Giê-ru-sa-lem bằng bài than vãn nầy, mà rằng." Người ta cho rằng lời mở đường nầy chắc ở bản Hê-bơ-rơ đã dùng để dịch ra bản *Septante*.

Tuy nhiên, trong Cựu Ước tiếng Hê-bơ-rơ, sách Ca thương không tiếp theo liền sách Giê-rê-mi như trong Kinh Thánh của chúng ta, nhưng ở trong bộ sách gọi là *"Hagiographa"* hoặc "Tác phẩm," tức là: "Nhã Ca, Ru-tơ, Ca Thương, Truyền đạo, Ê- xơ-tê. Những sách nầy chép thành mấy cuốn riêng, vì đọc ở các lễ khác nhau. Cho tới ngày nay, khắp cả thế giới, bất cứ nơi nào có người Do-thái, họ cũng đọc sách Ca thương nầy trong nhà hội nhằm ngày 9, tháng 4 (Giê-rê-mi 52:6), để nhớ lại sự hủy phá Giê-ru-sa-lem. Ðây là một khúc ca sầu thảm, "mỗi chữ viết bằng nước mắt, và mỗi lời viết với tiếng vang của trái tim tan vỡ."

**"Ðộng của Giê-rê-mi"**

Là tên của chỗ ở ngay vách ngoài thành Giê-ru-sa-lem về phía Bắc, tại đó, theo truyền thoại, Giê-rê-mi đã khóc lóc đắng cay và viết bản ai ca sầu thảm nầy về thành mà mình đã hết sức cố cứu. Ðộng nầy ở dưới ngọn đồi nay gọi là "Gô-gô-tha," chính là ngọn đồi trồng cây Thập tự của Ðức Chúa Jêsus. Như vậy, đấng tiên tri đau thương đã khóc ở nơi về sau Cứu Chúa chịu chết.

**Thơ chiết cú theo vần chữ cái**

Sách nầy có 5 bài thơ, mà 4 bài thuộc thể chiết cú, nghĩa là mỗi câu bắt đầu bằng một chữ cái của vần Hê-bơ-rơ, cứ theo thứ tự của vần. Ðó là một hình thức thi ca Hê- bơ-rơ mà người ta rất ưa thích, cốt để giúp cho dễ nhớ. Những chữ cái của vần Hê-bơ-rơ là: *Aleph, Beth, Gimel, Daleth, He, Waw, Zayin, Heth, Teth, Yodh, Kaph, Lamedh, Mem, Nun, Samekh, Ayin, Pe, Sadhe, Qoph, Resh, Sin, Taw*. Trong các đoạn 1, 2, 4 mỗi đoạn có 22 câu, một chữ cái cho mỗi câu. Ðoạn 3 có 3 câu cho mỗi chữ, cộng là 66 câu. Ðoạn 5 có 22 câu, nhưng không theo thứ tự chữ cái.

**Công dụng trực tiếp**

Sách nầy chắc được trứ tác trong khoảng 3 tháng giữa lúc thành Giê-ru-sa-lem bị thiêu hủy và dân sót kéo xuống Ai-cập (Giê-rê-mi 39:2; 41:1, 18; 43:7). Trong thời gian nầy chánh phủ đóng đô tại Mích-ba (Giê-rê-mi 40:8), cách Giê-ru-sa-lem chừng 6 dặm về phía Tây bắc. Có lẽ sách đã được sao làm nhiều bản, -- bản thì đem xuống Ai-cập, bản thì đem qua Ba-by-lôn cho các phu tù học thuộc lòng và hát.

**Ðoạn 1 -- Si-ôn bị hoang vu**

Tìm đầu đề cho mỗi đoạn không phải là dễ. Những ý tưởng giống nhau chạy suốt các đoạn, duy có lời thì khác: nào cuộc vây hãm khủng khiếp, nào những đống hoang tàn, hết thảy do tội lỗi của Si-ôn. Giê-rê-mi sửng sốt, kinh ngạc, tan nát lòng và khóc lóc khủng khiếp, không sao yên ủi được. Một vài chỗ, ông viết như là chính Si-ôn lên tiếng. Ở đoạn nầy, ông đặc biệt nhấn mạnh vào nhiều điểm, trong đó có điểm nầy: Vì cớ tội lỗi của mình, nên nhơn dân tự chuốc lấy tai họa (câu 5, 8, 9, 14, 18, 20, 22).

**Ðoạn 2 -- Cơn giận của Ðức Chúa Trời**

Ông cho rằng thành Giê-ru-sa-lem bị tàn phá là trực tiếp bởi cơn giận của Ðức Chúa Trời (câu 1, 2, 3, 4, 6, 21, 22). Giê-ru-sa-lem ở trên núi, và chung quanh có núi non bao bọc; dầu đem so sánh với Ba-by-lôn, Ni-ni-ve, *Thèbes* và Mem-phi, là những thành kiến thiết trên đồng bằng, Giê-ru-sa-lem cũng là đô thị đẹp nhứt thời đó theo chỗ ta biết, và "là sự đẹp đẽ trọn vẹn" (câu 15). Hơn nữa, Giê-ru-sa-lem là thành được Ðức Chúa Trời săn sóc đặc biệt, được Ngài lựa chọn cho một sứ mạng vô song, là môi giới chính cho những đường lối Ðức Chúa Trời đối xử với loài người, là thành được ân huệ và đặc quyền cao nhứt thế giới, được Ngài yêu mến và che chở một cách rất đặc biệt. Hơn nữa, nó có vách lũy kiên cố đến nỗi ai cũng tưởng quân thù không tài nào chiếm được (4:2). Nhưng thành nầy của Ðức Chúa Trời đã hóa ra hư xấu, bại hoại hơn Sô-đôm (4:6), và những vách lũy bất khả xâm phạm không thể nào chống giữ khỏi cơn thạnh nộ của Ðức Chúa Trời. Ðức Chúa Trời có sự yêu thương vô cùng, không sao dò được, cũng là Ðức Chúa Trời có cơn giận khủng khiếp nghịch cùng những ai cố ý cự tuyệt sự yêu thương của Ngài: Ðó là một giáo lý được quả quyết và chứng minh rất nhiều lần suốt cả Kinh Thánh.

**Ðoạn 3 -- Sự sầu khổ của Giê-rê-mi**

Trong đoạn nầy, Giê-rê-mi dường như than thở rằng Ðức Chúa Trời không kể đến ông và lời cầu nguyện của ông (câu 8); Ðức Chúa Trời đã "ẩn mình trong mây, đến nỗi chẳng lời cầu nguyện nào thấu qua được" (câu 44). Ông vì chính mình mà nói, nhưng cũng có lúc dường như nói thay cho dân Y-sơ-ra-ên. Dầu than thở, nhưng ông cũng xưng Ðức Chúa Trời là công bình, và nhìn nhận rằng họ đáng bị hình phạt nặng nề hơn nữa (câu 22). Ðây là một lời cầu nguyện thảm thương xin Ðức Chúa Trời lại tỏ lòng thương xót của Ngài, và chẳng phải là hoàn toàn vô hy vọng (câu 21.31, 32). Tuyệt điểm của sách nầy là câu 21-39.

**Ðoạn 4, 5 -- Những sự đau đớn vì cuộc vây hãm**

Những sự đau đớn nầy đã được kể ra tóm tắt. Giê-rê-mi không thể không nghĩ đến những nỗi khủng khiếp của cuộc vây hãm, nhưng tiếng kêu la của con trẻ đói khát (2:11, 12, 19; 4:4), và những bà mẹ nấu con nhỏ mình mà ăn (2:20; 4:10).

Mặc dầu có những sự đau đớn khủng khiếp ấy, Giê-ru-sa-lem vẫn không học bài cần phải học. Sau cuộc lưu đày, Giê-ru-sa-lem đã được xây cất lại, và đương thời Ðức Chúa Jêsus, nó lại trở thành một đô thị rộng lớn, hùng mạnh và tội lỗi nó lên tới tuyệt điểm vì đã đóng đinh Con Ðức Chúa Trời vào Thập tự giá. Rồi tới lúc đạo quân La-mã tuyệt diệt Giê-ru-sa-lem (70 S.C.). Xem ở dưới Hê-bơ-rơ 13.

**Ê-xê-chi-ên**

**Thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ  
Sự đoán phạt các nước lân cận  
Sự khôi phục Y-sơ-ra-ên  
"Các ngươi sẽ biết rằng Ta là Ðức Giê-hô-va"**

Ê-xê-chi-ên là một tiên tri trong thời kỳ bị lưu đày. Ông bị đem qua Ba-by-lôn năm 597 T.C., tức là 11 năm trước khi thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy.

Y-sơ-ra-ên đã bị quân A-si-ri bắt làm phu tù 120 năm trước:

734 T.C.. Xứ Ga-li-lê và miền Bắc, miền Ðông Y-sơ-ra-ên, bởi tay Tiếc-la-Phi-lê-se.

721 T.C. Xứ Sa-ma-ri là phần sót lại của Y-sơ-ra-ên, bởi tay Sa-gôn.

701 T.C. 200.000 dân Giu-đa, bởi tay San-chê-ríp.

Cuộc lưu đày của dân Giu-đa qua Ba-by-lôn đã thực hiện như sau đây:

606 T.C. Một số phu tù bị đem qua Ba-by-lôn, kể cả Ða-ni-ên.

597 T.C. Thêm phu tù bị bắt qua Ba-by-lôn, kể cả Ê-xê-chi-ên.

586 T.C. Giê-ru-sa-lem bị thiêu hủy.

Cuộc lưu đày nầy kéo dài 70 năm (606-536 T.C.). Ê-xê-chi-ên ở Ba-by-lôn từ năm 597 T.C. tới rất ít là năm 570 T.C.. Như vậy, ông đã chịu phần nửa đầu của thời kỳ lưu đày.

**Ê-xê-chi-ên và Ða-ni-ên**

Khi Ê-xê-chi-ên tới Ba-by-lôn, thì Ða-ni-ên đã ở đó 9 năm rồi, và đã được danh tiếng lớn. Ða-ni-ên ở trong triều đình, còn Ê-xê-chi-ên ở trong xứ. Có lẽ hai ông thường gặp nhau.

**Ê-xê-chi-ên và Giê-rê-mi**

Cả hai ông là thầy tế lễ. Giê-rê-mi cao tuổi hơn. Có lẽ Ê-xê-chi-ên là môn đệ của Giê-rê-mi. Khi Ê-xê-chi-ên bị bắt đi khỏi thành Giê-ru-sa-lem, thì Giê-rê-mi đã làm xong quá nửa chức vụ. Ê-xê-chi-ên giảng giữa vòng các phu tù những điều mà Giê- rê-mi giảng tại Giê-ru-sa-lem, ấy là dân Giu-đa chắc chắn bị hình phạt vì cớ tội lỗi của họ.

**Ê-xê-chi-ên và Giăng**

Một vài sự hiện thấy của Ê-xê-chi-ên dường như kéo dài tới sách Khải Huyền: Chê- ru-bin (Ê-xê-chi-ên 1; Khải Huyền 4); Gót và Ma-gót (Ê-xê-chi-ên 38; Khải Huyền 20); ăn cuốn sách (Ê-xê-chi-ên 3; Khải Huyền 10); thành Giê-ru-sa-lem mới (Ê-xê- chi-ên 40-48; Khải Huyền 21); sông nước sự sống (Ê-xê-chi-ên 47; Khải Huyền 22).

**"Các ngươi sẽ biết rằng Ta là Ðức Giê-hô-va"**

Ðây là một lời cốt yếu trong sách Ê-xê-chi-ên. Chúng ta đếm được 62 lần chép lời nầy: 6:7, 10, 13, 14; 7:4, 9, 27; 11:10, 12; 12:15, 16, 20; 13:9, 14, 21; 14:8; 15:7; 16:62; 17:21, 24; 20:21, 20, 28, 38, 42, 44; 21:5; 22:16, 22; 23:49; 24:24, 27; 25:5, 7, 11, 17; 26:6; 28:22, 23, 24, 26; 29:6, 9, 16, 21; 30:8, 19, 25, 26; 32:15; 33:29; 34:27, 30; 35:4, 9, 12, 15; 36:11, 23, 36, 38; 37:6, 13, 14, 28; 38:16, 23; 39:6, 7, 22, 23, 28.

Sứ mạng của Ê-xê-chi-ên dường như là giải thích và chứng minh hành động của Ðức Chúa Trời khi Ngài khiến hoặc cho phép dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày. Ấy vì họ đã phạm những sự gớm ghiếc không tả xiết, tức là những sự gớm ghiếc đã gây cho nhiều dân tộc khác bị tuyệt diệt. Nhưng đối với dân Y-sơ-ra-ên, chỉ là sự sửa phạt. Vì bị sửa phạt, họ sẽ **Biết Rằng Giê-Hô-Va Là Ðức Chúa Trời**. Và họ thật đã biết. Cuộc lưu đày tại Ba-by-lôn **CỨứu Chữa** dân Do-thái khỏi sự thờ lạy hình tượng. Cho tới lúc đó, dầu có chi đi nữa, họ cũng vẫn thờ lạy hình tượng. Nhưng từ ngày đó tới ngày nay, dầu dân Do-thái phạm tội chi khác, họ cũng không phạm tội thờ lạy hình tượng nữa.

**Niên biểu của sách Ê-xê-chi-ên**

Then chốt của sách nầy là sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem, xảy ra năm 586 T.C.. Các lời tiên tri của Ê-xê-chi-ên có từ 6 năm trước đó, và kéo dài 16 năm sau đó, tổng cộng là 22 năm. Trước khi Giê-ru-sa-lem sụp đổ, bằng cách nầy hoặc cách khác, Ê-xê-chi-ên luôn luôn dự ngôn rằng chắc nó sẽ sụp đổ (đoạn 1-24). Sau đó, ông nói tiên tri về các quốc gia thờ lạy hình tượng ở tiếp cận nước Y-sơ-ra-ên sẽ bị lật đổ (đoạn 25-32), về nước Y-sơ-ra-ên sẽ được khôi phục và được vinh hiển trong tương lai (đoạn 33-48).

Trừ một vài trường hợp không quan trọng, các sự hiện thấy của ông đều theo thứ tự niên đại. Các năm thì tính từ lúc Giê-hô-gia-kin bị bắt làm phu tù, tức là năm 597 T.C.. Người ta cho rằng "Năm thứ 30" (1:1), tương đương với "năm thứ 5" của thời kỳ Giê-hô-gia-kin bị lưu đày, chính là năm Ê-xê-chi-ên được 30 tuổi (tuổi người Lê-vi bắt đầu thi hành chức vụ -- Dân số ký 4:3; -- Ðức Chúa Jêsus và Giăng Báp-tít cũng bắt đầu chức vụ năm 30 tuổi). Hoặc cũng có thể là năm thứ 30 của nền độc lập Ba-by-lôn, thoát khỏi quyền bá chủ của A-si-ri, do *Nabopolasar* giành được năm 625 T.C.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Niên hiệu các sự hiện thấy của Ê-xê-chi-ên là như sau đây:** | | | | |
| Ðoạn 1:2 | Năm thứ 5 | Tháng 4 (tháng 7 dương lịch) | Ngày 5 | 592 T.C. |
| Ðoạn 8:1 | Năm thứ 6 | Tháng 6 (tháng 9 dương lịch) | Ngày 5 | 591 T.C. |
| Ðoạn 20:1 | Năm thứ 7 | Tháng 5 (tháng 8 dương lịch) | Ngày 10 | 590 T.C. |
| Ðoạn 24:1 | Năm thứ 9 | Tháng 10 (tháng 1 dương lịch) | Ngày 10 | 587 T.C. |
| **Cuộc vây hãm thành Giê-ru-sa-lem bắt đầu năm thứ 9, tháng 10, ngày 10** | | | | |
| Ðoạn 26:1 | Năm thứ 11 | Tháng 5 (?) (tháng 8 dương lịch) | Ngày 1 | 586 T.C. |
| Ðoạn 29:1 | Năm thứ 10 | Tháng 10 (tháng 1 dương lịch) | Ngày 12 | 586 T.C. |
| Ðoạn 29:17 | Năm thứ 27 | Tháng 1 (tháng 4 dương lịch) | Ngày 1 | 570 T.C. |
| Ðoạn 30:20 | Năm thứ 11 | Tháng 1 (tháng 4 dương lịch) | Ngày 7 | 586 T.C. |
| Ðoạn 31:1 | Năm thứ 11 | Tháng 3 (tháng 6 dương lịch) | Ngày 1 | 586 T.C. |
| **Thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ năm thứ 11, tháng 4, ngày 9** | | | | |
| Ðoạn 32:1 | Năm thứ 12 | Tháng 12 (tháng 3 dương lịch) | Ngày 1 | 584 T.C. |
| Ðoạn 32:17 | Năm thứ 12 | Tháng 12 (?) (tháng 3 dương lịch) | Ngày 15 | 584 T.C. |
| Ðoạn 33:21 | Năm thứ 12 | Tháng 10 (tháng 1 dương lịch) | Ngày 5 | 584 T.C. |
| Ðoạn 40:1 | Năm thứ 25 | Tháng 1 (?) (tháng 4 dương lịch) | Ngày 10 | 572 T.C. |

Vì Ê-xê-chi-ên rất cẩn thận ghi niên hiệu các sự hiện thấy của ông, thậm chí ghi đúng cả ngày nữa, nên ta phỏng đoán rằng mọi biến cố chép sau một niên hiệu nhứt định đều thuộc về niên hiệu ấy, cho tới chỗ ghi một niên hiệu mới.

**Ðoạn 1:1-3 -- Nơi ở và niên hiệu của Ê-xê-chi-ên**

Ông bị bắt đi làm phu tù cùng với vua Giê-hô-gia-kin năm 597 T.C. (ông nói về sự trạng ấy rằng: **Chúng ta** bị bắt làm phu tù -- 32:21; 40:1). Ông có vợ (24:15-18) và có nhà riêng (8:1). Ông sống giữa đám phu tù, trên bờ sông Kê-ba, là con kinh lớn cho tàu chạy, tách khỏi sông Ơ-phơ-rát phía trên Ba-by-lôn và chạy qua thành *Nippur* mà đổ vào sông Ti-gơ-rơ. *Nippur* cách Ba-by-lôn 50 dặm về phía Ðông nam, chính là Ca-lách, một trong những thành mà Nim-rốt đã xây cất sau nạn nước lụt ít lâu (10:11). Tên A-bíp dường như là thị trấn Ê-xê-chi-ên cư ngụ (3:15, 24). Người ta cho rằng tên A-bíp ở gần *Nippur*. Trong miền nầy có một làng tên là *"Kilfil,"* là chữ "Ê-xê-chi-ên" trong tiếng Ả-rập; theo truyền thoại, thì ông ở đây và cũng được an táng tại đây. Cách đó chừng 40 dặm, có thành *Fara*, là nơi, theo truyền thoại, Nô-ê đã cư ngụ. Có lẽ vì đó mà Ê-xê-chi-ên đã nhắc đến tên Nô-ê (14:14, 20). Còn *Eridu*, vị trí của vườn Ê-đen theo truyền thoại, thì chỉ cách xa 100 dặm. Có lẽ vì đó mà Ê-xê-chi-ên thường nhắc đến vườn Ê-đen (28:13; 31:8, 9, 16, 18; 36:35).

**"Con người"**: Ðức Chúa Trời kêu Ê-xê-chi-ên bằng danh hiệu ấy 90 lần. Trong sách Ða-ni-ên 7:13, danh hiệu ấy dùng chỉ về Ðấng Mê-si. Ðó là phẩm tước mà Ðức Chúa Jêsus thường dùng để chỉ về Ngài (xem ở dưới Giăng 1:14).

Sự hiện thấy và hành động tượng trưng là đặc điểm của sách Ê-xê-chi-ên. Một vài hành động tượng trưng của ông có kèm theo những sự đau đớn, buồn thảm, cay đắng nặng nề nhứt cho bổn thân ông. Ông phải câm một thời gian lâu (3:26; 24:27; 33:22); phải nằm nghiêng một bề suốt hơn một năm (4:5); phải ăn thực phẩm kinh tởm (4:15); và vợ ông mà ông hết sức thương mến đã bị cất đi thình lình (24:16-18).

**Ðoạn 1:4-28 -- Sự hiện thấy của Ê-xê-chi-ên về Ðức Chúa Trời**

Những "vật sống" được xác định là "chê-ru-bin" (10:20). Mỗi vật sống đứng giữa một cạnh của một hình vuông, sè cánh ra đụng tới các góc của hình vuông. Mỗi chê-ru- bin có bốn mặt: mặt người từ hình vuông nhìn ra phía ngoài; bên hữu là mặt sư tử; bên tả là mặt bò; phía sau có mặt chim ưng nhìn vào trung tâm hình vuông. Có bốn cái "bánh xe quay chóng" to lớn (10:6), mỗi bánh xe ở bên cạnh một chê-ru-bin. Các bánh xe hình như bằng lục ngọc thạch, và vành bánh xe đầy những mắt. Bốn vật sống nầy chuyển vận từ nơi nọ đến nơi kia như chớp nhoáng, phát ra tiếng động như đại dương gầm thét.

Bên trên các vật sống có "một vòng khung giống như thủy tinh" (câu 22). Trên vòng khung có cái ngai bằng bích ngọc. Trên ngai "có hình như Người" (câu 26), mặc ánh sáng ngời và có cái móng bao bọc. Khung của cảnh trạng nầy là đám mây bảo vĩ đại và những chớp lửa quay mau. Ðức Chúa Trời đã hiện ra với Ê-xê-chi-ên dưới hình trạng ấy. Mọi sự nầy có nghĩa chỉ về Ngài vinh hiển, quyền oai, toàn tri, toàn năng, tối cao, oai nghiêm và chí thánh.

Chê-ru-bin đã canh giữ con đường đến cây sự sống (Sáng thế ký 3:24). Hình chê-ru- bin được đặt trên hòm giao ước (Xuất Ê-díp-tô ký 25:18-20) và thêu trên bức màn của Ðền tạm (Xuất Ê-díp-tô ký 26:31). Hình chê-ru-bin được tái tạo trong Ðền thờ (I Các vua 6:23, 29; II Sử ký 3:14). Không cần suy nghĩ rằng những thần tượng hình bò tót có cánh và mặt người, hoặc có đầu chim ưng, đã gợi cho Ê-xê-chi-ên sự hiện thấy về những vật sống hỗn hợp nầy. Là thầy tế lễ, ông đã thấy các chê-ru-bin trong Ðền thờ. Từ lúc ban đầu, các chê-ru-bin liên quan với ý tưởng trong Kinh Thánh về tư cách thiên sứ hầu việc Ðức Chúa Trời. Trong sách Khải Huyền 4:6, 7; 5:6; 6:1, 6; 7:11; 14:3; 15:7; 19:4, các chê-ru-bin đều liên quan mật thiết với số phận của Hội Thánh đang được tỏ ra.

Chê-ru-bin là gì? Người ta thường nghĩ rằng chê-ru-bin là một ban thiên sứ thể hiện các đức tánh của muôn loài có sanh khí và liên hiệp với Ðức Chúa Trời trong khi Ngài tể trị vũ trụ. Có người kể chê-ru-bin là tượng trưng cho nhơn loại được cứu chuộc, bày tỏ các quyền năng của thân thể phục sanh. Xem thêm ở Khải Huyền 4:6.

**Ðoạn 2, 3 -- Sứ mạng của Ê-xê-chi-ên**

Ngay lúc đầu, Ðức Chúa Trời cảnh cáo Ê-xê-chi-ên rằng ông được kêu gọi sống một đời chịu khó nhọc và bắt bớ. Sứ điệp mà ông phải giảng thì Ngài trao cho ông dưới hình thức một quyển sách, và Ngài truyền bảo ông phải ăn sách ấy cũng như Giăng vậy (Khải Huyền 10:9). Sách ngọt ngào trong miệng ông, dường như có nghĩa rằng ông thấy vui mừng vì được làm sứ giả của Ðức Chúa Trời, mặc dầu ông phải rao truyền một sứ điệp khổ nạn. Ăn quyển sách, hoặc ăn thật hay chỉ ăn trong sự hiện thấy, thì có nghĩa là hoàn toàn tiêu hóa nội dung quyển sách đến nỗi sứ điệp của nó trở thành một phần của chính mình ông. Ở 3:17-21, Ðức Chúa Trời dường như đặt trên vai Ê-xê-chi-ên cái trách nhiệm về số phận của dân tộc ông; ông có trung tín truyền giảng sứ điệp của Ðức Chúa Trời, thì mới tránh khỏi trách nhiệm. Ông cũng được cảnh cáo rằng thỉnh thoảng Ðức Chúa Trời sẽ bắt ông làm thinh (3:26; 24:27; 33:22), cốt để khiến ông cẩn thận, chỉ nói theo như Ngài truyền bảo, chớ không tỏ bày ý tưởng riêng của mình.

**Ðoạn 4, 5, 6, 7 -- Tượng trưng cuộc vây hãm thành Giê-ru-sa-lem**

Ðoàn phu tù đang hy vọng sớm được trở về Giê-ru-sa-lem; nhưng đây, trong bài giảng đầu tiên, ông linh động cảnh cáo họ rằng thành Giê-ru-sa-lem sắp bị phá hủy, chẳng bao lâu sẽ có những phu tù khác nhập bọn với họ, và thời kỳ lưu đày của họ sẽ kéo dài rất ít là 40 năm. Có lẽ 40 năm là con số chẵn, chỉ tỏ một thế hệ. Lúc nầy (592 T.C.), một số phu tù đã ở đó 14 năm. 6 năm sau, thành Giê-ru-sa-lem bị thiêu hủy. Và kể từ ngày ấy, cuộc lưu đày còn kéo dài 50 năm nữa (586-536 T.C.).

Về số 390 năm tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên (4:5), thì bản Septante dịch là 190 năm, tức là suýt soát khoảng từ 721 đến 536 T.C.. Nếu đúng là 390 năm, thì 200 năm thêm vào sẽ kéo dài thời gian tới thời kỳ đế quốc Hy-lạp của A-lịch-sơn đại đế, trong khi chinh phục các xứ, vua nầy đã tỏ ra rất trọng vọng hết thảy người Do-thái. Có người nghĩ rằng 430 năm (390+40) là thời gian kiều ngụ tại Ai-cập (Xuất Ê-díp-tô ký 12:40), cốt để tượng trưng cho một cuộc lưu đày thứ hai, giống như vậy.

Ðể làm dấu hiệu về nạn đói kém, Ê-xê-chi-ên đã ăn một thứ bánh kinh tởm làm bằng ngũ cốc, mỗi ngày ăn chừng 280 gờ-ram, và uống chừng một lít nước; bánh ấy nướng bằng phân bò (thường dùng làm nhiên liệu). Suốt cả thời kỳ vây hãm Giê-ru- sa-lem, ông nằm nghiêng một bên, hoặc luôn luôn hoặc một phần lớn mỗi ngày; nằm như vậy và ăn uống như thời đói kém đó, thì bực bội lắm.

**Ðoạn 5**.-- Khi cuộc vây hãm đã dứt, để tượng trưng thêm cho số phận dân chúng Giê- ru-sa-lem, Ðức Chúa Trời truyền lịnh cho Ê-xê-chi-ên cắt tóc, cạo râu, đốt một phần, đánh một phần bằng gươm, còn thì rải ra theo gió bốn phương.

**Ðoạn 6, 7**.-- Một bản ai ca về đất Y-sơ-ra-ên bị hủy phá và hoang vu; ý chính là bởi sự sửa phạt kinh khủng nầy, dân Do-thái sẽ biết Giê-hô-va là Ðức Chúa Trời.

**Ðoạn 8, 9, 10, 11 -- Trong sự hiện thấy, Ê-xê-chi-ên về thăm Giê-ru-sa-lem**

Nhằm tháng 9, năm 591 T.C., tức là 1 năm, 2 tháng sau khi ông được kêu gọi, vào khoảng ông đã chấm dứt cuộc tượng trưng vây hãm thành Giê-ru-sa-lem. Trong trạng thái xuất thần nhập hóa *(extase)*, ông được chở về thành Giê-ru-sa-lem, tại đó Ðức Chúa Trời chỉ cho ông thấy những cuộc thờ lạy hình tượng gớm ghiếc cử hành ngay trong Ðền thờ. "Hình tượng sự ghen tương" (8:3) có lẽ là tà thần *Astarte* (thần Vệ nữ của người Sy-ri). Sự thờ lạy thú vật lén lút (8:10) có lẽ là bắt chước người Ai-cập. Dẫn đầu sự thờ lạy nầy là Gia-a-xa-nia (câu 11), con trai Sa-phan, thủ lãnh cuộc cải cách dưới đời trị vì của Giô-si-a (II Các vua 22:8). Anh em của hắn, tên là A-hi-cam và Ghê-ma-ria, vốn là thiết hữu của Giê-rê-mi (Giê-rê-mi 26:24; 36:10, 25) ngay khi chính Giê-rê-mi kêu la gớm ghiếc hành động phạm thánh *(sacrilège)* đó. Tham-mu (8:14) là tà thần *Adonis* của người Ba-by-lôn, chồng của thần vệ nữ Sy-ri; sự thờ lạy nó cử hành với những cuộc say sưa*,* phóng túng, vô đạo. Như vậy, dầu hết lời cảnh cáo nầy đến lời cảnh cáo khác, hết sự hình phạt nầy, đến sự hình phạt khác, nước Giu-đa (xưa kia hùng mạnh, nhưng bây giờ đã gần tiêu diệt) vẫn cứ sa ngã càng ngày càng thấp trong vòng thờ lạy hình tượng nhơ nhuốc. Ðó là một mùi hôi thúi mà mũi Ðức Chúa Trời không chịu được nữa.

**Ðoạn 9**.-- Sự hiện thấy về cuộc tàn sát những kẻ thờ lạy hình tượng ở Giê-ru-sa-lem, trừ ra những kẻ trung tín có mang dấu của vị thiên sứ kiêm thư ký (câu 3, 4).

**Ðoạn 10**.-- Các chê-ru-bin ở đoạn 1 lại hiện ra, chỉ huy cuộc hủy phá và tàn sát thành Giê-ru-sa-lem.

**Ðoạn 11**.-- Sự hiện thấy về những kẻ phu tù được khôi phục trong tương lai sau khi bị hạ xuống, được tẩy sạch và được chữa khỏi thờ lạy hình tượng (câu 10, 12).

Làm xong sứ mạng rồi, Ê-xê-chi-ên được xe chê-ru-bin chở về nhà ở nơi bị lưu đày, rồi ông thuật lại mọi sự cho các trưởng lão nghe (8:1; 11:25).

**Ðoạn 12 -- Ê-xê-chi-ên dọn đồ đạc trong nhà**

Ðây là một hành động tượng trưng khác để càng nhấn mạnh rằng nhân dân thành Giê-ru-sa-lem sắp bị bắt làm phu tù. Nó chứa một lời tiên tri tỉ mỉ lạ lùng về số phận Sê-đê-kia: Ông bí mật chạy trốn, bị bắt và đem qua Ba-by-lôn mà không thấy chi hết (câu 10, 12, 13). 5 năm sau, việc xảy ra đúng như lời Ê-xê-chi-ên đã nói: Sê-đê-kia toan bí mật thoát thân, nhưng bị bắt, bị móc mắt, và bị đem qua Ba-by-lôn (Giê-rê-mi 52:7-11).

**Ðoạn 13 -- Các tiên tri giả**

Có rất nhiều tiên tri giả tại Giê-ru-sa-lem và ở giữa vòng các phu tù (xem Giê-rê-mi 23 và 29). Chúng đem hy vọng giả dối phỉnh gạt nhân dân, chẳng khác chi xây tường mà chẳng có vữa. "Gối" (câu 18) và "khăn" (câu 21) chắc đã dùng trong một thứ nghi lễ yêu thuật.

**Ðoạn 14 -- Những kẻ cầu hỏi giả hình**

Ðáp lại phái đoàn của những kẻ say mến hình tượng, Ðức Chúa Trời không dùng lời, nhưng Ngài tiêu diệt Y-sơ-ra-ên đang thờ hình tượng một cách mau lẹ và kinh khiếp. Ngài không vì cớ một số ít người trung tín mà dung tha nó nữa. Có lẽ vì cớ Ða-ni-ên (câu 14), nên cho tới lúc nầy, Nê-bu-cát-nết-sa còn dung tha Giê-ru-sa-lem.

**Ðoạn 15 -- Thí dụ về cây nho**

Không thể lấy trái, hoặc lấy gỗ, chỉ dùng làm củi thôi. Cũng một thể ấy, Giê-ru-sa-lem không dùng làm chi được nữa, chỉ để thiêu hủy đi.

**Ðoạn 16 -- Thí dụ về người vợ ngoại tình**

Ðoạn nầy mô tả dân Y-sơ-ra-ên thờ lạy hình tượng rất linh động. Ðây dùng hình bóng một tân phụ được chồng yêu dấu, phong làm hoàng hậu, ban cho lụa là, da hải cẩu và mọi vật tốt đẹp. Nhưng rồi nàng mãi dâm với mỗi người đờn ông đi qua, chẳng những không lấy tiền, song còn trả tiền cho các bạn tình của mình nữa. Thậm chí làm cho Sô-đôm và Sa-ma-ri phải hổ thẹn. hãy chú ý, ngay trong cảnh trạng nầy, vẫn có lời hứa lập giao ước đời đời (câu 60-63).

**Ðoạn 17 -- Thí dụ về hai con chim ưng**

Con chim ưng thứ nhứt là vua Ba-by-lôn. "Nhành non rất cao" (câu 4) là vua Giê-hô-gia-kin đã bị bắt qua Ba-by-lôn (II Các vua 24:11-16) 6 năm trước khi phán thí dụ nầy. "Giống của đất ấy" (câu 5, 13) được đem trồng (câu 5) là Sê-đê-kia (II Các vua 24:17). Còn chim ưng thứ hai (câu 7) là vua Ai-cập mà Sê-đê-kia nương cậy. Vì cớ phản bội, Sê-đê-kia sẽ bị đem qua Ba-by-lôn, bị hình phạt và chết ở đó (câu 13-21). Việc nầy xảy ra 5 năm sau, đúng như Ê-xê-chi-ên đã nói tiên tri từ trước (12:10-16). "Chồi non" (câu 22-24) mà Ðức Chúa Trời trồng về sau, trong nhà vua Ða-vít được khôi phục, đã được ứng nghiệm trong Ðấng Mê-si.

**Ðoạn 18 -- "Linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết"**

Trong các sách tiên tri, dân nói rất nhiều rằng sự lưu đày của họ là do tội lỗi chồng chất của những thế hệ trước. Thế hệ bị lưu đày bỏ qua cái thực sự rằng họ "ăn ở càng xấu hơn tổ phụ mình" (Giê-rê-mi 7:26), và bây giờ cố đổ lỗi cho ông cha. Ðại ý của đoạn nầy là Ðức Chúa Trời phán xét mỗi người tùy theo hành vi riêng của họ; hơn nữa, hạnh kiểm sau chót của một người sẽ định đoạt địa vị thật của người ấy trước mặt Ðức Chúa Trời (câu 21-24). Ðó là một lời thiết tha kêu gọi kẻ ác hãy ăn năn (câu 30-32).

**Ðoạn 19 -- Bản ai ca về ngôi của Ða-vít sụp đổ**

Dùng hình bóng của một sư tử cái. Nhà Ða-vít xưa kia cao đại và hùng cường, bây giờ bị lật đổ. Sư tử con thứ nhứt là Giô-a-cha (Sa-lum) bị bắt qua Ai-cập (II Các vua 23:31-34). Sư tử con thứ hai (câu 5) là Giê-hô-gia-kin hoặc Sê-đê-kia, cả hai đã bị bắt qua Ba-by-lôn (II Các vua 24:8-25:7).

**Ðoạn 20:1-44 -- Nhắc lại dân Y-sơ-ra-ên thờ lạy hình tượng**

Hết thế hệ nầy tới thế hệ khác, họ đã dầm mình trong sự thờ lạy hình tượng dơ bẩn. Hãy chú ý lời tiên tri về sự khôi phục (xem ở dưới đoạn 37).

**Ðoạn 21 -- Bài ca về thanh gươm**

Thanh gươm sắp rút ra khỏi vỏ để đánh Giê-ru-sa-lem và Am-môn. "Phía Nam" (câu 2) là xứ Giu-đa. Nê-bu-cát-nết-sa được hình dung là đang lưỡng lự, không biết nên tiến đánh nơi nào trước, Giê-ru-sa-lem hay là Am-môn (câu 26). Ông đã chọn Giê-ru-sa-lem, và tấn công Am-môn 5 năm sau. "Cho đến chừng nào Ðấng đáng được sẽ đến" (câu 32), nghĩa là sự lật đổ ngôi vua Sê-đê-kia sẽ kết liễu nước của Ða-vít cho đến khi Ðấng Mê-si hiện ra (34:23-24; 37:24; Giê-rê-mi 23:5, 6).

**Ðoạn 22 -- Các tội lỗi của Giê-ru-sa-lem**

Nhiều lần Ê-xê-chi-ên kê khai rõ ràng các tội lỗi của Giê-ru-sa-lem: Tự làm ô uế bởi hình tượng, đổ huyết, ăn nuốt linh hồn, ức hiếp trẻ mồ côi cha và đờn bà góa, khinh cha mẹ, phạm ngày yên nghỉ, cho vay nặng lãi (lời), vu cáo. trộm cắp, tà dâm hỗn loạn; còn các quan trưởng, thầy tế lễ và tiên tri thì ví như muông sói, tham lam, lợi lộc, bất nghĩa.

**Ðoạn 23 -- Ô-hô-la và Ô-hô-li-ba**

Hai chị em dâm đãng không hề chán. Ðây là một thí dụ về tội thờ hình tượng của dân Y-sơ-ra-ên. Ô-hô-la là Sa-ma-ri, còn Ô-hô-li-ba là Giê-ru-sa-lem. Cả hai đã phạm tội tà dâm cho tới lúc già nua. Cả hai bị tiêu diệt bởi các tình nhơn bất chánh của chúng. Nhiều lần tình vợ chồng được dùng để diễn tả mối liên quan giữa Ðức Chúa Trời và dân Ngài (xem ở dưới đoạn 16). Tội ngoại tình hỗn loạn chắc đã lan tràn rất rộng (16:32; 18:6, 11, 15; 22:11; 23:43; Giê-rê-mi 5:7, 8; 7:9; 9:2; 23:10, 14; 29:23).

**Ðoạn 24 -- Cái nồi sôi sục sục**

Tượng trưng cho sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem nay đã gần rồi. Thịt lấy từ trong nồi đang sôi ra chỉ về các phu tù. Ten rét dính trên nồi chỉ về sự đổ máu và việc vô đạo ở trong thành. Nồi trống rỗng lại đặt trên lửa chỉ về thành bị đốt cháy.

Vợ Ê-xê-chi-ên qua đời (câu 15-24). Việc nầy xảy ra đúng ngày Giê-ru-sa-lem bắt đầu bị vây hãm (câu 1, 18; II Các vua 25:1). Ðó là một dấu hiệu xé lòng đoàn phu tù, tỏ ra rằng thành Giê-ru-sa-lem yêu dấu của họ, là sự kiêu hãnh và vinh quang của nước họ, bấy giờ bị cất đi khỏi họ. Ðó là một điều mà họ không tin rằng có thể xảy ra. Ê-xê-chi-ên bắt buộc phải im lặng cho tới ba năm sau, khi được tin thành ấy đã bị thiêu hủy (câu 27; 33:21, 22).

**Ðoạn 25 -- Am-môn, Mô-áp, Ê-đôm, Phi-li-tin**

Bốn nước nầy là láng giềng gần nhứt của nước Giu-đa ở các phía Ðông, Nam và Tây. Ấy là các nước thù nghịch, lấy làm khoái trá khi nước Giu-đa bị quân Ba-by-lôn tàn diệt. Ở đây, Ê-xê-chi-ên dự ngôn cho chúng cùng một số phận như vậy, y như Giê-rê-mi đã dự ngôn (Giê-rê-mi 27:1-7). Nê-bu-cát-nết-sa khắc phục người Phi-li-tin khi chiếm lấy nước Giu-đa, và bốn năm sau, đã xâm lăng Am-môn, Mô-áp và Ê-đôm.

**Ðoạn 26, 27, 28 -- Thành Ty-rơ, các sự hiện thấy trong năm 586 T.C.**

Những sự hiện thấy về số phận thành Ty-rơ nầy đã được ban cho Ê-xê-chi-ên cùng một năm thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ, nghĩa là năm thứ 11 (26:1). Không có ghi tháng, nhưng là sau khi Giê-ru-sa-lem "trở nên hoang vu" (26:2), nhằm tháng 4 (Giê- rê-mi 52:5, 6) và đang khi thành Ty-rơ chưa bị Nê-bu-cát-nết-sa tiến đánh (26:7 -- "sẽ đem").

**Ðoạn 26**.-- Một lời tiên tri về thành Ty-rơ bị Nê-bu-cát-nết-sa vây hãm và bị hoang vu vĩnh viễn. Năm sau (585 T.C.), Nê-bu-cát-nết-sa vây hãm Ty-rơ. Ông mất 13 năm mới chiếm được thành nầy (585-573 T.C.).

Ty-rơ ở cách Na-xa-rét 60 dặm về phía Tây bắc, thật ra là hai thành, một ở trên hòn đảo, còn một ở trên đại lục, trong một đồng bằng phì nhiêu và có nhiều sông ngòi, ở chơn phía Tây của dãy núi Li-ban, cách cửa sông *Leontes* 5 dặm về phía Nam. Ty-rơ là một cường quốc hàng hải của thế giới thượng cổ, lên tới tuyệt điểm từ thế kỷ thứ 12 đến thế kỷ thứ 6 T.C.; nó có thuộc địa ở duyên hải Bắc, Tây Phi-châu, ở Tây-ban- nha, ở Anh quốc, và kiểm soát nền thương mại Ðịa-trung-hải; hàng hóa của mọi nước đi qua hải cảng của nó. Thành nầy nổi tiếng vì sự huy hoàng và giàu có kinh khủng. Vì bị Nê-bu-cát-nết-sa khắc phục, nó không còn là một cường quốc độc lập nữa. Về sau, nó bị khắc phục bởi quân Ba-tư, rồi bởi A-lịch-sơn đại đế (năm 332 T.C.). Vua nầy đã chiếm nó bằng cách đắp một con đê rộng nửa dặm, từ đại lục tới hòn đảo. Nó không hề khôi phục được vinh quang thời xưa, và trải bao nhiêu thế kỷ, chỉ còn là "vầng đá sạch láng,... làm một chỗ người ta phơi lưới" (26:4, 5, 14). Lạ lùng thay, đã ứng nghiệm lời tiên tri của Ê-xê-chi-ên rằng nó "không có dân ở nữa" (26:14, 20; 27:36; 28:29)!

**Ðoạn 27**.-- Ty-rơ, nữ chúa Ðịa-trung-hải, được mô tả bằng hình bóng một chiếc tàu oai hùng, đẹp đẽ vô song, chở hàng hóa và bửu vật của các nước, nhưng sắp chìm.

**Ðoạn 28:1-19**.-- Lật đổ vua kiêu hãnh của thành Ty-rơ; ngự ngai trên hòn đảo không ai tới gần và chiếm được, vua nầy vẫn chế giễu mọi sự hăm dọa cảnh an ninh của mình.

**Ðoạn 28:20-24**.-- Lật đổ thành Si-đôn, ở cách Ty-rơ 20 dặm về phía Bắc. Nó bị Nê- bu-cát-nết-sa chiếm cùng một lúc với thành Ty-rơ.

**Ðoạn 28: 25-26.**-- Nước Y-sơ-ra-ên được khôi phục sau khi các nước lân cận nghịch thù nó đã biến mất.

**Ðoạn 29, 30, 31, 32** **-- Ai-cập, sáu sự hiện thấy**

Dự ngôn Nê-bu-cát-nết-sa sẽ xâm lăng Ai-cập, và Ai-cập sẽ trở thành một nước kém cỏi suốt cả tương lai.

Nê-bu-cát-nết-sa xâm lăng và cướp phá Ai-cập năm 572 và 568 T.C.. Ai-cập không bao giờ khôi phục được vinh quang thời xưa, và từ đó đến nay, chỉ đóng một vai thấp kém trong lịch sử thế giới. Thật đã ứng nghiệm lời Ê-xê-chi-ên nói tiên tri rằng nó "sẽ là một nước yếu hèn hơn hết các nước" (29:15).

**29:1-16.**-- Tháng giêng dương lịch, năm 586 T.C.. 6 tháng trước khi Giê-ru-sa-lem sụp đổ. 15 năm trước khi Nê-bu-cát-nết-sa xâm lăng Ai-cập. Trong sự hiện thấy nầy, Ai-cập được hình dung là một con cá sấu, cũng như Ty-rơ đã được hình dung là một chiếc tàu ở đoạn 27. Con cá sấu, vua sông Ni-lơ, là một thần của Ai-cập. "40 năm" Ai-cập làm phu tù và bị hoang vu (câu 11, 12). Ấy là gần 40 năm, từ lúc Nê-bu-cát-nết-sa khắc phục Ai-cập cho tới khi đế quốc Ba-tư dấy lên (536 T.C.) và cho phép mọi dân bị bắt làm phu tù được trở về cố hương.

**29:17-30:19**.-- Tháng tư dương lịch, năm 570 T.C.; 16 năm sau khi thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ.

Sự hiện thấy nầy được ban cho Ê-xê-chi-ên lâu năm sau 5 sự hiện thấy kia và gần lúc Nê-bu-cát-nết-sa tiến vào Ai-cập; nhưng nó được đặt vào đây cho vấn đề được thống nhứt. "Chưa được tiền công nào... cho đạo binh mình" (29:18). Nê-bu-cát-nết-sa, tôi tớ mà Ðức Chúa Trời dùng để hình phạt các dân, đã vây hãm thành Ty-rơ suốt 13 năm (585-573 T.C.). So với thời gian vây hãm, thì chiến lợi phẩm đã làm cho họ thất vọng, vì rất nhiều người dân đã đem của cải trốn mất. Nhưng bây giờ tại Ai-cập, ông sẽ được đền bù (câu 20). "Trong đất Ê-díp-tô sẽ không có vua nữa" (30:13), nghĩa là không có người bổn xứ cầm quyền cai trị quan trọng.

**Ðoạn 30:20-26**.-- Tháng 4 dương lịch năm 586 T.C., 3 tháng trước khi thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ. "Ðã bẻ" (câu 21) có lẽ chỉ về đạo quân của Pha-ra-ôn bị thất trận (Giê-rê-mi 37:5-9).

**Ðoạn 31**.-- Tháng 6 dương lịch, năm 586 T.C.. 1 tháng trước khi thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ. Ai-cập được cảnh cáo hãy chú ý đến số phận của A-si-ri, vốn hùng cường hơn Ai-cập, nhưng đã suy vong vì tay quân Ba-by-lôn.

**Ðoạn 32:1-16**.-- Tháng 3 dương lịch, năm 584 T.C.. 1 năm, 8 tháng trước khi Giê-ru-sa-lem sụp đổ. Một bức tranh mô tả Ai-cập và các đồng bạn của nó ở cõi chết.

**Ðoạn 33:1-20 -- Sự công bình của Ðức Chúa Trời**

Lặp lại và thêm vào ý tưởng đã giải tỏ ở 3:17-21 và 18:5-29.

**Ðoạn 33:21-33 -- Hay tin thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ**

Một năm rưỡi sau khi thành nầy sụp đổ (xem niên biểu ở dưới 1:1-3). Ê-xê-chi-ên đã im lặng từ ngày cuộc vây hãm bắt đầu, tức là một khoảng 3 năm (24:1, 26, 27; 33:22). Những sự hiện thấy từ đoạn 26 đến đoạn 31 (mà phần nhiều đã được ban cho ông trong khoảng 3 năm nầy và đều nghịch cùng Ty-rơ và Ai-cập), chắc đã được viết ra, chớ không phải nói ra. sau khi nhận được tin ấy, lời nói đầu tiên của Ê-xê-chi-ên là số ít người gian ác còn sót lại tại nước Giu-đa sẽ bị tuyệt diệt (câu 23-29). 5 năm sau, Nê-bu-cát-nết-sa bắt thêm 745 phu tù (Giê-rê-mi 52:30).

Rồi tới một lời chú thích rằng Ê-xê-chi-ên được đoàn phu tù quí chuộng (câu 30-33), vì lời giảng của ông hấp dẫn họ; nhưng họ vẫn chẳng ăn năn.

**Ðoạn 34 -- Một lời tố cáo những kẻ chăn dân Y-sơ-ra-ên**

Ðây trực tiếp đổ trách nhiệm về dân Y-sơ-ra-ên bị lưu đày cho các vua và thầy tế lễ tham lam, tàn ác, đã đục khoét dân chúng cùng làm cho họ lầm lạc. Ðối với bối cảnh, Ê-xê-chi-ên được sự hiện thấy về Ðấng chăn dân Ðức Chúa Trời trong tương lai, tức là Ðấng Mê-si hầu đến, phát xuất từ Ða-vít (câu 15, 23, 24). Dưới sự chăn dắt của Ngài, họ sẽ không bao giờ phải đau khổ nữa, và sẽ có "cơn mưa của phước lành" (câu 26).

**Ðoạn 35 -- Số phận của Ê-đôm**

Nhân dân Giu-đa và Y-sơ-ra-ên lúc nầy đã bị bắt đi, người Ê-đôm bèn nghĩ rằng đây là một cơ hội để chiếm lấy xứ sở của họ (câu 10; 36:2, 5). Nhưng 3 năm sau, Ê-đôm cũng chung số phận. Xem dưới sách Áp-đia.

**Ðoạn 36 -- Ðất Y-sơ-ra-ên sẽ lại có người ở**

Dầu lúc nầy nó hoang vu, nhưng một ngày kia, sẽ nên giống như vườn Ê-đen (câu 35), có người Giu-đa và người Y-sơ-ra-ên ở đông đúc (câu 10, 31). Ấy không phải vì cớ họ, nhưng để Danh Ðức Chúa Trời được vinh hiển (câu 23, 32).

**Ðoạn 37 -- Sự hiện thấy về hài cốt**

Ðây là lời dự ngôn về sự phục sanh quốc gia của dân Y-sơ-ra-ên đang bị tản lạc, về họ trở lại cố hương, về Giu-đa và Y-sơ-ra-ên sẽ lại thống nhất dưới đời trị vì của một Vua vĩnh viễn, gọi là "Ða-vít" (câu 24-26). Ðây là lời tiên tri rõ ràng rằng dân Giu-đa sẽ hối cải, quay về với Ðấng Christ, như Phao-lô đã nói tiên tri ở Rô-ma 11:15, 25, 26.

Sự hiện thấy liên quan đến "cả nhà Y-sơ-ra-ên" (câu 11-22), cả Giu-đa và Y-sơ-ra- ên. Sách E-xơ-ra và sách Nê-hê-mi thuật lại các phu tù Giu-đa hồi hương, nhưng không nói chi hết đến các phu tù Y-sơ-ra-ên hồi hương. Tuy nhiên, những người hồi hương đều gọi là "Y-sơ-ra-ên: (E-xơ-ra 9:1; 10:5; Nê-hê-mi 9:2; 11:3). Ông *Geikie* nói rằng phần dân Y-sơ-ra-ên còn sót đã từ A-si-ri trở về và định cư tại xứ Ga-li-lê. Nhưng ta không thể nói rằng trong lịch sử quá khứ có gì làm ứng nghiệm lời tiên tri nầy tới một mức vừa phải. Sự ứng nghiệm còn ở tương lai.

Người ta không đồng ý kiến về điểm nầy: Phải giải thích những lời nầy đúng nghĩa đen và ứng dụng cho dân Do-thái tới mức nào, và phần nào có thể làm "hình bóng" cho giao ước Ðấng Christ về đại cương (câu 26-28). Không phải luôn luôn dễ phân biệt rõ ràng cái gì phải hiểu theo nghĩa đen và cái gì phải hiểu theo nghĩa bóng. Thí dụ, cuộc đại chiến của Gót và Ma-gót ở đoạn 38, 39, sẽ xảy ra sau nầy, thì dường như không thể đánh thực sự bằng "những cung và tên, những giáo và sào" (39:9). "Ða-vít" (37:24) không phải thật là Ða-vít, mà là Ðấng Mê-si. Danh từ "Y-sơ-ra-ên" trong Tân Ước dầu thường dùng cho người Do-thái, song thỉnh thoảng cũng áp dụng cho tín đồ Ðấng Christ (Ga-la-ti 6:16), và cũng có tỏ ra rằng người dân ngoại được bao hàm trong ý nghĩa ấy (Ga-la-ti 3:7-9, 29; Rô-ma 2:28-29; 4:13-16; Phi-líp 3:3). Như vậy, sự hiện thấy về xứ sở lại có dân ở, về quốc gia được phục hưng và vinh quang nầy dầu có nghĩa đen rõ rệt là thích ứng lắm, song theo một phương diện, cũng có thể là bức tranh tượng trưng cho trái đất được đổi mới; ấy cũng như sách Khải Huyền dùng một thành đẹp đẽ trên đất làm hình bóng mô tả Thiên đàng vậy (Khải Huyền 21). các lời tiên tri trong Kinh Thánh về tương lai thường được mô tả bằng những danh từ thông dụng đương lúc ấy. Chúng tôi nghĩ trong những khúc sách giống như khúc sách nầy, có cả nghĩa đen và nghĩa bóng; ấy cũng như những sách Ma-thi-ơ, đoạn 24, một vài lời của Ðức Chúa Jêsus dường như chỉ về cả sự phá hủy thành Giê-ru-sa-lem và lúc tận thế, biến cố nầy làm hình bóng cho biến cố kia.

Ðấng Mê-si là trung tâm các sự hiện thấy của Ê-xê-chi-ên về tương lai dân Y-sơ-ra- ên. Ông gọi Ngài là "Vua" (34:23, 24; 37:24, 25; 44:3; 45:7; 46:16, 17, 18; 48:21).

**Ðoạn 38, 39 -- Gót và Ma-gốc**

Gót là vua của xứ Ma-gốc. Ờ Sáng thế ký 10:2, Ma-gốc, Mê-siếc, Tu-banh và Gô- me được kê khai là con của Gia-phết, và đã sáng lập nhóm quốc gia ở phương Bắc. Ở Ê-xê-chi-ên 27:13, Mê-siếc và Tu-banh được ghi là kẻ bán tôi mọi cho thành Ty- rơ; và đoạn 32:26 ghi chúng là những dân chuyên làm giặc cướp thời xưa. Có người tưởng rằng Rô-sơ nghĩa là nước Nga; người khác lại cho là không biết đúng chỉ về ai. Có người tưởng rằng Mê-siếc nghĩa là Mạc-tư-khoa (thủ đô nước Nga), hoặc *Moscovie*, một tên của nước Nga thời xưa, hoặc một dân tộc gọi là *Moschi* mà các bi văn A-si-ri có ghi là ở miền núi *Caucase*. Lại có người cho rằng Tu-banh là *Tobolsk*, một đô thị ở Tây-bá-lợi-á, hoặc một dân tộc gọi là *Tibareni*, ở bờ Ðông-nam của Hắc-hải. Có người cho rằng Gô-me là dân *Cimmériens* từ phương Bắc tràn vào miền núi *Caucase* đương thời đế quốc A-si-ri và chiếm nhiều nơi thuộc Tiểu-Á-tế-á, nhưng rồi bị đánh lui. Còn Tô-ga-ma thì người ta cho là xứ Ac-mê-ni [Sách Khải Huyền dùng chữ "Ma-gót."]. Bất cứ các dân tộc nầy thật là ai, Ê-xê-chi-ên cũng nói rằng họ "ở phía cực Bắc" (38:6, 15; 39:2), và ta biết khá chắc chắn rằng ông có ý nói đến những dân tộc ở bên kia dãy núi *Caucase*. Nhìn qua bản đồ, ta cũng thấy rõ rằng trong trí óc ông nghĩ đến phần thế giới ngày nay gọi là nước Nga. Các dân tộc nầy vốn dã man, và trong cổ văn, họ được gọi chung là người Sy-the (Cô-lô-se 3:11). Vào khoảng Ê-xê-chi-ên sanh ra, miền Tây-nam Á-châu bị những đoàn quân Sy-the đông đảo từ phương Bắc tràn vào và khủng bố (xem "Cuộc xâm lăng của người Sy-the" ở dưới Giê-rê-mi 4). Những đồng bạn cao tuổi hơn Ê-xê-chi-ên còn nhớ rõ những nỗi khủng khiếp do chúng gây nên.

Trong hai đoạn nầy, Ê-xê-chi-ên dự ngôn một cuộc xâm lăng khác của người Sy-the, hung bạo hơn bội phần: Chúng liên minh với các dân tộc ở Ðông-phương (38:5) mà tràn vào Ðất Thánh, đánh dân Y-sơ-ra-ên mới được khôi phục. Biến cố nầy xảy ra "trong những năm sau rốt" (38:8), hình như đương thời kỳ của Ðấng Mê-si. Nhờ Ðức Chúa Trời giúp đỡ dân Ngài, chúng sẽ bị thảm bại đến nỗi khí giới của chúng đủ dùng làm củi trong 7 năm (39:9), và phải mất 7 tháng mới chôn hết tử thi của chúng (39:14).

Có người giải thích lời dự ngôn nầy theo nghĩa đen là cuộc tấn công hùng hậu cuối cùng của các dân ngoại vào dân Do-thái, trong thời kỳ sau rốt. Người khác lại cho đó là hình bóng tiên tri về sự đắc thắng cuối cùng của Nước Ðức Chúa Trời trên các lực lượng của tội ác.

Trong sách Khải Huyền, những chữ "Gót" và "Ma-gốc"[[1]](#footnote-1)(1) dùng để chỉ về mọi nước dự phần cuộc tấn công hung hăng cuối cùng của quỉ Sa-tan vào dân Ðức Chúa Trời (Khải Huyền 20:7-10).

**Ðoạn 40 đến 48 -- Ðền thờ được xây lại**

Tháng 4 dương lịch, năm 572 T.C.. Vào khoảng Lễ Vượt Qua. 14 năm sau khi thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ. Ê-xê-chi-ên trở về thăm Giê-ru-sa-lem lần thứ hai trong sự hiện thấy; lần thứ nhứt xảy ra 19 năm trước (8:1-13), để thi hành sứ mạng tuyên án hủy diệt thành ấy. Lần nầy cốt để chỉ rõ sự trùng tu Giê-ru-sa-lem, phần lớn xác định các chi tiết của Ðền thờ.

Sự hiện thấy nầy chẳng được ứng nghiệm khi dân Do-thái từ Ba-by-lôn trở về cố hương. Rõ ràng lắm, nó dự ngôn về thời kỳ Ðấng Mê-si.

Có người giải thích sự hiện thấy nầy theo nghĩa đen rằng: Một ngày kia, 12 chi phái lại sẽ ở trong xứ, sẽ được phân chia xứ đúng như có tỏ đây, và Ðền thờ sẽ được xây cất lại đúng như mọi đặc điểm minh xác đây, cũng sẽ có dâng thú vật làm của lễ thật. Họ gọi Ðền thờ nầy là "Ðền thờ của thời kỳ 1000 năm hòa bình."

Người khác lại giải thích theo nghĩa bóng, cho là một tỉ dụ nói trước về cả kỷ nguyên đạo Ðấng Christ, dưới hình bóng một quốc gia được phục sanh, trùng hưng và vinh hiển.

Dầu có nhiều sự đổi khác, nhưng về đại thể, Ðền thờ trong sự hiện thấy của Ê-xê- chi-ên, với những hành lang, cách sắp đặt và bày biện, theo đúng kiểu mẫu tổng quát của Ðền thờ do Sa-lô-môn xây cất.

Ðức Chúa Trời "sẽ ở đời đời" trong Ðền thờ nầy (43:7). Lời lẽ nầy hầu như không thể xác định là một Ðền thờ thật bằng vật chất. Nó chắc phải chỉ bóng về một cái gì, vì trong sách Giăng 4:21-24, Ðức Chúa Jêsus đã bãi bỏ sự thờ phượng trong Ðền thờ, và ở trên trời, sẽ chẳng có Ðền thờ (Khải Huyền 21:22).

Các của lễ (45:9-46:24). ta tự hỏi tại sao phải có các của lễ dưới đời trị vì của "Vua"? Thơ Hê-bơ-rơ tuyên bố rõ rằng các của lễ ấy đã được ứng nghiệm và bị bãi bỏ bởi sự chết của Ðấng Christ một lần đủ cả. Những người nghĩ Ðền thờ nầy thật là một "Ðền thờ của thời kỳ 1000 năm hòa bình" thì cho rằng dân Do-thái sẽ cứ dâng các sanh tế nầy trong khi chưa hối cải, hoặc các của lễ cốt để kỷ niệm sự chết của Ðấng Christ.

Dòng sông ban sự sống (47:1-12). Ðây là một trong những khúc vĩ đại nhứt của sách Ê-xê-chi-ên. Giô-ên và Xa-cha-ri cũng nói đến giòng sông nầy (Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 14:8). Dường như đây mô tả "sông nước sự sống" ở Thiên đàng (Khải Huyền 22:1-2). Bất cứ dòng nước nầy có thể ứng dụng theo nghĩa bóng hoặc nghĩa đen thể nào, nhưng về đại cương, không cần phải gò bó chút chi, ta chắc cũng có thể coi nó là một bức tranh kỳ diệu mô tả các ảnh hưởng tốt lành của Ðấng Christ phát xuất từ Giê-ru-sa-lem, thành một dòng sông càng ngày càng sâu rộng, lan ra khắp thế giới, ban phước cho muôn dân bởi hiệu lực truyền sự sống, mãi tới đời đời vô cùng trên Thiên đàng.

|  |  |
| --- | --- |
| Cửa phía Ðông của Ðền thờ phải đóng luôn, chỉ mở cho Vua mà thôi (44:1-3). | Ðan  A-se |
| Khu thánh dành cho Thành, Ðền thờ, có thầy tế lễ và người Lê-vi, sẽ ở gần trung tâm của xứ và tứ phía có đất đai của Vua (45:1-8). | Nép-ta-li  Ma-na-se  Ép-ra-im  Ru-bên  Giu-đa |
| Biên giới của xứ và vị trí của các chi phái (47:13-48:29). Xứ không rộng lớn bằng nước của Ða-vít. Về đại cương, nó là phần nửa phía Nam của bờ phía Ðông Ðịa-trung-hải, chừng 40 dặm từ Bắc tới Nam, và đổ đồng chừng 100 dặm từ Ðông tới Tây. Các chi phái không được sắp đặt như hồi nguyên thủy, nhưng như có tỏ ra ở đây. | Ðền thờ  Vua Vua  Thành  Bên-gia-min  Si-mê-ôn  Y-sa-ca  Sa-bu-lôn  Gát |
| Thành 48:30-35) rộng chừng 20 cây số vuông. Một phần giống như thành Giê-ru-sa- lem mới (Khải Huyền 21). Ðây là nơi ở của Ðức Chúa Trời (câu 35). |  |

[[2]](#footnote-2)(1) Sách Khải Huyền dùng chữ "Ma-gót."

Ða-ni-ên

**Người Hê-bơ-rơ làm chánh khách và tiên tri tại Ba-by-lôn.**

**Từ lúc còn thiếu niên, Ða-ni-ên đã bị đem qua Ba-by-lôn, và sống tại đó suốt cả thời kỳ lưu đày; nhiều lúc ông giữ địa vị rất cao trong đế quốc Ba-by-lôn và đế quốc Ba-tư.**

**Thành Ba-by-lôn**

Ba-by-lôn, nơi Ða-ni-ên thi hành chức vụ, là thành phố kỳ quan của thế giới thời xưa. Vị trí của Ba-by-lôn ở nơi loài người phát tích, gần khu vực của vườn Ê-đen, và được kiến thiết chung quanh tháp Ba-bên. Nó là thủ đô đầu tiên của đế quốc; là nơi ở của các vua Ba-by-lôn, A-si-ri, Ba-tư và của cả A-lịch-sơn đại đế nữa; là một đô thị danh tiếng suốt cả thời kỳ trước đạo Ðấng Christ. Ba-by-lôn lên tới tuyệt điểm hùng cường và vinh quang đương thời **Ða-ni-ên**, bởi tay Nê-bu-cát-nết-sa, là bạn của Ða-ni-ên. Suốt 40 năm trị vì, Nê-bu-cát-nết-sa không ngừng xây cất và tô điểm các cung điện và đền miễu tại Ba-by-lôn.

**Diện tích thành Ba-by-lôn**.-- Các sử gia thời xưa nói rằng châu vi vách thành nầy là 60 dặm, mỗi bề 15 dặm, cao gần 100 thước tây, dày hơn 25 thước, và sâu xuống đất gần 12 thước, hầu cho quân thù không đào ở dưới được. Vách thành xây bằng gạch chừng 1000 phân vuông, và dày từ 7 đến 10 phân; suốt chung quanh, có khoảng trống 1/4 dặm giữa thành và vách thành; vách thành được che chở bằng những đường mương (kinh đào) sâu, rộng, đổ đầy nước. Trên vách thành có 250 tháp canh, những phòng cho lính gác, và 100 cổng thành bằng đồng. Thành có sông Ơ-phơ-rát chảy qua, chia làm hai phần đều nhau. Suốt dọc hai bờ sông, có vách gạch phòng vệ, với 25 cổng nối liền các đường phố và đò ngang. Có một chiếc cầu xây trên trụ đá, dài nửa dặm, rộng gần 10 thước tây, có cầu rút, ban đêm cất đi. Dưới sông có một đường hầm, rộng chừng 5 thước tây và cao chừng 4 thước. Những cuộc đào bới trong mấy năm gần đây đã chứng minh phần lớn ký văn dường như thần thoại của các sử gia thời xưa.

**Ðền đồ sộ thờ Marduk** *(Bel)* tiếp giáp tháp Ba-by-lôn (Ba-bên?), và là đền thờ có danh tiếng hơn hết suốt cả thung lũng Ơ-phơ-rát. Trong đó có tượng thần Bel bằng vàng và một cái bàn bằng vàng, cả hai cân nặng không dưới 50.000 cân Anh (chừng 22.650 kí-lô). Trên nóc cũng có tượng thần *Bel* và thần *Ishtar* bằng vàng, 2 con sư tử bằng vàng, một cái bàn bằng vàng dài chừng 13 thước tây và rộng chừng 5 thước tây, một cái hình người bằng vàng đặc, cao gần 6 thước tây. Quả thật, Ba-by-lôn là kinh thành có rất nhiều vàng. Thành nầy rất sùng đạo: Nó có 53 ngôi đền và 180 bàn thờ thần *Ishtar*.

Có lẽ "tượng bằng vàng" đã được dựng lên tại đồng bằng ở giữa tháp Ba-by-lôn và cung điện của Nê-bu-cát-nết-sa.

Cung điện của Nê-bu-cát-nết-sa mà Ða-ni-ên thường ra vào, là một trong những công trình kiến trúc đẹp đẽ nhứt từng có trên mặt đất. Năm 1899-1912, ông *Koldeway* khám phá được di tích rộng lớn của cung điện nầy. Vách phía Nam của điện vua ngự triều dày hơn 6 thước tây. Phía Bắc của cung điện có 3 bức tường phòng vệ. Ngay phía Bắc 3 bức tường nầy lại có những bức tường dày hơn 16 thước tây. Xa hơn chút nữa, lại có những bức tường đồ sộ. Và chừng một dặm nữa là vách lũy phía trong của thành, gồm hai bức tường chạy song song, xây bằng gạch, mỗi bức dày hơn 6 thước rưỡi, cách nhau hơn 13 thước tây, khoảng giữa đổ đầy gạch vụn; tổng cộng bề dày là 26 thước và phía ngoài có đường mương (con kinh) vừa sâu, vừa rộng. Xa hơn nữa là vách lũy phía ngoài, cũng xây cất theo cách đó. Trong những ngày tranh chiến thời xưa, thành Ba-by-lôn quả là không sao chiếm được.

**Vườn treo** của Ba-by-lôn là một trong 7 kỳ quan của thế giới thời xưa, do Nê-bu-cát-nết-sa xây dựng cho hoàng hậu, người Mê-đi, con gái kiều diễm của *Cyaxeres* (tiếng Pháp là: *Cyaxare*), đã giúp cha của ông chiếm thành Ni-ni-ve. Vườn nầy ở trên nhiều hàng khung vòm, hàng nọ chồng lên hàng kia, và mỗi hàng đỡ một cái sân mặt phẳng đúc đặc. Mỗi sân chiếm chừng 36 thước vuông. Sân và nóc có hoa, cây nhỏ, cây lớn bao phủ. Trên nóc có hồ chứa nước tưới, do máy bơm thủy áp từ dưới sông đưa lên đó. Bên dưới, trong những khung vòm, có nhiều căn phòng hoa lệ, là nơi tiêu khiển của cung điện. Vườn Treo xây cất đang khi Ða-ni-ên cai quản các bác sĩ Ba-by-lôn. Ông *Koldeway* phát giác được các khung vòm ở góc Ðông-bắc của cung điện, và ông cho đó là Vườn Treo.

**Ðường rước kiệu**, là con đường lớn và thánh của nhà vua, bắt đầu ở phía Bắc, lần lần lên cao, chạy vào khu cung điện ở góc Ðông-bắc, qua cổng *Ishtar*, lên trung tâm của thành, và lần lần xuống thấp tới góc Ðông-nam của tháp Ba-by-lôn, tại đó nó xây thẳng ra phía Tây, tới cầu bắc trên sông cái. Ở hai bên có những bức tường phòng thủ kiên cố, dày hơn 6 thước rưỡi, tô điểm bằng những hình sư tử chạm nổi, có nhiều màu chói lọi và bóng láng. Ðường lát bằng đá phiến 30 tấc vuông. Gần lối vào cung điện, các phiến đá vẫn còn nguyên chỗ cũ, y như Ða-ni-ên bước chơn trên đó.

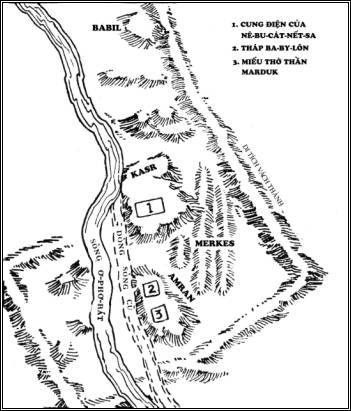
\* \* \*

**Thành Ba-by-lôn 2**

**Dự ngôn sự hủy phá**.-- "Ba-by-lôn, là sự vinh hiển các nước, sự hoa mỹ của lòng kiêu ngạo người Canh-đê, sẽ giống như Sô-đôm và Gô-mô-rơ mà Ðức Chúa Trời đã lật đổ. Nó sẽ chẳng hề có người ở nữa, trải đời nọ sang đời kia không ai ở đó... Những thú rừng nơi sa mạc sẽ cùng chó rừng làm ổ tại đó... Nhà cửa đầy những chim cú... Sài lang sủa trong cung điện, chó rừng tru trong đền đài vui sướng... Chúng nó sẽ ngủ một giấc đời đời và không tỉnh thức nữa (Ê-sai 13:17-22; Giê-rê-mi 51:37-43, 57).

Suốt thời kỳ đế quốc Ba-tư, Ba-by-lôn vẫn còn là một đô thị quan trọng. A-lịch-sơn đại đế muốn khôi phục vinh quang của nó, nhưng kế hoạch nầy không thành vì ông đã sớm băng hà. Sau ông, nó đã suy vi. Ðương thời Ðấng Christ, nó mất ngôi bá chủ chánh trị và thương mại; nhằm thế kỷ thứ nhứt S.C.; phần lớn nó đã thành đống hoang tàn. Gạch của nó dùng để kiến thiết thành phố *Bagdad* và sửa chữa các kinh đào. Trải qua nhiều thế kỷ, nó chỉ là một đám gò nỗng hoang vu, một nơi ở của thú vật chuyên sống trong sa mạc. Lời tiên tri đã ứng nghiệm lạ lùng; Ba-by-lôn vẫn chẳng có người ở, trừ ra một làng ở góc Tây-nam.

**Di tích.--** Các gò nỗng ngày nay là di tích của những lâu đài đồ sộ đã chiếm khu trung tâm của Ba-by-lôn. Phần nhiều ở phía Ðông của sông cái, và chiếm một khu dài 3 dặm rưỡi, rộng 3 dặm. Ba gò nỗng chính mà ta nhận thấy trên bản đồ là: *Babil* ở phía Bắc, *Kasr* ở giữa, và *Amran* ở phía Nam. *Babil* là pháo lũy chống giữ lối vào thành ở phía Bắc; lối vào nầy cách *Babil* và *Kasr* chừng một dặm rưỡi. *Kasr* chừng nửa dặm vuông, cao chừng 23 thước tây, và gồm di tích cung điện của Nê-bu-cát-nết-sa. *Amran* cách *Kasr* nửa dặm về phía Nam, cũng rộng và cao như vậy, chứa di tích của miễu thờ thần *Marduk (Bel).* Trên đồng bằng ở góc phía Bắc của gò nỗng *Amran* có di tích tháp Ba-by-lôn đồ sộ mà người ta thường cho là tháp Ba-bên. Những gò nỗng thấp ở giữa *Kasr* và *Amran*, hơi hướng về phía Ðông, mang tên *Merkes*, vốn là khu thương mại và cư trú của thành Ba-by-lôn.



Bản đồ số 43 -- Di tích thành Ba-by-lôn

Nhìn vào đống hoang tàn, ta khó nhận thấy rằng đây là vị trí của Ba-by-lôn vĩ đại thuở xưa, là thành hoa lệ, hoang phí và tội ác quá mức tưởng tượng, vô song trong lịch sử thế giới, mà nay chỉ là một cảnh tượng hoàn toàn hoang vu và tàn diệt.

**Các cuộc đào bới** do ông *Rich* bắt đầu năm 1811 S.C., rồi cứ tiếp tục bởi *Layard* (1850), *Oppert* (1854) và *Rassam* (1878-1889). Nhưng công việc hoàn hảo nhứt đã do một phái đoàn Ðức, dưới quyền điều khiển của *Robert Koldeway* (1899-1912).

**Ðế quốc Ba-by-lôn**

Ðương thời Ða-ni-ên, Ba-by-lôn chẳng những là đô thị bậc nhứt của thế giới trước kỷ nguyên Ðấng Christ, song còn là thủ phủ của đế quốc hùng mạnh nhứt chưa từng có tới ngày đó. Ðế quốc nầy tồn tại được 70 năm. Ða-ni-ên ở đó từ lúc nó dấy lên cho tới lúc nó suy vong.

Ða-ni-ên đã sống dưới đời trị vì của các vua sau đây: *Nabopolassar* (625-604 T.C.); Nê-bu-cát-nết-sa (604-561 T.C.); Ê-vinh-mê-rô-đác (561-560 T.C. -- xem II Các vua 25:27); *Neriglissar* (559-556 T.C.); *Labash-marduk* (556 T.C.); *Nabonidas* (555-436 T.C.); con trai ông nầy là Bên-xát-sa, đồng trị với ông trong những năm cuối cùng của đời ông trị vì.

Như vậy, Ða-ni-ên sống tại Ba-by-lôn từ năm thứ nhứt của Nê-bu-cát-nết-sa, trải qua đời trị vì của 5 vua kế tiếp, trải qua lúc đế quốc Ba-by-lôn sụp đổ, đến đế quốc Ba-tư, trải qua đời trị vì của Ða-ri-út, người Mê-đi, mãi tới năm thứ ba của Si-ru, người Ba-tư (10:1). Tổng cộng là 72 năm, từ 606 T.C. tới 534 T.C., tức là từ năm thứ nhứt dân Do-thái bị lưu đày tới năm thứ hai sau khi họ từ chốn lưu đày hồi hương. Ông là người làm chứng cho Ðức Chúa Trời trong triều đình của đế quốc đã cai trị thế giới.

**Nê-bu-cát-nết-sa**

Ða-ni-ên là bạn hữu và cố vấn của Nê-bu-cát-nết-sa. Nê-bu-cát-nết-sa là bậc thiên tài và là người thật đã tạo lập đế quốc Ba-by-lôn. Ông trị vì 45 năm trong số 70 năm của đế quốc nầy.

*Nabopolassar*, cha của Nê-bu-cát-nết-sa, làm phó vương Ba-by-lôn và đã bẻ gãy ách thống trị của người A-si-ri (625 T.C.). Ông thực hiện nền độc lập của Ba-by-lôn, và cai trị thành nầy từ 625 đến 604 T.C..

Năm 609 T.C., Nê-bu-cát-nết-sa được cử làm thống tướng các đạo quân của cha mình. Ông xâm lăng các nước ở phương Tây, đoạt quyền kiểm soát xứ Pa-lét-tin nơi tay người Ai-cập (606 T.C.), và bắt một số người Do-thái về Ba-by-lôn làm phu tù, trong số đó có **Ða-ni-ên**.

Cùng năm đó (606 T.C.), ông lên ngôi đồng trị với cha mình; và năm 604 T.C., ông trị vì một mình. Ông tự tỏ ra là một vua hùng mạnh nhứt của mọi thời đại.

Năm sau (605 T.C.), ông phá tan thế lực của Ai-cập tại trận Cạt-kê-mít lừng danh trong lịch sử. Năm 597 S.C., ông đè bẹp một cuộc nổi loạn mới tại xứ Pa-lét-tin, bắt vua Giê-hô-gia-kin và nhiều phu tù khác về Ba-by-lôn, trong số ấy có Ê-xê-chi-ên.

Năm 586 T.C., ông thiêu hủy thành Giê-ru-sa-lem, bắt thêm nhiều phu tù. Rồi suốt 13 năm, quân đội của ông vây hãm thành Ty-rơ (585-573 T.C.).

Năm 582 T.C., ông xâm lăng, cướp phá các xứ Mô-áp, Am-môn, Ê-đôm và Li-ban. Năm 581 T.C., ông lại bắt thêm phu tù Do-thái. Ông xâm lăng, cướp phá Ai-cập năm 572 T.C., và 568 T.C.. Ông băng hà năm 561 T.C..

Ða-ni-ên có ảnh hưởng mạnh mẽ trên ông; ba lần ông nhìn nhận rằng Ðức Chúa Trời của Ða-ni-ên là Chân Thần (2:47; 3:29; 4:34).

Bí Chú Khảo Cổ: **Viên đá ngũ sắc của Nê-bu-cát-nết-sa**

Trong quyển Thánh Kinh từ điển của *Schaff* có lời chép rằng: "Tại Bảo-tàng-viện của kinh thành Bá-linh, có một viên đá ngũ sắc nền đen, chạm hình Nê-bu-cát-nết-sa do lịnh ông truyền, và có ghi câu nầy: Ðể tôn vinh Mê-rô-đác, Chúa của mình, Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn, đang lúc sanh tiền, đã truyền lịnh làm vật nầy." Ta há chẳng thích thú vì thấy hình của ông vua hùng mạnh trong lịch sử Kinh Thánh thời xưa, sao?

**Sách Ða-ni-ên**

Chính sách nầy tỏ ra Ða-ni-ên là tác giả của nó (7:1, 28; 8:2; 9:2; 10:1, 2; 12:4, 5). Chính Ðấng Christ đã thừa nhận như vậy (Ma-thi-ơ 24:15). Người Do-thái và các tín đồ trong Hội Thánh đầu tiên đều đã nhìn nhận như vậy. *Porphyre*, một nhà vô tín ở thế kỷ thứ 3 S.C., đưa ra lý thuyết rằng sách Ða-ni-ên là sách giả mạo soạn trong thời kỳ phái *Macchabées* khởi nghĩa (168-164 T.C.). Tuy nhiên, cái quan điểm cổ truyền rằng sách nầy là một tài liệu lịch sử có từ lúc Ða-ni-ên sanh tiền, đã được toàn thể các học giả tin theo Ðấng Christ và các học giả Do-thái chấp nhận, cho tới khi phái phê bình kim thời dấy lên. Ngày nay, nhơn danh "học giới kim thời," các nhà phê bình làm sống lại lý thuyết của *Porphyre*, nêu ra như một thực sự hiển nhiên rằng sách nầy do một tác giả vô danh biên trứ, -- tác giả nầy sống 400 năm sau đời Ða-ni-ên, mạo nhận tên Ða-ni-ên, và trao tác phẩm giả mạo của mình cho người đương thời mà bảo đó thật là tác phẩm của một vị anh hùng đã chết từ lâu. Tuy nhiên, các nhà phê bình nhấn mạnh rằng sự trạng nầy không thủ tiêu giá trị tôn giáo của sách. Ðó là một quan điểm kỳ lạ về luận lý, phải không? nếu sách không phải do Ða-ni-ên trứ tác như nó tự nhận đó, thì chúng ta làm thế nào mà nghĩ được rằng Ðức Chúa Trời đã dự phần trong sự lừa dối đó? Vì nếu tác giả đội danh các vị anh hùng đã sống lâu lắm về trước mà trình bày ý tưởng riêng của mình thì đó chưa phải là sự lương thiện thông thường nữa kia. Hơn nữa, các nhà phê bình kim thời cố gắng "giải thích rằng việc xảy ra trước chỉ là phản chiếu việc xảy ra sau, thành thử chính việc xảy ra sau không sao giải thích được," và gây thêm nhiều khó khăn, chớ chẳng giải quyết chi cả. Chúng tôi ngờ rằng then chốt thật của sự toan làm mất giá trị của sách Ða-ni-ên chính là trí khôn kiêu hãnh, không chịu nhìn nhận các phép lạ tuyệt vời và các lời tiên tri kỳ diệu ghi chép trong sách ấy.

Sách chép bằng tiếng *Araméen*, hoặc Canh-đê, từ 2:4 đến 7:28, là tiếng thương mại và ngoại giao đương thời ấy. Còn thì chép bằng tiếng Hê-bơ-rơ. Ðó là điều ta có thể tiên liệu trong một quyển sách viết cho người Do-thái đang sống giữa người Ba-by-lôn, trong có bản sao các công văn của chánh phủ Ba-by-lôn bằng nguyên văn Ba-by-lôn. Chắc E-xơ-ra đã đem sách nầy về Giê-ru-sa-lem.

**Ðoạn 1 -- Con người Ða-ni-ên**

Ða-ni-ên ở trong đoàn phu tù đầu tiên bị bắt từ Giê-ru-sa-lem qua Ba-by-lôn (606 T.C.). Ông thuộc về hoàng tộc hoặc quí tộc (câu 3). Sử gia *Josèphe* nói rằng Ða-ni-ên và ba bạn của ông là bà con với vua Sê-đê-kia. Do đó, họ được phép ra vào cung điện Ba-by-lôn dễ dàng hơn. Họ là những thanh niên đẹp đẽ, thông minh, xuất sắc, đã được Ðức Chúa Trời săn sóc đặc biệt và huấn luyện để làm chứng cho Danh Ngài tại triều đình ngoại đạo khi ấy đang cai trị thế giới. "Ðồ ngon vua ăn" (câu 8) mà họ không chịu ăn, chắc đã dâng làm tế lễ cho các hình tượng Ba-by-lôn rồi. Việc Ða-ni-ên dấy lên địa vị tiếng tăm khắp thế giới một cách kỳ lạ đã được ghi ở sách Ê-xê-chi-ên 14:14, 20 và 28:3, là sách chép 15 năm sau, trong lúc Ða-ni-ên còn là một thanh niên. Ông là một người phi thường thay! Ông tuyệt đối không tẻ tách khỏi lòng tin đạo kiên quyết, nhưng lại rất trung thành với ông vua thờ lạy hình tượng đến nỗi được giao cho cai quản công việc của đế quốc Ba-by-lôn.

**Ðoạn 2 -- Pho tượng trong chiêm bao**

Việc nầy xảy ra năm thứ hai đời vua Nê-bu-cát-nết-sa trị vì một mình. Ða-ni-ên vẫn còn là một thanh niên, và mới ở Ba-by-lôn có 3 năm.

Theo như người ta thường hiểu, thì 4 đế quốc cầm quyền bá chủ thế giới dự ngôn ở đây thì chính là các đế quốc Ba-by-lôn, Ba-tư, Hy-lạp và La-mã. Từ thời Ða-ni-ên cho đến khi Ðấng Christ xuất hiện, thế giới do bốn đế quốc nầy cai trị, đúng như Ða-ni-ên đã dự ngôn. Ðương thời đế quốc La-mã, Ðấng Christ xuất hiện và lập một Nước: Mới đầu như hột cải, Nước Ngài trải qua nhiều cuộc thăng trầm, và ngày nay tự chứng tỏ rằng sẽ trở nên một Nước đời đời, gồm cả thế giới và sẽ được vinh quang đầy trọn khi Chúa tái lâm.

Các nhà phê bình cho rằng sách Ða-ni-ên được trứ tác đương thời khởi nghĩa của phái *Macchabée*; vậy, muốn giải thích rằng sách Ða-ni-ên liên quan đến những biến cố quá khứ, chớ chẳng phải là dự ngôn về tương lai, họ thấy cần đặt cả 4 đế quốc vào niên hiệu trước khi biên trứ sách Ða-ni-ên nầy. Vậy, họ chia đế quốc Ba-tư làm hai đế quốc: Mê-đi và Ba-tư, để đặt đế quốc Hy-lạp vào hàng thứ tư. Nhưng thật ra không có đế quốc Mê-đi và đế quốc Ba-tư sau khi đế quốc Ba-by-lôn sụp đổ. Muốn đặt ra tình trạng ấy, thì chỉ là cố gắng làm sai lạc các thực sự lịch sử để chứng minh một lý thuyết. Người Mê-đi và người Ba-tư là một đế quốc ở dưới quyền cai trị của các vua Ba-tư. Ða-ri-út, người Mê-đi, chỉ là một phó vương cai trị ít lâu và ở dưới quyền của Si-ru, người Ba-tư, cho đến khi Si-ru tới nơi.

Hơn nữa, trong thời kỳ phái *Macchabée* khởi nghĩa, không xảy ra biến cố nào khả dĩ tương xứng với "Hòn Ðá đục ra từ núi" (câu 45), hoặc khả dĩ gọi là khởi đầu của Nước Ðức Chúa Trời bất cứ theo phương diện nào.

Hơn nữa, không thể có cách nào "nắn" các con số để khiến cho 70 tuần lễ ở đoạn 9 được đầy trọn nhằm thời phái *Macchabée* khởi nghĩa.

Lời tiên tri về 4 đế quốc đây lại được nói rộng thêm ở đoạn 7 luận về 4 con thú, ở đoạn 8 luận về chiên đực và dê đực, ở đoạn 9 luận về 70 tuần lễ, và ở đoạn 11 luận về các cuộc giao tranh giữa vua phương Bắc và vua phương Nam.

**Ðoạn 3 -- Lò lửa hực**

Theo bản *Septante*, biến cố nầy xảy ra năm thứ 18 đời trị vì của Nê-bu-cát-nết-sa, sau khi Ða-ni-ên và ba bạn ông đã ở Ba-by-lôn chừng 20 năm. Ðó chính là năm mà Nê-bu-cát-nết-sa thiêu hủy thành Giê-ru-sa-lem (năm 586 T.C.).

Mấy năm trước, Ðức Chúa Trời đã tỏ cho Ða-ni-ên chiêm bao của Nê-bu-cát-nết-sa và cách giải thích chiêm bao thể nào, thì cũng một thể ấy, bây giờ Ngài đặt trong lòng ba người nầy sự kiên quyết trung thành với Ðức Chúa Trời. Rồi Ngài cùng đi vào lò lửa với họ, chẳng những để tôn trọng đức tin họ, song cũng để bày tỏ trước mắt quần thần của đế quốc rất rộng lớn đang tụ hội kia rằng Ðức Chúa Trời của Giê-ru-sa-lem có quyền phép trên các thần của Ba-by-lôn mà chúng vẫn khoe khoang. Như vậy, lần thứ hai, Ðức Chúa Trời đã tỏ mình trong triều đình của một đế quốc hùng mạnh, và cũng lần thứ hai, vua Nê-bu-cát-nết-sa hùng mạnh sấp mình trước mặt Ðức Giê-hô-va và tuyên bố Ngài là Chân Thần cho tới biên giới cùng tột của đế quốc mình.

Có một ngụy kinh gọi là "Bài ca của ba đứa con thánh," nội dung là lời ba người nầy ca khen Ðức Chúa Trời vì được Ngài giải cứu. Bài ca nầy được thêm vào sách Ða-ni-ên, sau đoạn 3:23. Nó thể hiện một truyền thuyết lan rộng trong dân chúng, nhưng không bao giờ được coi là một phần của Kinh Thánh (Cựu Ước) Hê-bơ-rơ.

Năm 1854, ông *Oppert* đào bới di tích ở Ba-by-lôn, đã thấy cái bệ của một pho tượng khổng lồ tại một chỗ gọi là *Duair*; có lẽ đó là di tích tượng vàng khổng lồ của Nê-bu-cát-nết-sa (câu 1).

**Ðoạn 4 -- Nê-bu-cát-nết-sa hóa điên và được lành mạnh**

Ðây là truyện tích một chiêm bao khác của Nê-bu-cát-nết-sa mà Ða-ni-ên giải thích, và mọi sự đã xảy ra rất đúng. Nê-bu-cát-nết-sa bị một bịnh tinh thần, tưởng mình là con thú và đã hành động như một con thú. Ông đi lang thang giữa những con thú trong vườn của khu hoàng cung. Lần thứ ba Nê-bu-cát-nết-sa sấp mình trước mặt Ðức Giê-hô-va, và tuyên bố quyền phép của Ngài với cả thế giới. "Bảy kỳ" (câu 32), -- chữ nầy nghĩa là "mùa." Có người tưởng là 7 năm, có kẻ cho là 7 tháng. Ông *Rendal Harris* nói rằng: "Ở xứ Ba-by-lôn, người ta chỉ kể mùa hạ và mùa đông." Như vậy là 3 năm rưỡi.

Trong một bi văn của Nê-bu-cát-nết-sa ghi các công cuộc kiến thiết và công nghiệp của ông, Huân tước *Henry Rawlinson* có đọc những lời nầy: "Trong 4 năm, nơi ở của nước ta chẳng làm cho lòng ta vui thích. Ta chẳng dùng quyền lực mình mà xây cất một dinh thự trọng đại nào trên các lãnh thổ của ta. Ta không xây dựng cung điện nào ở Ba-by-lôn cho mình và để danh mình được tôn vinh. Trong sự thờ lạy Mê-rô-đác, là thần của ta, ta chẳng hát ngợi khen thần ấy; ta cũng chẳng dâng tế vật trên bàn thờ thần ấy, và không dọn sạch các kinh đào." Có người nghĩ rằng đây là nói đến bịnh điên của ông một cách xa xôi, mặc dầu các vua thời xưa vẫn ra lịnh không được ghi những việc như vậy trên bi văn của mình.

Ông *Lenormant* quả quyết người Canh-đê có truyền thoại rằng Nê-bu-cát-nết-sa leo lên mái hoàng cung và kêu la: "Hỡi người Ba-by-lôn, một người Ba-tư sẽ đến bắt các ngươi làm tôi mọi. Một người Mê-đi sẽ hợp tác với hắn." Nếu thật vậy, thì dường như Nê-bu-cát-nết-sa đã lãnh hội được một vài ý tưởng của Ða-ni-ên.

**Ðoạn 5 -- Bữa tiệc của Bên-xát-xa**

Việc nầy xảy ra chính đêm đế quốc Ba-by-lôn sụp đổ. Ða-ni-ên đã ở Ba-by-lôn 70 năm, và lúc nầy ông cao tuổi lắm.

Bí Chú Khảo Cổ: **Bên-xát-xa**

Cho tới năm 1853, người ta không thấy các ký văn Ba-by-lôn có chép đến Bên-xát- xa. Người ta chỉ biết rằng *Nabonidas* (555-538 T.C.) là vua Ba-by-lôn sau chót. Ðối với các nhà phê bình, đó là một bằng cớ tỏ ra rằng sách Ða-ni-ên không đúng với lịch sử. Song năm 1853, người ta tìm thấy một ký văn trên phiến đá góc của đền thờ do *Nabonidas* xây tại U-rơ cho một thần. Ký văn rằng: "Nguyện tôi, là *Nabonidas*, vua Ba-by-lôn, không phạm tội nghịch cùng thần! Và nguyện sự tôn kính thần ở trong lòng Bên-xát-xa, con trai đầu lòng yêu quí của tôi!"

Do những bi văn khác, người ta được biết rằng phần nhiều *Nabonidas* ẩn dật ở phía ngoài kinh thành Ba-by-lôn; còn Bên-xát-xa chỉ huy quân đội, điều khiển chánh phủ, đồng trị với cha mình, và chính Bên-xát-xa đã đầu hàng Si-ru. Ðiều nầy giải thích tại sao Ða-ni-ên, có thể "dự chức thứ ba trong việc chánh trị nhà nước" (câu 16, 29). "Nê-bu-cát-nết-sa, cha vua" (câu 11), không phải là cha thật của Bên-xát-xa, nhưng là bậc tiên đế đối với ông.

Bí Chú Khảo Cổ: **Bàn tay viết trên tường** (câu 25, 28)

Người ta đã phát giác được chính nền móng của bức tường nầy.

Các ông *Xénophon*, *Hérodote* và *Bérose* đã thuật lại sự suy vong của Ba-by-lôn như sau đây: "Si-ru đào một con kinh mới cho sông Ơ-phơ-rát chảy vào đó, rồi nhờ hai tên lính đào ngũ dẫn lối, ông do lòng sông khô cạn mà tiến vào trong thành, đang khi người Ba-by-lôn say sưa yến tiệc mừng các thần của họ."

Ký văn trên các tấm bảng Ba-by-lôn mà người ta tìm thấy mấy năm gần đây, có ghi rằng đạo quân Ba-tư dưới quyền chỉ huy của *Gobryas*, đã chiếm Ba-by-lôn mà không phải đánh một trận nào, và *Gobryas* đã giết con trai của vua (tức là Bên-xát-xa); còn Si-ru thì sau mới vào thành.

Ða-ri-út, người Mê-đi, đã nhận lấy nước (câu 31) và trị vì tại Ba-by-lôn cho tới khi Si-ru lên cầm quyền (6:28; 9:1). Dưới đời trị vì của Ða-ri-út, Ða-ni-ên đã bị quăng vào hang sư tử. Nhưng các ký văn không chép chi về Ða-ri-út. Người ta cho rằng hoặc Ða-ri-út là *Gobryas*, người mà các tấm bảng Ba-by-lôn ghi là đã chiếm thành ấy, hay là -- theo lời sử gia *Josèphe -- Cyaxares*, người Mê-đi, cha vợ của Si-ru. Có một tên Ba-by-lôn và một tên bổn quốc là điều thông thường; tỉ như Ða-ni-ên và ba bạn ông đã được đặt tên mới (1:7). Nhưng dầu Ða-ri-út là cha vợ của Si-ru hoặc là một tướng của Si-ru, ông cũng đã cầm đầu đạo quân chiếm Ba-by-lôn trong khi Si-ru bận đánh trận ở phía Bắc và phía Tây. Cho tới ngày Si-ru đến nơi, Ða-ri-út đã làm vua trị vì tại Ba-by-lôn, có lẽ chừng 2 năm (538-536 T.C.).

Ðã có lời dự ngôn rằng người Mê-đi sẽ chiến thắng Ba-by-lôn (Ê-sai 13:17; 21:2; Giê-rê-mi 51:11, 28). Cho tới lúc Si-ru đến nơi, thì là "người Mê-đi và người Phe-rơ-sơ" (Ba-tư -- 5:28; 6:8). Sau đó thì là "Phe-rơ-sơ (Ba-tư) và Mê-đi" (Ê-xơ-tê 1:14, 18, 19).

**Ðoạn 6 -- Ða-ni-ên trong hang sư tử**

Ða-ni-ên là một đại thần của đế quốc Ba-by-lôn suốt 70 năm, là cả thời gian đế quốc ấy tồn tại. Dầu lúc nầy ông rất già, có lẽ đã trên 90 tuổi, nhưng Ða-ri-út, người chiến thắng Ba-by-lôn, lập tức đặt ông cầm đầu chánh quyền Ba-by-lôn. Ấy có lẽ vì Ða-ni-ên vừa mới nói tiên tri rằng người Mê-đi thắng trận (5:28). Ðó là một cách khen tặng sự khôn ngoan, thanh liêm và vô tư của ông. Nhưng ông vẫn kiên quyết tận tụy với Ðức Chúa Trời mình (câu 10). Ðức tin lớn lao thay! Can đảm lớn lao thay! Thật là một ông già dũng cảm biết bao! Chúng tôi có nghe một vị Truyền đạo nói rằng sở dĩ bầy sư tử không cắn xé, ăn nuốt Ða-ni-ên là vì ông cứng quá!

Ngụy kinh "*Bel* và Con Rồng" là phần thêm vào truyện tích Ða-ni-ên trong hang sư tử.

**Các phép lạ trong sách nầy**

Trong sách nầy có kể lại nhiều chuyện lạ lùng. Với những ai thấy là khó tin những chuyện nầy, chúng ta xin nói rằng: Chúng ta hãy nhớ rằng trải qua 1000 năm, Ðức Chúa Trời đã trưởng dưởng dân tộc Hê-bơ-rơ vì một mục đích, là bởi dân tộc ấy, giữa thế giới gồm toàn những nước thờ lạy hình tượng, Ngài lập vững cái **Ý Tưởng** rằng **Giê-hô-va Là Ðức Chúa Trời**. Lúc nầy dân tộc của Ðức Giê-hô-va đã bị tiêu diệt bởi một dân tộc thờ lạy hình tượng. Trước mắt cả thế giới, đó là bằng cớ tỏ rõ rằng các thần của Ba-by-lôn có quyền phép hơn Ðức Chúa Trời của dân Do-thái. Ðó là một lúc khẩn trương trong cuộc tranh đấu của Ðức Giê-hô-va nghịch cùng sự thờ lạy hình tượng. Nếu có lúc nào mà Ðức Giê-hô-va cần làm một việc gì để **Tỏ Ra Ai Là Ðức Chúa Trời**, thì chính là lúc dân Do-thái bị lưu đày tại Ba-by-lôn. Nếu không có điều chi phi thường xảy ra, hẳn cũng lạ thật! Nếu những phép lạ vĩ đại nầy không thực hiện, thì trong lịch sử Kinh Thánh chắc phải thiếu một cái gì. Dầu khó tin những phép lạ nầy, nhưng nếu không có nó, thì ta càng khó tin các phần khác của truyện tích trong sách Ða-ni-ên. Từ lúc đầu, hết thế hệ nầy tới thế hệ khác, người Do-thái luôn luôn sa vào vòng thờ lạy hình tượng; song rốt lại, lúc nầy, đang khi bị lưu đày tại Ba-by-lôn, ít ra họ cũng tin quyết rằng Ðức Chúa Trời của họ là Chân Thần; và từ đó trở đi, họ không hề sa vào vòng thờ lạy hình tượng nữa. Chắc những phép lạ nầy đã góp phần thuyết phục họ. Những phép lạ nầy có một ảnh hưởng mạnh mẽ trên cả Nê-bu-cát-nết-sa và Ða-ri-út (3:29; 6:26).

**Ðoạn 7 -- Bốn con thú**

Ðây là tiếp tục lời tiên tri ở đoạn 2, đã nói ra 60 năm trước: Ta thấy hai trạng thái của một hệ thống lịch sử vĩ đại, là 4 đế quốc bá chủ thế giới, rồi tới Nước Ðức Chúa Trời. Ðoạn 2 hình dung bằng một pho tượng đầu bằng vàng, ngực và cánh tay bằng bạc, bụng và vế bằng đồng, và chơn bằng sắt, cả thảy bị nghiền nát bởi Hòn Ðá đục ra từ núi. Trong đoạn nầy, 4 đế quốc bá chủ thế giới ấy lại được hình dung bằng con sư tử, con gấu, con beo và một con thú kinh khiếp. Ðoạn nầy thêm nhiều lời giải thích tỉ mỉ, nhứt là về đế quốc thứ tư.

Người ta thường cho 4 đế quốc bá chủ thế giới nầy là Ba-by-lôn, Ba-tư, Hy-lạp, và La-mã (xem ở dưới đoạn 2), gồm khoảng thì giờ từ thời Ða-ni-ên cho tới Ðấng Christ. Những con thú nầy dường như làm nền tảng cho sự hiện thấy về con thú có 7 đầu và 10 sừng ở sách Khải Huyền, đoạn 13.

Người ta cho "mười cái sừng" của con thú thứ tư (câu 24) là 10 nước mà đế quốc La-mã đã bị phân tán ra. Còn "cái sừng nhỏ khác" (câu 8, 20, 24, 25) dấy lên giữa 10 cái sừng, thì người ta thường hay cho là thủ lãnh của một Giáo hội kia, tức là sự liên hiệp của con beo và con chiên con ở sách Khải Huyền, đoạn 13. Người ta cho rằng "ba vua" bị đánh đổ (câu 8, 24) chỉ về xứ của người *Lombards*, thành *Ravenne* và thành La-mã đã được trao cho các thủ lãnh kia lúc họ bắt đầu có nước ở trần gian (năm 754 S.C.).

Do lời giải thích nầy cùng với lời giải thích lịch sử về con thú bảy đầu và mười sừng của sách Khải Huyền, chúng ta được thấy sơ lược cả lịch sử thế giới: Ai-cập, A-si-ri, Ba-by-lôn, Ba-tư, Hy-lạp, La-mã, La-mã của thủ lãnh Giáo hội kia. Theo sau La-mã có "mười nước;" chúng tôi tưởng đó là con số chẵn tỏ ra quyền cai trị thế giới không giao cho một quốc gia nào, nhưng cho một số quốc gia. Ðó như là mười nước tiếp tục đế quốc La-mã cho tới kỳ sau rốt. Từ đó tới nay, không hề có một đế quốc nào làm bá chủ thế giới. Nã-phá-luân đã thử làm như vậy, nhưng thất bại. Vua nước Ðức *(Kaiser)* và *Hitler* cũng thử làm như vậy, nhưng cũng thất bại.

"Cái sừng nhỏ khác" (câu 8, 20, 24, 25) rất đúng với thủ lãnh của Giáo hội kia. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng nó cũng chỉ về *Antichrist*.

**Các khoảng thì giờ trong sách Ða-ni-ên**

"Một kỳ, những kỳ, và nửa kỳ" ở 7:25, chỉ về thời gian "cái sừng nhỏ khác" của con thú thứ tư tồn tại.

"Một kỳ, những kỳ và nửa kỳ" ở 12:7 chỉ về thời gian từ Ða-ni-ên cho tới "kỳ sau rốt."

"Một thì, các thì và nửa thì" được dùng ở Khải Huyền 12:14, tương đương với 42 tháng và 1260 ngày (Khải Huyền 11:2, 3; 12:6, 14; 13:5). Các câu nầy chỉ về thời gian Thành Thánh bị giày xéo, hai người làm chứng nói tiên tri, người đờn bà ở trong đồng vắng, và con thú sống lại ngồi trên ngôi.

"Hai ngàn ba trăm buổi chiều và buổi mai" (8:14) chỉ về thời gian Nơi Thánh bị cái sừng nhỏ của con thú thứ ba giày xéo dưới chơn. Có thể là 2300 ngày, hoặc 2300 nửa ngày, tức là 1150 ngày, tức là gần 3 năm rưỡi, hoặc gần 7 năm.

"Một ngàn hai trăm chín mươi ngày" (12:11) là thời gian tồn tại của "sự gớm ghiếc làm cho hoang vu," hoặc thời gian từ khi nó bắt đầu cho tới kỳ sau rốt. Ấy là hơn khoảng 1260 ngày một chút.

"Một ngàn ba trăm ba mươi lăm ngày" (12:12), dường như là thêm 40 ngày nữa, vào khoảng 1290 ngày, sau đó có phước lành chung kết.

"Bảy mươi tuần lễ" (9:24) là thời gian từ khi có chiếu chỉ xây lại thành Giê-ru-sa-lem cho tới khi Ðấng Mê-si xuất hiện. Nó gồm "bảy tuần lễ" của "kỳ khó khăn" (9:25) và "một tuần lễ" trong đó Ðấng chịu xức dầu bị trừ đi (9:26, 27).

Người ta thường cho rằng chữ "kỳ" (thì) ở câu "một kỳ, những kỳ, và nửa kỳ" có nghĩa là một năm; như vậy, câu nầy nghĩa là 3 năm rưỡi, tức là 42 tháng, hoặc (tính mỗi tháng có 30 ngày) 1260 ngày.

Người thì cho đó thật có nghĩa đen là 3 năm rưỡi. Người khác, theo lối giải thích một ngày là một năm (Dân số ký 14:34; Ê-xê-chi-ên 4:6), lại cho đó là một khoảng 1260 năm. Kẻ khác nửa lại không cho là con số chỉ về khoảng thời gian hay thì giờ, mà là con số tượng trưng: 7 tượng trưng cho sự hoàn toàn, 3 rưỡi, tức là một nửa 7, chỉ về sự bất toàn, nghĩa là đời trị vì của tội ác chỉ tạm thời thôi.

Những khoảng thì giờ nầy có liên quan mật thiết với câu "sự gớm ghiếc làm cho hoang vu," là công tác do cái sừng nhỏ của con thú thứ ba (8:13; 11:31). "Sự gớm ghiếc" nầy cũng có sau khi Ðấng Mê-si bị trừ đi (9:27), và là khởi điểm của 1290 ngày (12:11). Ðức Chúa Jêsus trưng dẫn câu "sự tàn phá làm cho hoang vu" nầy, và cho là nó chỉ về thành Giê-ru-sa-lem gần bị đạo quân La-mã phá hủy (Ma-thi-ơ 24:15). Ngài trưng dẫn câu ấy trong một bài giảng có những lời hỗn hợp bao hàm kỳ tận thế.

Có nói đến "kỳ khó khăn" dành cho 7 tuần lễ lúc đầu và 1 tuần lễ lúc cuối của khoảng 70 tuần lễ (9:25, 27). Có dự ngôn về "tai nạn, đến nỗi... chẳng có như vậy bao giờ" (12:1), dành cho "kỳ cuối cùng" (hoặc kỳ sau rốt -- 12:4, 9, 13). Ðức Chúa Jêsus đã trưng dẫn câu nầy để chỉ về sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem luôn với lúc tận thế (Ma-thi-ơ 24:21).

*Antiochus* đã xúc phạm Ðền thờ trong 3 năm rưỡi (168-165 T.C.). Quân đội La-mã tấn công thành Giê-ru-sa-lem trong 3 năm rưỡi (67-70 S.C.). Thủ lãnh của Giáo hội kia quản trị thế giới gần 1260 năm, từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 18 S.C.. Hồi giáo cai trị xứ Pa-lét-tin năm 637 S.C., và mãi vào khoảng 1260 năm sau (1917 S.C.), quyền cai trị ấy mới chuyển qua Cơ-đốc-giáo.

Chúng tôi nghĩ rằng không một lời giải thích nào có thể thấu triệt ý nghĩa các điểm thời gian nầy của Ða-ni-ên. Có thể hiểu các điểm ấy theo nghĩa đen, nghĩa bóng và nghĩa tượng trưng. Có thể các điểm ấy được ứng nghiệm trước nhứt trong một biến cố lịch sử, rồi được ứng nghiệm trong một biến cố khác, và cuối cùng được ứng nghiệm ở kỳ sau rốt. Sự xúc phạm Ðền thờ bởi *Antiochus*, sự hủy phá thành Giê-ru-sa-lem bởi *Titus*, và sự tiếm quyền trong Hội Thánh do thủ lãnh kia, có thể đều là tiền khu và tượng trưng cho cơn Ðại nạn trong thời Antichrist. Nếu không cảm thấy chắc chắn mình đã hiểu biết, thì chúng ta chớ quá thất vọng; chính Ða-ni-ên cũng phát đau ốm vì không hiểu rõ (8:27).

**Ðoạn 8 -- Chiên dực và dê đực**

Ðoạn nầy chứa thêm lời dự ngôn về đế quốc bá chủ thế giới thứ hai và thứ ba đã nói đến ở đoạn 2 và đoạn 7, tức là đế quốc Ba-tư và đế quốc Hy-lạp.

Ðế quốc Ba-tư được hình dung ở đoạn 7:5 là một con gấu cắn nuốt, và ở đây được hình dung là con chiên đực có hai cái sừng (câu 3-4), vì nó là cuộc liên minh của người Mê-đi và người Ba-tư.

Ðế quốc Hy-lạp được hình dung ở đoạn 7:6 là con beo có bốn đầu, và ở đây được hình dung là con dê đực hùng hổ và mau lẹ từ phía Bắc xông tới, có một sừng lớn, và khi sừng nầy bị gãy, thì có bốn sừng khác thay thế.

Sừng lớn là A-lịch-sơn đại đế, đã phá tan đế quốc Ba-tư năm 331 T.C.. Lời tiên tri nầy viết năm 539 T.C., tức là 200 năm trước khi được ứng nghiệm. Ðó là dự ngôn rất lạ lùng về sự xung đột và kết quả sự xung đột giữa hai đế quốc bá chủ thế giới mà lúc dự ngôn, chưa một đế quốc nào đã dấy lên.

"Bốn cái sừng" (câu 8, 21-22) và bốn cái đầu (7:6) là bốn nước mà đế quốc của A- lịch-sơn đại đế đã phân tán ra (xem thêm ở đoạn 11).

"Cái sừng nhỏ" (câu 9) từ bốn cái sừng kia mọc lên, thì người ta đồng ý cho là chỉ về *Antiochus Epiphane* (175-164 T.C.), thuộc nhánh Sy-ri của đế quốc Hy-lạp, người đã cương quyết cố gắng trừ diệt đạo Do-thái (xem ở dưới 11:21-35). Tuy nhiên, mấy chữ "kỳ sau rốt" được lặp lại (câu 17, 19) có thể có nghĩa là cùng với *Antiochus* sắp xuất hiện, ở bối cảnh xa xăm của sự hiện thấy còn có hình ảnh bất tường của một tay hủy diệt khủng khiếp hơn bội phần (câu 26), -- nó sẽ làm đen tối những ngày sau chót của lịch sử, và *Antiochus* chỉ là một tiền khu tượng trưng cho nó mà thôi.

**Ðoạn 9 -- 70 tuần lễ**

Cuộc lưu đày đã kéo dài 70 năm và gần chấm dứt. Ðây thiên sứ bảo Ða-ni-ên rằng cho tới lúc Ðấng Mê-si xuất hiện, còn có "70 tuần lễ" nữa (câu 24).

Người ta thường hiểu rằng "70 tuần lễ" nghĩa là 70 lần 7 năm, hoặc 7 lần 70 năm, tức là 490 năm. Dường như thiên sứ nói rằng: "Cuộc lưu đày đã kéo dài 70 năm; khoảng thì giờ giữa cuộc lưu đày và sự xuất hiện của Ðấng Mê-si sẽ dài gấp bảy lần chừng đó."

Con số 7 và những vòng 7 bảy năm thường có ý nghĩa tượng trưng; song các biến cố thực sự trong lời tiên tri nầy thật rất lạ lùng như sau đây:

Niên hiệu phải bắt từ đó mà tính 70 tuần lễ là năm ban hành chiếu chỉ xây lại thành Giê-ru-sa-lem (câu 25). Các vua Ba-tư đã giáng ba chiếu chỉ nhằm mục đích ấy, vào các năm 536 T.C.; 457 T.C.; và 444 T.C., (xem dưới sách E-xơ-ra). Quan trọng nhứt là chiếu chỉ ban hành năm 457 T.C..

70 tuần lễ được chia ra làm 7 tuần lễ, 62 tuần lễ và 1 tuần lễ (câu 25, 27). Ta khó nhận thấy "7 tuần lễ" được áp dụng thể nào; nhưng 69 tuần lễ (gồm cả 7 tuần lễ kia) bằng 483 ngày, ấy là theo thuyết một ngày thay cho một năm (Ê-xê-chi-ên 4:6); như vậy là 483 năm, theo cách giải thích thường được công nhận.

483 năm nầy là thời gian ở giữa chiếu chỉ xây lại thành Giê-ru-sa-lem và sự xuất hiện của "Ðấng chịu xức dầu" (câu 25). Như đã ghi chú trên kia, chiếu chỉ xây lại thành Giê-ru-sa-lem giáng năm 457 T.C.. Thêm 483 năm vào năm 457 T.C., ta sẽ có năm 26 S.C., là chính năm Ðức Chúa Jêsus chịu phép báp-têm và khởi thi hành chức vụ công khai. Ðó là lời tiên tri của Ða-ni-ên được ứng nghiệm rất lạ lùng, đúng cả năm nữa (kỷ nguyên Cơ-đốc bắt đầu năm thứ 4 T.C.).

Hơn nữa, sau 3 năm rưỡi, Ðức Chúa Jêsus bị đóng đinh vào Thập tự giá, tức là vào khoảng tuần ấy, "Ðấng chịu xức dầu sẽ bị trừ đi", "đặng... trừ tội lỗi, làm sạch sự gian ác, và đem sự công bình đời đời vào" (câu 24, 26, 27).

Như vậy, Ða-ni-ên chẳng những dự ngôn lúc Ðấng Mê-si xuất hiện, song cũng dự ngôn thời gian Ngài thi hành chức vụ công khai và sự chết của Ngài để đền tội lỗi loài người.

Có người nghĩ rằng Ðức Chúa Trời ngưng niên biểu của Ngài lúc Ðấng Christ chịu chết, cứ để nguyên vậy đang khi dân Y-sơ-ra-ên bị tản lạc, và nửa cuối của "một tuần lễ" thuộc về kỳ sau rốt.

**Tóm tắt các lời tiên tri của Ða-ni-ên**

Bốn nước, rồi tới Nước đời đời của Ðức Chúa Trời (đoạn 2).

Nê-bu-cát-nết-sa bị chứng điên và được lành (đoạn 4).

Ðế quốc Ba-by-lôn sụp đổ và đế quốc Ba-tư dấy lên (đoạn 5).

"Ðế quốc thứ tư," "mười cái sừng" của nó và cái "cái sừng nhỏ khác" (đoạn 7).

Ðế quốc Hy-lạp và "bốn cái sừng" của nó (đoạn 8).

"Bảy mươi tuần lễ," thời gian từ Ða-ni-ên đến Ðấng Mê-si (đoạn 9).

Các hoạn nạn của Ðất Thánh trong thời gian giữa Cựu Ước và Tân Ước (đoạn 11).

Các dấu hiệu về kỳ sau rốt (đoạn 12).

**Ðoạn 10 -- Thiên sứ của các nước**

Sự hiện thấy cuối cùng nầy (đoạn 10, 11, 12) xảy ra hai năm sau khi dân Do-thái trở về xứ Pa-lét-tin (534 T.C.). Ðức Chúa Trời giở bức màn lên và tỏ cho Ða-ni-ên thấy một vài thực sự của thế giới vô hình, -- tức là cuộc giao tranh tiếp diễn giữa các bậc trí tuệ siêu nhân, một bên thiện, một bên ác, để cố gắng kiểm soát trào lưu của các nước; một vài bậc ấy tìm cách che chở dân Ðức Chúa Trời. Mi-ca-ên là thiên sứ bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên (câu 13, 21). Một thiên sứ không được ghi tên, trò chuyện với Ða-ni-ên. Hy-lạp có thiên sứ riêng của mình (câu 20) và Ba-tư cũng vậy (câu 13, 20). Dường như Ðức Chúa Trời tỏ cho Ða-ni-ên thấy một vài cán bộ bí mật của Ngài đang hoạt động để thực hiện sự hồi hương của dân Y-sơ-ra-ên. Một thiên sứ giúp đỡ Ða-ri-út (11:1). Trong đoạn nầy, các thiên sứ ấy được tỏ ra là đang chăm chú đến số phận dân Y-sơ-ra-ên; và trong sách Khải Huyền, thì họ được tỏ ra là chăm chú đến số phận của Hội Thánh. Ở Khải Huyền 12:7-9, Mi-ca-ên và các thiên sứ của mình giao chiến với Sa-tan và các quỉ sứ của nó. Theo thơ Ê-phê-sô 6:12, các quyền lực gian ác của thế giới vô hình là kẻ thù chánh yếu mà tín đồ Ðấng Christ phải giao tranh với. Khi Ðức Chúa Jêsus giáng sanh, thì các thiên sứ rất hoạt động. Ðức Chúa Jêsus tin có thiên sứ (xem ở dươi Ma-thi-ơ 4:11).

**Ðoạn 11 -- Các vua phương Bắc và các vua phương Nam**

Các đoạn 2, 7, 8, 9, 11 chứa những lời dự ngôn về 4 đế quốc và các biến cố từ Ða-ni-ên đến Ðấng Christ; các đoạn ấy dường như có liên quan đến những cường quốc trên thế giới về sau và những biến cố tiếp diễn từ thời Ðấng Christ cho tới kỳ sau rốt. Ðây là đại cương sử ký thế giới gồm trong các đoạn ấy:

Ðế quốc Ba-by-lôn (606-536 T.C.).

Ðế quốc Ba-tư (536-332 T.C.).

Ðế quốc Hy-lạp, sau chia làm 4 nước (331-146 T.C.).

Chiến tranh giữa các vua Hy-lạp cai trị khu Sy-ri và khu Ai-cập (323-146 T.C.).

*Antiochus Epiphane* và việc hắn xúc phạm thành Giê-ru-sa-lem (175-164 T.C.).

Ðế quốc La-mã (146 T.C.- 400 S.C.).

Thủ lãnh Giáo hội kia cầm đầu đế quốc bá chủ thế giới (thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 18).

Hồi giáo cai trị Ðất Thánh (thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 20).

Những hoạn nạn trên thế giới và sự sống lại nhằm "kỳ cuối cùng."

Những lời dự ngôn nầy cứ lần lần giải thích thêm chi tiết. Ở đoạn 2 có lời tuyên bố đại cương rằng có 4 đế quốc bá chủ thế giới từ thời Ða-ni-ên cho đến thời Ðấng Mê-si. Ở đoạn 7 có chi tiết về đế quốc thứ tư. Ở đoạn 8 có chi tiết về đế thứ quốc thứ hai và đế quốc thứ ba. Ở đoạn 11 có thêm chi tiết về đế quốc thứ ba.

Ðế quốc thứ ba là đế quốc Hy-lạp do A-lịch-sơn đại đế sáng lập năm 331 T.C.. Khi ông qua đời, thì đế quốc nầy chia ra giữa các tướng của ông và trở thành: Hy-lạp, Tiểu-Á-tế-á, Sy-ri, Ai-cập. Trong đoạn nầy, các vua Sy-ri được gọi là "vua phương Bắc," còn các vua Ai-cập được gọi là: "vua phương Nam." Ða-ni-ên dự ngôn về cuộc hành quân của các vua nầy 200 năm trước khi có đế quốc Hy-lạp và 400 năm trước khi có những vua nầy. Lời ông mô tả tỉ mỉ các cuộc hành quân của họ tỏ ra dự ngôn và lịch sử theo sau ăn hiệp với nhau một cách rất lạ lùng. Ðoạn 11 là lịch sử viết trước của thời kỳ giữa Cựu Ước và Tân Ước. Dưới đây là đại lược các biến cố ăn hiệp với những câu Kinh Thánh đã dự ngôn nó:

"Ba vua trong nước Phe-rơ-sơ" (câu 2): Ấy là Si-ru, *Cambyse* và Ða-ri-út *Hystaspe*. "Vua thứ tư" là Xerxès, vua Ba-tư giàu có nhứt và hùng mạnh nhứt, đã xâm lăng Hy-lạp, song bị thất trận tại *Salamine* (480 T.C.).

"Một vua mạnh" (câu 3) là A-lịch-sơn đại đế. Nước của vua nầy bị chia ra làm "bốn" (câu 4), là Hy-lạp, Tiểu-Á-tế-á, Sy-ri, Ai-cập.

"Vua phương Nam" (câu 5) là *Ptolémée* I, vua Ai-cập. "Một trong các tướng của vua" là *Séleucos Nicartor*; ông nầy vốn là một tướng ở dưới quyền *Ptolémée*, đã trở thành vua Sy-ri và là vua kế vị hùng mạnh nhứt của A-lịch-sơn đại đế.

"Công chúa" (câu 6): Ðây là *Bérénice*, con gái của *Ptolémée II*, gả cho *Antiochus* II và bị mưu sát. "Một chồi ra từ rễ công chúa" (câu 7) là *Ptolemée III*, em của *Bérénice*, đã xâm lăng Sy-ri để trả thù, và thắng một trận lớn (câu 8).

"Hai con trai" (câu 10) là *Séleucos III* và *Antiochus III* (đại đế). Câu 11-12: *Ptolémée IV* đánh bại *Antiochus III*, gây cho tổn thất nặng nề, trong trận *Raphia*, gần biên giới Ai-cập (217 T.C.). Câu 13: 14 năm sau, đem đạo quân lớn trở lại đánh Ai-cập. Câu 14: Người Do-thái giúp đỡ *Antiochus*. Câu 15: *Antiochus* đánh bại các lực lượng của Ai-cập. Câu 16: *Antiochus*, chiếm xứ Pa-lét-tin. Câu 17: *Antiochus* gả con gái, là *Cléopâtre cho Ptolémée V*, mong nhờ tình thông gia bịp bợm mà kiểm soát được Ai-cập. Nhưng nàng đã theo chồng. Câu 18, 19: Bấy giờ *Antiochus* xâm lăng Tiểu-Á-tế-á và Hy-lạp, rồi bị đạo quân La-mã đánh bại tại *Magnésie* (190 T.C.). Ông trở về xứ mình và bị giết.

"Kẻ đáng khinh dể" (câu 21-35) là *Antiochus Epiphane*. Câu 21: Hắn không phải là kẻ kế vị chánh thống, nhưng đã dùng mưu chước quỉ quyệt mà được ngôi vua. Câu 22-25: Hắn tự tôn làm vua Ai-cập, một phần bởi võ lực, một phần bởi mưu mô lừa gạt. Câu 26: *Ptolémée VI*, con trai của *Cléopâtre*, cháu của *Antiochus*, bị bầy tôi phản bội, nên thua trận. Antiochus và *Ptolémée* làm bộ thân thiện, nhưng lại tranh giành và phản bội nhau. Câu 28: Trên đường từ Ai-cập trở về, *Antiochus* tấn công Giê-ru-sa-lem, giết 80 ngàn người Do-thái, bắt 40 ngàn người và bán 40 ngàn người làm tôi mọi. Câu 29: *Antiochus* lại xâm lăng Ai-cập. Nhưng hạm đội La-mã bắt buộc hắn phải rút lui. Câu 30-31: Hắn trút cơn thạnh nộ trên thành Giê-ru-sa-lem, và trong lúc điên cuồng, hắn xúc phạm cả Ðền thờ. Câu 32: Có những người Do-thái bội đạo giúp đỡ hắn. Câu 32-35: Sự nghiệp hiển hách của các anh em *Macchabées* anh dũng.

Về câu 36-45, thì có ý kiến khác nhau, có người nói rằng nó luận về *Antiochus Epiphane*: người thì cho là chỉ về thời kỳ Hồi giáo chiếm Ðất Thánh; người thì tưởng là chỉ về *Antichrist*, người lại cho là chỉ về cả ba và "đã bắt đầu ứng nghiệm lần đầu."

**Ðoạn 12 -- Kỳ cuối cùng**

Ðể chấm dứt bức họa các thời kỳ và biến cố của lịch sử thế giới, Ða-ni-ên lẹ làng tiến tới kỳ cuối cùng (câu 4, 9, 13), là lúc sẽ có tai nạn chưa từng thấy (câu 1), theo sau có sự sống lại của kẻ chết và sự vinh hiển đời đời cho các thánh đồ (câu 2, 3).

"Có tai nạn, đến nỗi từ khi mới có nước đến kỳ đó cũng chẳng có như vậy bao giờ" (câu 1). Câu nầy không phải là không thể ứng dụng cho thế hệ chúng ta: Nào khảo đả, đau đớn và chết mất của nhiều toàn thể dân tộc, do tay bọn độc tài như quỉ sứ. Có lẽ không khốc liệt hơn những sự hung bạo do tay của *Antiochus, Titus,* các hoàng đế La-mã và các thủ lãnh Giáo hội của thời Tôn giáo Pháp đình *(Inquisition),* nhưng với một mực độ vô song trong tất cả lịch sử từ trước đến nay. Nhưng chưa đến cuối cùng đâu.

"Nhiều kẻ sẽ đi qua đi lại, và sự học thức sẽ được thêm lên" (câu 4). Ðó là đặc điểm của kỳ cuối cùng. Ðiều nầy cũng ứng dụng cho thế hệ chúng ta, chớ không còn ứng dụng cho thế hệ nào khác: Xe lửa, xe hơi, tàu biển, phi cơ, sách vở, báo chí, máy thâu thanh, đó là những phương pháp du hành và phổ biến trí thức với một mực độ chưa hề có ai mơ tưởng trong bất cứ thời kỳ lịch sử quá khứ nào.

Và ngày nay, trên hết mọi sự đó, đã có bom nguyên tử, làm cho lòng người ta khủng khiếp đến nỗi ta tự hỏi phải chăng mình thật đang sống trong thời kỳ mà Ðức Chúa Jêsus phán là khung cảnh tái lâm của Ngài: "Dưới đất, dân các nước sầu não, rối loạn vì biển nổi tiếng om sòm và sóng đào. Người ta nhơn trong khi đợi việc hung dữ xảy ra cho thế gian, thì thất kinh, mất vía" (Lu-ca 21:25-26)?

**Ô-sê**

**Nước Y-sơ-ra-ên bội đạo sẽ bị xua bỏ  
Nhiều nước khác sẽ được kêu vô**

Ô-sê là một tiên tri của nước phía Bắc: Ông gọi vua nước ấy là "vua chúng ta" (7:5). Ông truyền giảng cho nước phía Bắc, và thỉnh thoảng có nói đến nước Giu-đa .

**Niên hiệu của Ô-sê**

Vào khoảng 40 năm sau chót của nước phía Bắc. Ông bắt đầu chức vụ khi nước Y-sơ- ra-ên, dưới đời trị vì của Giê-rô-bô-am II, lên tới tuyệt điểm hùng cường (xem ở dưới II Các vua 14). Như vậy, ông chứng kiến lúc nước ấy suy vong mau lẹ. Ông đồng thời với A-mốt, nhưng trẻ tuổi hơn. Ông cũng đồng thời với Ê-sai và Mi-chê, nhưng cao tuổi hơn hai ông nầy. Lúc còn là con trẻ, có lẽ ông được biết Giô-na. Ông đã nói tiên tri dưới đời trị vì của Ô-xia, Giô-tham, A-cha, Ê-xê-chia, là các vua Giu-đa, và dưới đời trị vì của Giê-rô-bô-am II, vua Y-sơ-ra-ên. Niên hiệu suýt soát của các vua nầy là:

**Các vua của Y-sơ-ra-ên, nước phía Bắc**

Giê-rô-bô-am II (790-749). Một đời trị vì rất thạnh vượng. Ô-sê bắt đầu chức vụ.

Xa-cha-ri (748). Trị vì 6 tháng. Bị Sa-lum giết.

Sa-lum (748). Trị vì 1 tháng. Bị Ma-ha-nem giết.

Ma-na-hem (748-738). Tàn ác không thể nói xiết. Là bù nhìn của A-si-ri.

Phê-ca-hia (738-736). Bị Phê-ca giết.

Phê-ca (748-730). Bị Ô-sê giết. Dân xứ Ga-li-lê bị bắt làm phu tù (734).

Ô-sê (730-721). Thành Sa-ma-ri sụp đổ (721). Nước phía Bắc cáo chung.

**Các vua của Giu-đa, nước phía nam**

Ô-xia (787-735). Một vua tốt**. Ô-sê** bắt đầu chức vụ.

Giô-tham (749-734). Một vua tốt.

A-cha (741-726). Rất gian ác. Dân xứ Ga-li-lê bị bắt làm phu tù (734).

Ê-xê-chia (726-697). Một vua tốt. Thành Sa-ma-ri sụp đổ (721).

Một vài niên hiệu nầy lấn qua niên hiệu khác và rất lộn xộn. Vậy, thời gian tối đa mà Ô-sê có thể đã nói tiên tri là từ 790 đến 697 T.C., và thời gian tối thiểu là từ 750 đến 725 T.C.. Giả định rằng chức vụ ông kéo dài qua một phần lớn đời trị vì của Giê-rô-bô-am và Ê-xê-chia, thì có lẽ ta đặt ông vào khoảng 760-720 là chắc đúng hơn. Ô-sê sống tới đời trị vì của Ê-xê-chia, và cũng đồng thời với 6 vua của nước phía Bắc theo sau Giê-rô-bô-am. Những vua nầy không được kể tên ra có lẽ vì đời họ trị vì rất ngắn: 6 vua trong vòng 20 năm, mà 4 vua bị mưu sát. Ðó là một thời kỳ hung bạo, dã man kèm theo sự hấp hối của quốc gia.

**Tình hình**

Chừng 200 năm trước thời Ô-sê, 10 chi phái trong số 12 chi phái đã ly khai với nước Ða-vít và lập một nước độc lập, lấy bò con vàng làm thần chánh thức của nước. Trong thời gian ấy, Ðức Chúa Trời đã sai các tiên tri, Ê-li, Ê-li-sê, Giô-na, A-mốt, và bây giờ Ô-sê đến cùng dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng họ kiên quyết không chịu quay về với Ðức Giê-hô-va, và đã sa xuống hố thờ lạy hình tượng gớm ghiếc ngày càng sâu hơn.

**Ðoạn 1, 2, 3 -- Vợ của Ô-sê**

Ðức Chúa Trời truyền cho Ô-sê "hãy đi, lấy một người vợ gian dâm" (câu 1, 2 -- có thể dịch là: "vợ giang hồ"). Là "Tân phụ" của Ðức Giê-hô-va (Ê-xê-chi-ên 16:8-15), Y-sơ-ra-ên đã lìa bỏ Ngài, buông mình thờ lạy các thần khác, chẳng khác gì đờn bà có chồng lại hiến mình cho một người đờn ông khác. Vậy, "vợ gian dâm" là một danh hiệu thích hợp cho toàn thể quốc gia đã phạm tội tà dâm thiêng liêng, chớ không phải chỉ gồm ý rằng Gô-me là một người đờn bà phóng túng. Một vài nhà chuyên học Kinh Thánh giải thích khúc sách nầy theo nghĩa bóng, cho là một sự hiện thấy chứng minh tội bội đạo khủng khiếp, lìa xa Ðức Chúa Trời chơn thật.

Tuy nhiên, lời lẽ giản dị và tự nhiên gồm ý rằng đây là một sự từng trải thật trong đời sống của Ô-sê; lời giải thích thường được nhìn nhận là: Ô-sê, tiên tri của Ðức Chúa Trời, thật đã được Ngài truyền lịnh phải cưới một người đờn bà bất trinh để tượng trưng lòng yêu thương của Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên. Hoặc giả người đờn bà nầy lúc đầu trinh khiết, nhưng sau, đã tỏ lòng bất trinh, lìa bỏ ông mà trở nên tình nhơn của một người có thể làm thỏa mãn sự ham chuộng xa hoa của nàng nhiều hơn. Nhưng Ô-sê vẫn yêu thương nàng và chuộc nàng lại (3:1-2). Sự thờ lạy hình tượng ở khắp xứ có kèm theo những thói tục vô đạo (4:11-14), nên đờn bà khó giũ mình trinh khiết, và chắc hầu hết phụ nữ đương thời ấy mắc tội "gian dâm" (giang hồ) theo nghĩa đen. Chắc Ô-sê phải cưới một người đờn bà thuộc loại ấy, hoặc không cưới ai hết.

Một phần lời lẽ ứng dụng cho gia đình Ô-sê theo nghĩa đen, một phần ứng dụng cho dân tộc Y-sơ-ra-ên theo nghĩa bóng; lại một phần ứng dụng cho cả hai, nghĩa đen và nghĩa bóng kế tiếp nhau. "Các câu nói của Ô-sê rơi xuống như tiếng đập của trái tim tan vỡ."

**Ô-sê chuộc vợ lại** (3:1-5).-- Ông chuộc nàng lại, nhưng bảo nàng phải ở riêng trong một thời gian, để dự ngôn cụ thể về dân Y-sơ-ra-ên "sẽ trải qua nhiều ngày không vua, không quan trưởng, không của lễ" trước khi quay về với Giê-hô-va, Ðức Chúa Trời mình, và Ða-vít, vua mình (câu 3-4).

**Con cái.--** Chẳng những sự cưới vợ của Ô-sê minh chứng cho điều ông rao giảng, song ông cũng đặt tên cho con cái hợp với những sứ điệp chánh yếu của đời ông. "Gít-rê-ên" (1:4, 5) là con trai đầu lòng của ông. Gít-rê-ên là thành mà Giê-hu đã phạm tội đổ huyết rất tàn ác (II Các vua 10:1-14). Thung lũng Gít-rê-ên (ngày nay gọi là Ách-ca-lôn) là chiến trường lâu đời tại đó nước Y-sơ-ra-ên hầu sụp đổ. Bởi đặt tên con trai là Gít-rê-ên, Ô-sê nói với vua và toàn dân rằng: Giờ báo trả và hình phạt đã điểm!

"Lô-ru-ha-ma" (1:6) là tên đứa con thứ hai, và nghĩa là: "Không còn sự thương xót" cho Y-sơ-ra-ên nữa, mặc dầu Giu-đa được trì hoãn (câu 7). "Lô-am-mi" là tên đứa con thứ ba (1:9), nghĩa là: Chẳng phải là dân Ta nữa." Ðoạn, ở 2:1, Ô-sê nhắc lại hai tên không có chữ "Lô" (nghĩa là: không), để tỏ ra thời kỳ họ lại được làm dân của Ðức Chúa Trời. Và bằng lời song quan *(jeu de mots),* ông dự ngôn ngày mà nhiều dân khác sẽ được gọi là dân Ðức Chúa Trời (1:10). Phao-lô đã trưng dẫn câu nầy, cho là nó chỉ về sự rao giảng Tin Lành cho các dân ngoại (Rô-ma 9:45).

**Ðoạn 4 -- "Ép-ra-im sa mê thần tượng"** (câu 17)

Sự thờ lạy hình tượng là nguồn gốc các trọng tội khủng khiếp của họ (câu 1-3). Các thầy tế lễ sống bằng tội lỗi của dân (câu 4-10). Các thiếu nữ là điếm đĩ; đờn bà có chồng rồi thì tiếp đờn ông khác, đờn ông thì đi tẻ với phường điếm đĩ (câu 11-14). Giu-đa (câu 15) không sa ngã vào vòng thờ lạy hình tượng quá thấp như Y-sơ-ra-ên, nên còn đứng được chừng 100 năm sau khi Y-sơ-ra-ên bị hủy diệt. "Ghinh ganh" (câu 15) là một trung tâm của sự thờ lạy hình tượng; người ta cho rằng Ghinh ganh ở cách Bê-tên chừng 7 dặm về phía Tây-bắc. "Bết-A-ven" (câu 15) là một tên khác của Bê-tên, "tổng hành dinh" thờ lạy hình tượng của nước phía Bắc. "Ép-ra-im" (câu 17) là chi phái rộng lớn nhứt và ở chính giữa các chi phái phía Bắc, nên đã trở thành tên của cả nước phía Bắc. "Gió" (câu 19) đã cuốn quốc gia tội lỗi dưới cánh nó để đem đi đến một xứ khác. Ðây là một cách nói bóng rất mạnh mẽ!

**Ðoạn 5 -- "Ép-ra-im sẽ nên hoang vu"** (câu 9)

Các thầy tế lễ, vua và dân đều "là kẻ bạn nghịch" cùng Ðức Chúa Trời (câu 1-3). Họ dầm mình trong tội lỗi, lấy thế làm kiêu hãnh, và "công việc chúng nó làm ngăn trở chúng nó về cùng Ðức Chúa Trời mình" (câu 4-5). "Những con cái ngoại tình" (câu 9) là con sanh với bọn đờn ông không phải là chồng mình. "Ðã bằng lòng theo điều răn của loài người" (câu 11): Câu nầy chỉ về các mạng lịnh mà Giê-rô-bô-am I đã "tự chọn lấy" (I Các vua 12:28-33) khi mới lập nước phía Bắc. "Ði đến cùng người A-si-ri" (câu 13): Vua cố gắng tiến cống quân A-si-ri để chúng kéo đi (II Các vua 15:19), nhưng vô hiệu.

**Ðoạn 6 -- "Bọn thầy tế lễ cũng giết người và làm sự gian dâm"** (câu 9, 10)

"Ngày thứ ba" (câu 2): Có nghĩa là sau một thời gian ngắn, Y-sơ-ra-ên sẽ được khôi phục. Người ta thường hiểu rằng đây là ngụ ý nói trước về Ðấng Mê-si sống lại nhằm ngày thứ ba. "Ga-la-át" (câu 8) và "Si-chem" (câu 9) là hai đô thị trọng yếu của xứ, và đặc biệt gớm ghiếc vì là trung tâm của hư hoại và hung bạo. "Khi Ta đem phu tù của dân Ta trở về" (câu 11): Có lẽ đây là đầu của câu 1, đoạn 6.

**Ðoạn 7 -- "Hết thảy chúng nó đều tà dâm"** (câu 4)

"Chúng nó thảy đều nóng hừng như lò lửa, nuốt các quan xét mình; hết thảy các vua chúng nó đều bị sụp đổ" (câu 4, 7): Có lẽ chỉ về thời kỳ dân phóng túng theo tình dục và hung bạo, trong đó, 4 vua của họ đã bị mưu sát mau lẹ liên tiếp, ngay cả lúc Ô-sê đang giảng dạy. "Bánh chưa quay" (câu 8): Bị thiêu cháy một bên, còn bên kia thì sống, không sao ăn được. "Tóc... lém đém" (câu 9) là triệu chứng của ngày cuối cùng gần đến. "Bò câu ngây dại" (câu 11) tìm kiếm sự tiếp trợ của Ai-cập, rồi của A-si-ri, là hai nước địch thủ.

**Ðoạn 8 -- "Chúng nó đã gieo gió và sẽ gặt bão lốc"** (câu 7)

"Chúng nó đã lập vua mà không bởi Ta" (câu 4). Ðức Chúa Trời đã chỉ định nhà Ða- vít cai trị dân Ngài. 10 chi phái nầy loạn nghịch và lập một dòng vua khác cho mình (I Các vua 12:16-33). "Ðã hối lộ cho những kẻ yêu nó" (câu 9): o bế người A-si-ri bằng cách tiến cống (II Các vua 15:19-20), song chỉ trì hoãn tai họa được ít lâu (câu 10).

**Ðoạn 9 -- "Gớm ghiếc như vật chúng nó đã yêu"** (câu 10)

"Trở về Ê-díp-tô" (câu 3), không phải theo nghĩa đen (xem 11:5), nhưng là mang ách tôi mọi của A-si-ri, giống như ách của Ai-cập trước kia, mặc dầu sau cuộc lưu đày, nhiều người Do-thái thật đã định cư ở Ai-cập.

"Kẻ tiên tri là dại dột" (câu 7): Hoặc đây là ý kiến của Ô-sê đối với các tiên tri giả, hay có lẽ đúng hơn, là ý kiến của dân chúng đối với Ô-sê. "Chúng nó bại hoại rất sâu" (câu 9) như đương thời thành Ghi-bê-a, tại đó một người đờn bà bị bọn đờn ông giống như thú vật cưỡng hiếp cả đêm (Các quan xét 19:24-26). "Chúng nó sẽ đi dông dài trong các nước" (câu 17): Sự lưu lạc nầy bắt đầu lúc Ô-sê còn sanh tiền, và cứ tiếp tục tới ngày nay, không chút giảm bớt, không chút xót thương.

**Ðoạn 10 -- "Sự vinh hiển nó (Bê-tên) đã biến mất** (câu 5)

"Những bò con của Bết-A-ven" (câu 5 -- Bết-A-ven tức là Bê-tên) sẽ bị bể nát (8:5). Gai gốc và chà chôm sẽ mọc trên bàn thờ chúng nó (câu 8). "San-man" (câu 14) có lẽ là Sanh-ma-na-se. "Bết-[1]t-bên) là một nơi trong miền Ga-li-lê, đã bị Sanh-ma-na-se đối đãi kinh khủng (II Các vua 17:3).

**Ðoạn 11 -- "Thể nào Ta bỏ được ngươi?"** (câu 8)

"Ra khỏi Ê-díp-tô" (câu 1): Câu nầy được trưng dẫn ở Ma-thi-ơ 2:15 để chỉ về việc cha mẹ của Ðức Chúa Jêsus chạy trốn qua Ai-cập. Dân tộc của Ðấng Mê-si được kêu gọi ra khỏi Ai-cập lúc còn ấu trĩ thể nào, thì chính Ðấng Mê-si cũng được kêu gọi ra khỏi Ai-cập lúc còn ấu trĩ thể ấy. "Dân Ta quyết ý trái bỏ Ta" (câu 7), nhưng lòng Ðức Chúa Trời vẫn thương xót họ (câu 8). "Ðến từ Ê-díp-tô" (câu 11): chắc chỉ về một thời sau, vì câu 5 vừa mới tỏ quyết rằng họ không bị lưu đày ở Ai-cập.

**Ðoạn 12 -- "Ngài đã gặp người tại Bê-tên"** (câu 5)

"A-si-ri" và "Ê-díp-tô" (câu 2): Nền ngoại giao xảo trá của Y-sơ-ra-ên kết ước bí mật với A-si-ri và Ai-cập, là hai nước cừu địch, thì chắc sẽ gây nên tai họa. "Bê-tên" (câu 4), trung tâm sự thờ lạy hình tượng gớm ghiếc của họ, là chính chỗ mà Gia-cốp, tổ phụ họ, đã dâng đời sống cho Ðức Chúa Trời (Sáng thế ký 28:13-15). "Các kẻ tiên tri" (câu 11) mà họ gọi là những người "dại dột" (9:7), thì đã cứu vớt và tạo lập Y-sơ-ra-ên (câu 13).

**Ðoạn 13 -- "Chúng nó cứ phạm tội càng ngày càng thêm"** (câu 2)

"Vì cớ Ba-anh mà phạm tội" (câu 1). Sự thờ lạy Ba-anh thêm vào sự thờ lạy bò con dưới đời trị vì của A-háp (I Các vua 16:31-33), là bịnh truyền nhiễm gây cho quốc gia phải chết mất. "Hỡi sự chết" (câu 14): Ðây là lời hứa cho quốc gia phục sanh, được trưng dẫn ở I Cô-rinh-tô 15:55, làm lời hứa về tín đồ Ðấng Christ được phục sanh phần thân thể.

**Ðoạn 14 -- "Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy trở lại cùng**

**Giê-hô-va Ðức Chúa Trời ngươi"** (câu 1)

Tân phụ ngoan cố của Ðức Giê-hô-va sẽ quay về với Chồng mình, và lại hưởng sự yêu thương của Ngài, y như đương thời thanh xuân của nàng (2:14-20).

Sách Ô-sê luận về 4 điểm: Dân Y-sơ-ra-ên thờ lạy hình tượng, phạm tội ác, bị lưu đày và được khôi phục. Hầu hết mỗi câu là một khúc sách luận về một trong bốn điểm ấy, và dường như câu nọ chẳng có liên lạc với câu kia.

Ô-sê đã phải đối phó với một tình trạng lộn xộn và ô uế mà ta thấy bất cứ chỗ nào trong Kinh Thánh. Sự hư hoại tới mức thú vật của dân chúng thật đã vượt quá trí tưởng tượng, đến nỗi không thể tin là có như vậy. Tuy nhiên, Ô-sê chịu khó nhọc và đau khổ không ngừng để khiến họ thấy rằng **Ðức Chúa Trời Còn Yêu Thương Họ**. Thật là một quyển sách lạ lùng!

**Giô-ên**

**Một tai vạ cào cào  
Ngày của Ðức Chúa Trời hầu đến  
Dự ngôn về hoàng kim thời đại  
Ðức Thánh Linh đổ xuống**

Sách nầy luận về sự phán xét hầu đến, cũng như sách Sô-phô-ni. Cũng dự ngôn về mùa gặt của trái đất như sách Khải Huyền vậy (3:13, 14; Khải Huyền 15:15, 16).

**Niên hiệu của Giô-ên**

Không được chỉ tỏ trong chính sách nầy. Ông thường được kể là một trong những tiên tri đầu tiên của nước Giu-đa, về thời vua Giô-ách (khoảng 830 T.C.), hoặc có lẽ dưới đời trị vì của Ô-xia (khoảng 750 T.C.).

**Ðoạn 1:1-2:27 -- Tai vạ cào cào**

Ðất nước bị tàn phá bởi một nạn đói kém khủng khiếp, gây nên do một tai vạ cào cào từ trước chưa từng có, theo sau có cơn hạn hán kéo dài. Cào cào là một loài sâu bọ, giống như con châu chấu lớn. Bốn tên khác nhau ở 1:4 chỉ tỏ bốn loại cào cào, hoặc bốn giai đoạn gia tăng khác nhau. Những đội quân cào cào đông đúc như đám mây che tối mặt trời, ào xuống mặt đất, ăn nuốt hết cây cỏ, nên dân chúng phải quì gối cầu nguyện. Ðức Chúa Trời nghe tiếng kêu la của họ, cất bỏ hết cào cào và hứa ban một kỷ nguyên thạnh vượng. Tai vạ hiến cho tiên tri cơ hội để nói về một sự đoán phạt hầu đến khủng khiếp hơn. Những cào cào đó gợi cho ta nghĩ đến, hoặc có thể làm hình bóng về cào cào ở sách Khải Huyền 9:1-11 (đây lại dịch là "châu chấu").

**Ðoạn 2:38-3:21 -- Ngày của Ðức Chúa Trời hầu đến**

Trong sách Công vụ các sứ đồ 2:17-21, Phi-e-rơ trưng dẫn Giô-ên 2:28-32 và nói đó là dự ngôn về "ngày" mà ông đang khai mạc. Ấy có nghĩa rằng Ðức Chúa Trời định dùng khúc sách nầy để nói tiên tri về kỷ nguyên Tin Lành. Ðó sẽ là ngày đoán phạt các dân (3:1-12). Ðối với chính Giô-ên, thì có nghĩa là các dân thù nghịch đương thời ông, tức là người Si-đôn, Phi-li-tin, Ai-cập và Ê-đôm (3:4, 19). Nhưng còn hơn nữa. Trận đánh lớn ở thung lũng Giô-sa-phát, nay là thung lũng Xết-rôn ở phía Ðông Giê-ru-sa-lem (3:9-12), đã được nói đến chung với mùa gặt (câu 13), với "trũng đoán định" (câu 14), với "Ðức Giê-hô-va làm cho vang tiếng mình ra từ Giê-ru-sa-lem" (câu 16), với "các từng trời và đất đều rúng động" (câu 16), với "một cái suối sẽ ra từ nhà Ðức Giê-hô-va" (câu 18), -- mọi sự nầy là phần tiếp tục ý tưởng về Ðức Thánh Linh ở 2:28-32. Như vậy, về toàn thể, khúc sách dường như cốt để mô tả thời đại của đạo Ðấng Christ, trong đó Lời Ðức Chúa Trời (thể hiện bằng Tin Lành Ðấng Christ và do ảnh hưởng từ ái của Ðức Thánh Linh đem đến cho cả loài người) sẽ là lưỡi hái của mùa gặt linh hồn vĩ đại. Những kẻ nào chối bỏ sứ diệp của Tin Lành, ắt tự chuộc lấy sự đoán phạt khủng khiếp hơn tai vạ cào cào. Một phần lời lẽ đặc biệt chỉ về khởi điểm của kỷ nguyên, và một phần chỉ về kỳ sau rốt.

**A-mốt**

**Y-sơ-ra-ên bội đạo và làm gian ác  
Sự đoán phạt chắc chắn  
Sự khôi phục  
Vinh quang tương lai của nước Ða-vít**

Lời tiên tri nầy dường như đã được nói ra trong dịp thăm viếng Bê-tên (7:10-14), chừng 30 năm trước khi Y-sơ-ra-ên suy vong.

A-mốt là một tiên tri của Giu-đa, nước phía Nam, có truyền sứ điệp cho Y-sơ-ra-ên, nước phía Bắc, dưới đời trị vì của Ô-xia, vua Giu-đa (787-735 T.C.), và Giê-rô-bô-am II, vua Y-sơ-ra-ên (790-749 T.C.), xem 1:1 -- Sử gia *Josèphe* nói rằng "cơn động đất" (1:1) xảy ra cùng một lúc Ô-xia bị bịnh phung (II Sử ký 26:16-21). Ðó là lúc Giô-tham bắt đầu đồng trị, chừng năm 749 T.C.. Như vậy, lời tiên tri của A-mốt nói ra khoảng năm 751 T.C..

Ðời trị vì của Giê-rô-bô-am II rất thành công. Nước được mở rộng nhiều lắm (II Các vua 14:23-29). Mức thạnh vượng của Y-sơ-ra-ên lên như thủy triều; nhưng họ cứng lòng trong sự thờ lạy hình tượng, và đời đạo đức xông mùi thúi tha, hư hoại. Cả đất nước đầy dẫy sự chưởi rủa, trộm cắp, bất công, hà hiếp, cướp bóc, tà dâm và sát nhân.

Mười chi phái ly khai với nước Ða-vít đã gần được 200 năm (kể từ năm 933 T.C.), và đã dựng nước độc lập ở phía Bắc, lấy sự thờ lạy bò con làm quốc giáo (II Các vua 12:25-33). Trong một phần thời gian nầy, họ cũng theo sự thờ lạy Ba-anh, và nhiều thói tục gớm ghiếc trong sự thờ lạy hình tượng của người Ca-na-an vẫn còn thạnh hành. Trong thời gian nầy, Ðức Chúa Trời đã sai Ê-li, rồi Ê-li-sê, rồi Giô-na. Nhưng vô ích, dân Y-sơ-ra-ên cứ cứng lòng trong sự thờ lạy hình tượng và sự gian ác; bấy giờ họ tiến mau tới chỗ hủy diệt, thì Ðức Chúa Trời lại sai A-mốt và Ô-sê để cố gắng lần chót, mong giữ dân tộc khỏi điên cuồng nhào tới chỗ chết.

**Những người đồng thời với A-mốt**

Lúc còn thiếu niên, có lẽ A-mốt đã biết Giô-na và nghe Giô-na kể lại cuộc thăm viếng thành Ni-ni-ve. Cũng có lẽ ông đã biết Ê-li-sê và nghe Ê-li-sê kể lại việc mình liên kết với Ê-li. Khi A-mốt bước lên sân khấu, thì Giô-na và Ê-li-sê vừa rời khỏi đó. Có lẽ ông đã nói đến tai vạ cào cào trong đời Giô-ên (4:9). Ô-sê là bạn đồng sự với A-mốt. Có lẽ ông có mặt tại Bê-tên đương lúc A-mốt tới thăm. Chắc hẳn hai ông quen biết nhau lắm, và có lẽ thường trao đổi ý kiến về các sứ điệp mà Ðức Chúa Trời đã truyền cho mình. Ô-sê trẻ tuổi hơn, nên cứ tiếp tục chức vụ sau khi A-mốt đã qua đời. Lại nữa, khi A-mốt chấm dứt chức vụ, thì Ê-sai và Mi-chê bắt đầu chức vụ. Cả hai ông lúc còn thiếu niên có lẽ đã nghe A-mốt rao giảng. Ðức Chúa Trời dấy lên những tiên tri, chẳng khác gì ngân hà sáng chói biết bao, để cố giải thích cho người Y-sơ-ra-ên hiểu sự đoán phạt và giúp họ tránh khỏi sự đoán phạt đó!

**Ðoạn 1, 2 -- Sự đoán phạt nước Y-sơ-ra-ên và các nước lân cận**

A-mốt mở đầu bằng một bản cáo tội chung cả một miền, gồm tám nước: Sy-ri, Phi-li-tin, Phê-ni-xi, Ê-đôm, Am-môn, Mô-áp, Giu-đa, và Y-sơ-ra-ên. Rồi ông chuyên chú vào Y-sơ-ra-ên. Ông tố cáo mỗi nước bằng cùng một công thức: "Tội ác... đến gấp ba, gấp bốn lần." Ông cũng chỉ rõ người tội ác đặc biệt của họ, và báo cáo rằng họ sẽ bị hủy diệt, bị lưu đày. "Ðày làm phu tù" là một trong những từ ngữ chánh yếu của sách nầy (1:5, 15; 5:5, 27; 6:7; 7:9, 17). Trong vòng 50 năm, những dự ngôn nầy đã được ứng nghiệm. Số ít người thoát khỏi tay quân A-si-ri, thì về sau đã ngã trước quân Ba-by-lôn và quân Hy-lạp.

"Thê-cô-a" (1:1), quê hương của A-mốt, ở cách Giê-ru-sa-lem 10 dặm về phía Nam và cách Bết-lê-hem 5 dặm, trên một ngọn núi cao gần 900 thước Tây. Ðây là miền đồng cỏ trống trải, trông xuống đồng vắng Giu-đê; Thê-cô-a ở cùng một khu vực mà theo như người ta tưởng, 8 thế kỷ sau, chính Giăng Báp-tít được trưởng dưỡng. A-mốt chẳng phải là thầy tế lễ, hoặc tiên tri chuyên nghiệp, (7:14), nhưng là một kẻ chăn chiên và trông nom cây sung. Cây sung là một loại cây vả, kém về phẩm, là sự pha giống giữa cây vả và cây dâu.

"Cơn động đất" (1:1) chắc đã rùng rợn lắm, vì 200 năm sau, người ta còn nhớ nó, và nó được ví sánh với ngày phán xét (Xa-cha-ri 14:5). Cơn động đất xảy ra 2 năm sau khi A-mốt nói lời cảnh cáo, nên dân chúng chắc cho nó là bất thường.

**Ðoạn 3 -- Các cung điện xa hoa ở Sa-ma-ri**

Sa-ma-ri, thủ đô của nước phía Bắc, ở trên trái đồi cao chừng 100 thước Tây, trong một thung lũng đẹp tuyệt vời, ba phía có núi non bao bọc, khó ai chiếm được nó. Song những cung điện của nó xây dựng bằng máu của kẻ nghèo (2:6-7; 3:10; 5:11; 8:4-7), do một sự tàn nhẫn mà cả đến người Ai-cập và người Phi-li-tin thờ lạy hình tượng cũng phải lấy làm phẫn nộ (câu 9-10). Tuy nhiên, ngày đoán phạt họ đã gần (câu 11).

Bê-tên (câu 14), nơi A-mốt truyền giảng, là trung tâm tôn giáo của nước phía Bắc, cách Giê-ru-sa-lem 12 dặm về phía Bắc, và là một trong hai chỗ mà Giê-rô-bô-am đã dựng bò con bằng vàng lên (I Các vua 12:25-33); bò con vàng còn ở đó (Ô-sê 13:2). A-mốt đến trung tâm thờ lạy hình tượng bại hoại nầy để cảnh cáo dân bội đạo lần chót.

**Ðoạn 4 -- "Khá sửa soạn mà gặp Ðức Chúa Trời ngươi"** (câu 12)

Bọn phụ nữ Sa-ma-ri được nuông chiều (câu 13), đang sống trong xa hoa, phóng túng, hưởng lợi chắt bóp được của dân nghèo. A-mốt gọi họ là "những bò cái của Ba-san" (câu 1), là những súc vật được nuôi mập, chờ ngày làm thịt. Mấy năm sau, họ sẽ bị "người ta... dùng móc bắt đi" (câu 2). Quân A-si-ri thật đã dùng móc, móc vào môi bọn phu tù mà dẫn đi.

Sự mộ đạo của Y-sơ-ra-ên (câu 4-5). Họ tàn ác, chẳng chút thương xót ai, nhưng lại nhiệt thành mộ đạo, thật là châm biếm tôn giáo biết bao!

Ðức Chúa Trời nhiều lần cố gắng cứu họ (câu 6-13), nhưng vô ích. Thì giờ đã điểm để dân tộc gian ác gặp Ðức Chúa Trời mình,

**Ðoạn 5 -- Ngày của Ðức Giê-hô-va**

Có lời than vãn vì dân Y-sơ-ra-ên suy vong (câu 1-3), và thêm một lời kêu gọi họ quay về với Ðức Giê-hô-va (câu 4-9), cùng lời tố cáo các đường lối gian ác của họ (câu 10-27). Câu 18-26 dường như tỏ ra họ hoặc tưởng rằng dâng tế lễ cho bò con tức là dâng cho Ðức Giê-hô-va qua bò con, hoặc họ sẵn lòng quay lại mà dâng tế lễ cho Ðức Giê-hô-va thay cho bò con. Nhưng cái mà A-mốt muốn không phải là tế lễ của họ, bèn là thay đổi cách sanh hoạt đi.

**Ðoạn 6 -- Cảnh phu tù**

Nhiều lần A-mốt đối chiếu sự thanh nhàn theo tư dục, sự xa hoa trong cung điện và cảm giác an ninh của các bậc thủ lãnh và người giàu có với những sự đau đớn sắp xảy đến cho họ, không sao chịu nổi. Họ là những kẻ đầu tiên sẽ cảm thấy ách tôi mọi của người A-si-ri đau đớn, xót xa dường nào.

**Ðoạn 7 -- Ba sự hiện thấy về nạn hủy diệt**

"Cào cào" (câu 1-3) tượng trưng sự hủy diệt đất nước. A-mốt cầu thay, và Ðức Chúa Trời nguôi đi.

"Lửa" (câu 4-6) là một biểu hiện khác về sự hủy diệt. A-mốt lại cầu thay, và Ðức Chúa Trời lại nguôi đi.

"Dây chuẩn mực" (câu 7-9). Thành được đo để bị hủy diệt. Ðức Chúa Trời đã nguôi đi hai lần. Nhưng chừng đó thôi. Ngài đã hình phạt nhiều lần và tha thứ nhiều lần. Song trường hợp của họ là tuyệt vọng.

"Thầy tế lễ của Bê-tên" (câu 10-17). Ta chẳng biết A-mốt ở Bê-tên bao lâu. Nhưng các lời tố cáo và cảnh cáo liên tiếp của ông đã lay chuyển cả xứ (câu 10). Thầy tế lễ bèn trình lại với Giê-rô-bô-am. Nhưng A-mốt càng ngày càng dạn dĩ hơn, và bảo thầy tế lễ rằng chính hắn sẽ bị bắt làm phu tù, và vợ hắn "sẽ buông dâm" (câu 17 -- bản tiếng Anh dịch là: "làm kỹ nữ") nghĩa là một người đờn bà chuyển qua tay bọn lính A-si-ri xâm lăng.

**Ðoạn 8 -- Giỏ trái mùa hạ**

Một biểu hiện khác về nước tội lỗi đã chín mùi để bị hủy diệt. Cũng nhắc lại các nguyên nhân: tham lam, bất lương và tàn ác đối với kẻ nghèo, chẳng chút thương xót. Nhiều lần và bằng nhiều tượng trưng, Kinh Thánh tỏ rõ rằng không có cách nào thoát khỏi hiệu quả của sự cố quyết phạm tội. Các tiên tri kêu la rằng: "Hỡi tội nhơn, hãy xây lại, xây lại, xây lại. Sao ngươi muốn chết?" Nhưng tội nhơn cứ tiến bước, vui vẻ mà đui mù, chẳng thấy sự đoán phạt chắc chắn.

**Ðoạn 9 -- Vinh quang tương lai của nước Ða-vít**

Dự ngôn thêm về sự lưu đày (câu 1-8). Trong vòng 30 năm, lời nầy đã ứng nghiệm, và nước bội đạo không tồn tại nữa.

Ngôi Ða-vít được khôi phục (câu 8-15). Các tiên tri luôn luôn lại được sự hiện thấy về những ngày tươi sáng ở bên kia bóng tối tăm. A-mốt đã sống gần Bết-lê-hem, thành của Ða-vít. Ông đau đớn trong lòng vì 10 chi phái chối bỏ ngôi vua Ða-vít mà Ðức Chúa Trời đã chỉ định cho dân Ngài, và vì suốt 200 năm, họ ngỗ nghịch, không chịu quay về ràn. Ðây, lời cuối cùng của ông: Trong đời tương lai, nước Ða-vít mà họ đã khinh dể, sẽ được khôi phục và sẽ cai trị chẳng những một nước, song là cả muôn nước trên thế giới, trong sự vinh hiển đời đời.

**Áp-đia**

**Sự đoán phạt Ê-đôm  
Người Ê-đôm**

Ê-đôm là dãy núi đá ở phía Ðông thung lũng A-ra-bi, từ Bắc tới Nam chừng 100 dặm, và từ Ðông qua Tây chừng 20 dặm. Có nhiều dòng nước và nhiều đồng cỏ. Thủ đô là Sela (Petra), ở trên một ghình đá dốc thẳng, xa tít trong hóc núi, và nhìn xuống một thung lũng đẹp đẽ lạ lùng. Người Ê-đôm thường kéo đi viễn chinh, rồi lui về những thành trì cao ngất trong hẽm núi, không ai chiếm nổi.

Người Ê-đôm là dòng dõi của Ê-sau, và như vậy, là bà con của dân Do-thái; nhưng họ bao giờ cũng là kẻ thù sâu cay của dân Do-thái để vĩnh cửu hóa mối thù giữa Ê-sau và Gia-cốp (Sáng thế ký 25:23; 27:41). Họ không cho Môi-se đi qua (Dân số ký 20:14-21), và luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ đạo quân nào tấn công dân Do-thái.

**Niên hiệu của lời tiên tri nầy**

Sở dĩ có lời tiên tri nầy là vì thành Giê-ru-sa-lem đã trải qua một cơn cướp phá, có người Ê-đôm dự phần. Có bốn lần cướp phá như vậy:

1.    Dưới đời trị vì của Giô-ram (850-843 T.C.). Xem II Sử ký 21:8, 17; A-mốt 1:6.

2.    Dưới đời trị vì của A-ma-xia (803-775 T.C.). Xem II Sử ký 25:11, 12, 23, 24.

3.    Dưới đời trị vì của A-cha (741-726 T.C.). Xem II Sử ký 28:16-21.

4.    Dưới đời trị vì của Sê-đê-kia (597-586 T.C.). Xem II Sử ký 36:11-21; Thi Thiên 137:7.

Có nhiều ý kiến khác nhau về Áp-đia luận đến cuộc cướp phá nào trong 4 cuộc trên đây.

Vì có ghi chép sự "hủy diệt" Giu-đa (câu 11-12), nên lời tiên tri nầy thường được kể là thuộc về đời trị vì của Sê-đê-kia, là lúc Giê-ru-sa-lem bị quân Ba-by-lôn thiêu hủy (568 T.C.).

Những khúc Kinh Thánh khác dự ngôn sự đoán phạt Ê-đôm là: Ê-sai 34:5-15; Giê-rê- mi 19:7-22; Ê-xê-chi-ên 25:12-14; 35:1-15; A-mốt 1:11-12.

**Lời tiên tri được ứng nghiệm**

Áp-đia nói tiên tri rằng Ê-đôm sẽ "bị diệt đời đời" và "sẽ như vốn không hề có" (câu 10, 16, 18); rằng một phần sót của Giu-đa sẽ được cứu, và Nước Ðức Chúa Trời của Giu-đa sẽ toàn thắng (câu 17, 19, 21).

Trong vòng 4 năm sau khi Giê-ru-sa-lem bị thiêu hủy, thì Ê-đôm bị tấn công và hoang vu (582 T.C.) bởi quân Ba-by-lôn mà họ đã giúp đánh Giê-ru-sa-lem. Người *Nabathéens* chiếm Ê-đôm. Số ít người Ê-đôm còn sót lại phải cư ngụ vỏn vẹn một miền ở phía Nam xứ Giu-đa, tại đó họ tồn tại 4 thế kỷ và cứ tích cực thù nghịch dân Giu-đa. Năm 126 T.C., họ bị khắc phục bởi Giăng *Hyracanus*, một quan trưởng của phái *Macchabée*, bắt buộc phải chịu phép cắt bì, rồi sáp nhập quốc gia Do-thái. Khi xứ Pa-lét-tin (Do-thái) bị quân Rô-ma chiếm (năm 63 T.C.), thì chi tộc Hê-rốt, một dòng họ Ê-đôm (Y-đu-mê), được đặt lên cai trị người Do-thái. Ðó là những người Ê-đôm cuối cùng. Khi Giê-ru-sa-lem bị phá hủy, năm 70 S.C., thì người Ê-đôm cũng biến mất khỏi lịch sử.

Giô-na

**Ðến Ni-ni-ve thi hành sứ mạng thương xót**

Ni-ni-ve là thủ đô của đế quốc A-si-ri. A-si-ri là một đế quốc bá chủ thế giới chừng 300 năm (900-607 T.C.). Nó bắt đầu dấy lên địa vị cường quốc trên thế giới vào khoảng nước Hê-bơ-rơ bị chia hai, lúc hết đời trị vì của Sa-lô-môn. Nó lần lần chiếm cứ và tiêu diệt nước Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc. Các vua A-si-ri đã có liên quan với nước Y-sơ-ra-ên và nước Giu-đa là:

Sanh-ma-na-sa II (860-825 T.C.). Bắt đầu "diệt Y-sơ-ra-ên."

*Adad-Nirari* (808-783 T.C.). Nhận cống phẩm của Y-sơ-ra-ên. **Giô-na tới viếng Ni-ni-ve** (?)

Tiếc-la-Phi-lê-se III (747-727 T.C.). Ðem hầu hết người Y-sơ-ra-ên đi đày.

Sanh-ma-na-sa IV (727-722 T.C.). Vây thành Sa-ma-ri.

Sa-gôn II (722-705 T.C.). Bắt phần sót lại của Y-sơ-ra-ên đi làm phu tù. Ê-sai.

San-chê-ríp (705-681 T.C.). Xâm lăng nước Giu-đa. Ê-sai.

Ê-sạt-ha-đôn (681-668 T.C.). Rất oai hùng.

*Assur-banipal* (668-626 T.C.). Hùng mạnh và hung ác hơn hết. **Na-hum** (?)

Hai vua nhu nhược (626-607 T.C.). Ðế quốc rộng lớn nầy sụp đổ năm 607 T.C..

Như vậy, Giô-na được Ðức Chúa Trời kêu gọi để kéo dài đời sống của nước thù nghịch đã khởi sự tiêu diệt chính nước ông. Thế thì ông chạy đi phía khác, cũng chẳng lạ gì. Các nhà Truyền đạo thường dùng Giô-na làm tỉ dụ về sự kỳ thị chủng tộc. Không đúng hẳn như vậy, nhưng do lòng yêu nước, ông khiếp sợ một guồng máy quân sự tàn bạo, không chút thương xót, đang xiết chặt dân Ðức Chúa Trời.

Giô-na quê ở Gát-Hê-phe. Ông sống dưới đời trị vì của Giê-rô-bô-am II (790-749 T.C.), và giúp phần chiếm lại một ít lãnh thổ Y-sơ-ra-ên đã mất (II Các vua 14:25). Việc nầy có lẽ đã theo sau lúc ông thăm viếng Ni-ni-ve, trong thời gian tạm yên vì thành Ni-ni-ve ăn năn ít lâu. Như vậy, Giô-na vừa là chánh khách, vừa là tiên tri, và là người có danh tiếng nhứt trong nước sau vua.

**Sách nầy có phải là lịch sử chăng?**

Lẽ tự nhiên, vì cớ truyện tích con cá, nên trí óc không tin chẳng chịu nhìn nhận sách nầy là xác thực. Họ cho nó là hoang đường, là bày đặt, hoặc một thí dụ, một thi ca bằng văn xuôi, v.v... Một cách hiển nhiên, Ðức Chúa Jêsus kể sách nầy là một thực sự lịch sử (Ma-thi-ơ 12:39-41). Phải gò ép nhiều lắm, mới có thể nói rằng Ngài đã phán về một điều khác. Ngài cho đó là một "dấu lạ" về chính sự sống của Ngài. Ngài đặt con cá, sự ăn năn của người Ni-ni-ve, sự sống lại của Ngài, và ngày phán xét vào cùng một loại. Khi Ngài phán về sự sống lại của Ngài và về ngày phán xét, thì Ngài chắc đã luận đến **Sự Thực**. Như vậy, Ðức Chúa Jêsus đã thừa nhận truyện tích Giô-na. Ðối với chúng ta, chừng đó đủ giải quyết vấn đề. Chúng ta tin rằng truyện tích ấy thật xảy ra như đã chép; rằng do lịnh của Ðức Chúa Trời, chính Giô-na đã viết sách nầy, không cốt để bào chữa hành động chẳng xứng đáng của mình; rằng do Thánh Linh của Ðức Chúa Trời hướng dẫn, sách nầy đã được đặt chung với các Sách Thánh trong đền thờ như là một phần sự khải thị của Ðức Chúa Trời về chính mình Ngài.

**Con cá.** Ðây là một con cá lớn. Ðã tìm thấy nhiều con cá lớn có thể nuốt chửng một người. Tuy nhiên, điểm chính của truyện tích nầy là: Ðó là một PHÉP Là, một cách Ðức Chúa Trời chứng minh rằng Ngài sai Giô-na đi đến Ni-ni-ve. Nếu không có pháp lạ lớn lao ấy, ắt người Ni-ni-ve ít để ý tới Giô-na (Lu-ca 11:30).

**Sự chứng quyết của khảo cổ học.** Theo chỗ chúng ta biết, thì các bi văn A-si-ri không có chép rằng thành Ni-ni-ve ăn năn. Ta chẳng nên mong thấy chép như vậy. Các vua thời xưa chỉ chép công nghiệp hiển hách của mình, chứ không hề chép sự hổ nhục của mình. Tuy nhiên, có dấu tích tỏ ra Adad Nirari đã thực hiện những cuộc cải cách giống như những cuộc cải cách của Amenophis IV ở Ai-cập. Và dưới đời trị vì của ba vua theo sau Adad-Nirari, người A-si-ri đã giảm bớt các cuộc chinh phục. Trong thời gian nầy, Y-sơ-ra-ên chiếm lại được phần lãnh thổ đã mất (II Các vua 14:25). Ðó là những điểm ngụ ý rằng Giô-na có ảnh hưởng sâu xa đến thành Ni-ni-ve.

**Mục đích của Ðức Chúa Trời trong sự trạng nầy**

Có một điều chắc chắn, là sự trạng nầy đã trì hoãn cảnh lưu đày của Y-sơ-ra-ên, vì một trong những điều mà người Ni-ni-ve ăn năn chính là sự ham hố chinh phục (3:8).

Ðức Chúa Trời dường như muốn dùng sự trạng nầy để ngụ ý dạy dân Ngài rằng Ngài cũng chú ý đến các nước khác.

Hơn nữa, Giô-na quê ở Gát-hê-phe (II Các vua 14:25), gần Na-xa-rét, quê hương của Ðức Chúa Jêsus; Giô-na là một "dấu lạ" về Ngài, và Ngài được sai đến các nước khác cũng như Giô-na vậy.

Hơn nữa, Giốp-bê[[3]](#footnote-3)(1), nơi Giô-na xuống tàu để tránh trách nhiệm giảng cho một dân tộc khác, chính là nơi, 800 năm sau, Ðức Chúa Trời đã lựa chọn để bảo Phi-e-rơ hãy tiếp nhận người thuộc về những dân tộc khác.

Hơn nữa, Ðức Chúa Jêsus trưng dẫn sự trạng nầy như là bức tranh tiên tri về Ngài sống lại nhằm ngày "thứ ba" (Ma-thi-ơ 12:40). Ðó là lời tiên tri duy nhứt trong Cựu Ước về Ngài sống lại ngày "thứ ba" (xem ở dưới Ma-thi-ơ 2:22).

Vậy, về toàn thể, truyện tích Giô-na là bức tranh lịch sử vĩ đại, làm hình bóng về Ðấng Mê-si sống lại và thi hành sứ mạng đối với muôn dân.

**Ðoạn 1 -- Giô-na chạy trốn**

Người ta nghĩ rằng "Ta-rê-si" (câu 3) là hải cảng Tartessus, thuộc Tây-ban-nha. Giô-na đi tới biên giới xa nhứt của thế giới mà người ta biết thời đó.

**Ðoạn 2 -- Lời cầu nguyện của Giô-na**

Xét lời cầu nguyện tuyệt diệu nầy, ta thấy chắc ông quen cầu nguyện theo lời lẽ của các Thi Thiên. Ông đã được cá "mửa ra trên đất khô" (câu 11), có lẽ ở gần Giốp-bê, và có lẽ được nhiều người chứng kiến.

**Ðoạn 3 -- Thành Ni-ni-ve ăn năn**

Khi giảng, chắc Giô-na có nói đến sự từng trải của mình trong bụng cá, và được nhiều người làm chứng truyện đó là thật. Vì ông nói nhơn Danh Ðức Chúa Trời của nước mà người Ni-ni-ve đã bắt đầu cướp phá, nên họ chăm chú nghe và bắt kinh khiếp.

**Ðoạn 4 -- Sự thất vọng của Giô-na**

Ông đã đến không phải để mong họ ăn năn, nhưng để báo cáo họ sắp bị đoán phạt. Nhưng khi Ðức Chúa Trời thấy họ ăn năn, thì Ngài đẹp lòng và hoãn sự hình phạt, làm cho Giô-na buồn phiền lắm. Xem thêm ở dưới sách Na-hum. Chúng tôi nghĩ rằng vẻ đẹp nhứt của sách nầy ở trong câu chót: Ðức Chúa Trời thương xót con trẻ. Ðức Chúa Trời chịu cảm động mà ngưng không hủy diệt thành Ni-ni-ve, vì lòng Ngài chẳng nỡ tàn sát con trẻ vô ti. Ðức Chúa Jêsus yêu mến con trẻ và tâm tình như con trẻ của những người lớn.

**Ni-ni-ve**

Chính thành Ni-ni-ve bề dài 3 dặm và bề rộng một dặm rưỡi. Còn thành Ni-ni-ve lớn gồm Ca-lách ở 20 dặm về phía Nam, và *Khorsabad* ở 10 dặm về phía Bắc. Khu tam giác do sông Ti-gơ-rơ và sông *Zab* tạo thành, gồm trong các chiến lũy của Ni-ni-ve.

Ca-lách, tiền đồn phía Nam của Ni-ni-ve, gồm 4 cây số vuông. Tại đây, ông *Layard* và ông *Loftus* phát giác được cung điện của *Assur-nasipal*, Sanh-ma-na-sa (và Tiêm-bi đen do vua nầy xây cất), Tiếc-la-Phi-lê-se và Ê-sạt-ha-đôn.

*Khorsabad*, tiền đồn phía Bắc của Ni-ni-ve, được xây cất bởi Sa-gôn, là vua đã hủy diệt Y-sơ-ra-ên năm 721 T.C.; cung điện của vua nầy nguy nga hơn hết, chỉ kém cung điện của San-chê-ríp.

**Gò nỗng "Giô-na."** Ðây là gò nỗng lớn thứ nhì trong số di tích của thành Ni-ni-ve, tên là "*Yunas*." Theo thổ ngữ, "*Yunas*" là "Giô-na." Gò nỗng gồm 16 mẫu tây, và cao chừng 33 thước tây. Nó chứa mộ phần danh tiếng của Giô-na. Ðối với ông Rich, đó là một bằng cớ tỏ ra đây là di tích của thành Ni-ni-ve, và nó khiến ông nhận ra di tích nầy. Người bổn xứ coi mộ phần nầy là thánh đến nỗi không cho phép đào bới đại qui mô ở gò nỗng nầy. Layard đề nghị đào cái hầm rượu cho một người bổn xứ sắp xây cất nhà, với điều kiện là ông được giữ lại bất cứ cổ vật nào mình tìm thấy. Nhờ dó, ông phát giác được di tích cung điện của Ê-sạt-ha-đôn. Người ta hy vọng một ngày kia, có thể khám phá những bí mật của cung điện nầy.

Trong nguyên văn, Gia-phô ở Giô-na 1:3 và Giốp-bê ở Công vụ các sứ đồ 10:5 là cùng một chỗ.

**Mi-chê**

**Y-sơ-ra-ên và Giu-đa sắp sửa suy sụp  
Ðấng Mê-si sẽ sanh tại Bết-lê-hem**

Mi-chê nói tiên tri dưới đời trị vì của Giô-tham (749-734 T.C.), A-cha (741-726 T.C.) và Ê-xê-chia (726-697 T.C.). Giô-tham và Ê-xê-chia là hai vua hiền đức, nhưng A-cha xấu thậm tệ. Như vậy, Mi-chê chứng kiến chánh phủ bội đạo rồi được phục hưng. Quê hương ông ở Mô-rê-sết, trên biên giới Phi-li-tin, gần Gát, cách Giê-ru-sa-lem chừng 30 dặm về phía Tây-nam. Ông đồng thời với Ê-sai và Ô-sê, giảng ở miền Tây nước Giu-đa điều mà Ê-sai giảng ở Giê-ru-sa-lem và Ô-sê giảng ở nước phía Bắc.

Mi-chê giảng cho cả Y-sơ-ra-ên và Giu-đa, và trước nhứt cho thủ đô của hai nước nầy, là Sa-ma-ri và Giê-ru-sa-lem. Ba ý tưởng chánh yếu trong bài giảng của ông là: Tội lỗi của họ, họ bị hủy diệt, rồi họ được khôi phục. Trong sách Mi-chê, ba ý tưởng nầy lẫn lộn nhau, và nhiều lần đột nhiên chuyển từ sự hoang vu hiện tại qua sự vinh hiển tương lai. Nhiều câu dường như không liên lạc với nhau. Cùng những ý tưởng ấy đã lặp đi lặp lại mãi ở các khung cảnh khác nhau, và có thêm chi tiết.

**Ðoạn 1 -- Sa-ma-ri bị phán xét**

Sa-ma-ri là thủ đô của nước phía Bắc. Các người cai trị nó phải trực tiếp chịu trách nhiệm về sự bại hoại lan tràn khắp nước (câu 5). Vì cớ bội đạo, bỏ Ðức Giê-hô-va, nên 200 năm trước, họ đã chọn theo sự thờ lạy bò con, sự thờ lạy Ba-anh cùng nhiều hình tượng khác của người Ca-na-an, Sy-ri, A-si-ri, và những thói tục kèm theo sự thờ lạy các hình tượng đó. Ðức Chúa Trời đã sai Ê-li, Ê-li-sê và A-mốt để khiến họ xây bỏ hình tượng, nhưng vô ích. Họ đã gần chín mùi để chịu một đòn chí tử. Mi-chê đã sống để thấy lời mình truyền giảng được ứng nghiệm (câu 6). Năm 734 T.C., quân A-si-ri bắt hết dân ở phía Bắc Y-sơ-ra-ên đi làm phu tù, và năm 721 T.C., chính Sa-ma-ri trở thành "một đống đổ nát" (câu 6). Những chỗ nêu tên ở câu 10-15 ở phía Tây nước Giu-đa và dọc theo biên giới Phi-li-tin; đó chính là vùng quê hương của Mi-chê. Những chỗ nầy đã bị quân A-si-ri xâm lăng và tàn phá cùng một lúc nước phía Bắc bị lật đổ.

**Ðoạn 2 -- Sự tàn ác của những kẻ cai trị**

Thêm vào sự thờ lạy hình tượng (1:5-7), giai cấp cầm quyền còn đối xử với người nghèo chẳng chút thương xót, tịch thâu ruộng đất của họ, cả quần áo họ, và trục xuất đờn bà có con nhỏ ra khỏi nhà họ. Trên hết mọi sự, giai cấp cầm quyền còn tụ tập các tiên tri giả, là kẻ dung thứ những hành động bất công và tàn ác của chúng (câu 6, 11). Mi-chê đã nói đến cảnh phu tù (1:16), tới đây, ông đột nhiên mô tả sự khôi phục của họ, có Ðức Chúa Trời đi đầu (2:12-13).

**Ðoạn 3 -- Sự tàn ác của những kẻ cai trị**

Tiếp tục tố cáo sự tàn ác, phóng túng, vô nhân đạo của giai cấp cầm quyền, và đặc biệt nói đến thành Giê-ru-sa-lem (câu 10) cùng các thủ lãnh tôn giáo (câu 5-7, 11). Lời tiên tri nầy chắc đã nói ra dưới đời trị vì của vua A-cha gian ác, mặc dầu dưới đời trị vì tốt lành của Giô-tham và Ê-xê-chia, những ti ác ấy đã bị trừ bỏ một phần nào. Tới tuyệt điểm bài tố cáo tội lỗi của họ, Mi-chê tuyên bố sự phán xét Giê-ru-sa-lem (câu 10), cũng như ông đã tuyên bố sự phán xét Sa-ma-ri ở 1:6.

**Ðoạn 4 -- Si-ôn trị vì cả thế giới**

Ðoạn 3 luận về Si-ôn tàn ác, hung bạo, bại hoại và bị hoang vu. Ðoạn 4 luận về thế giới không chiến tranh, có hạnh phước, thạnh vượng, kính sợ Ðức Chúa Trời, và có Si-ôn đứng đầu. Thật là mâu thuẫn biết bao! Mi-chê 4:1-3 cũng y như Ê-sai 2:2-4. Ðây là những lời tuyệt vời, vĩ đại, rất đáng được lặp lại. Giữa bài ca tụng tương lai đó, đột nhiên tiên tri quay lại cảnh hoạn nạn đương thời mình và sự phán xét Giê-ru-sa-lem mà ông vừa mới nói đến (3:12). Ông báo cáo rằng dân chúng sẽ bị bắt đi làm phu tù ở Ba-by-lôn (4:10). Thật là một lời tiên tri lạ lùng! Lúc đó, đế quốc A-si-ri đang xô đổ mọi vật ở trước mặt nó. Lời tiên tri nầy nói ra 100 năm trước khi đế quốc Ba-by-lôn dấy lên. Thật vậy, Giê-ru-sa-lem đã sống sót trước sự tấn công ồ ạt của quân A-si-ri, và cứ sống cho tới khi A-si-ri bị Ba-by-lôn lật đổ; chính bởi tay Ba-by-lôn mà Giê-ru-sa-lem suy sụp (năm 606 T.C.), và nhân dân Giê-ru-sa-lem bị bắt đi Ba-by-lôn làm phu tù.

**Ðoạn 5 -- Vua hầu đến của Si-ôn**

Ðoạn 4 luận về Si-ôn đứng đầu thế giới. Ðoạn 5 luận về một Vua phát xuất từ Bết- lê-hem, sẽ đứng đầu Si-ôn. 4:1-8 luận về sự vinh hiển tương lai; 4:9-10 quay lại luận về cảnh phu tù; 4:11-12 quay lại thời của tiên tri và sự vây hãm thành Giê-ru-sa-lem bởi quân A-si-ri bấy giờ đang diễn ra. 4:13 tiến mau tới tương lai. Rồi 4:14 lại trở về sự vây hãm Giê-ru-sa-lem. Ðó là khung cảnh cho **Ðấng Giải Cứu** xuất hiện từ **Bết-lê-hem** (câu 1-5). Ðối với chơn trời của Mi-chê, đó là sự giải cứu khỏi tay A-si-ri (câu 5-6); nhưng bên kia chơn trời, ở cõi xa mù mịt, thoáng hiện hình ảnh oai nghiêm của **Vua Mê-si** hầu đến. Từ cõi đời đời, Ngài đã do đường Bết-lê-hem mà xuất hiện. Theo một vài phương diện, sự giải cứu Si-ôn khỏi tay A-si-ri bởi thiên sứ của Ðức Chúa Trời (Ê-sai 37:33-37) chính là bức tranh tiên tri về sự giải cứu tương lai lớn lao hơn bởi Cứu Chúa của loài người. Nhiều dự ngôn trong Cựu Ước về Ðấng Christ đã bị lu mờ bởi những tình hình lịch sử đương thời tiên tri, song lại rõ ràng quá, không sao lầm lẫn được. Không còn nghi ngờ chi nữa, Vua đời đời xuất hiện từ Bết-lê-hem (câu 1) chính là Con Trẻ Lạ Lùng ở Ê-sai 9:6-7, đây là khúc sách độc nhứt trong Cựu Ước có nói đến rõ rằng Ðấng Christ sẽ sanh tại Bết-lê-hem (xem ở dưới Ma-thi-ơ 2:22).

**Ðoạn 6 -- Ðức Giê-hô-va tranh luận với dân Ngài**

Lại nói đến các tội lỗi đương thời Mi-chê: Nào quên ơn Ðức Chúa Trời, nào làm bộ sùng đạo, nào bất lương, nào thờ lạy hình tượng. Chắc chắn có hình phạt.

**Ðoạn 7 -- Sự đắc thắng chung kết của Si-ôn**

Mi-chê than vãn vì tình trạng phản phúc, hung bạo và khát máu lan tràn. Ông lại cảnh cáo sẽ có sự hình phạt. Kết luận, có sự hiện thấy về tương lai, là lúc Ðức Chúa Trời cùng dân Ngài sẽ chiếm địa vị cao cả, và lời hứa cho Áp-ra-ham sẽ được ứng nghiệm đầy trọn.

**Na-hum**

**Sự phán xét Ni-ni-ve**

Có hai tiên tri liên quan với Ni-ni-ve: Giô-na, khoảng năm 785 T.C.; và Na-hum khoảng năm 630 T.C.. Hai ông cách xa nhau chừng 150 năm. Giô-na truyền một sứ điệp thương xót, còn Na-hum truyền một sứ điệp phán xét. Hai ông cùng chứng minh cách Ðức Chúa Trời đối xử với các nước; Ngài kéo dài ngày ân điển, nhưng đến cuối cùng, Ngài sẽ thăm phạt tội lỗi họ.

**Con người Na-hum**

Ta ít biết về Na-hum. Ông được gọi là người "Ên-cốt" (1:1). Tên ông ở trong chữ "Ca-bê-na-um," nghĩa là: "Làng của Na-hum." Chữ nầy có lẽ tỏ ra rằng ông là một cư dân, hoặc người sáng lập Ca-bê-na-um, là thành về sau được nổi danh là trung tâm của chức vụ Ðức Chúa Jêsus. Ên-cốt, nơi ông sanh ra, có lẽ ở gần đó. Người ta nói rằng có một thành Ên-cốt trên sông Ti-gơ-rơ, cách Ni-ni-ve 20 dặm về phía Bắc, và có lẽ Na-hum đã ở giữa đoàn phu tù Y-sơ-ra-ên. Cũng có một thành Ên-cốt ở phía Nam Giê-ru-sa-lem. Nếu Ca-bê-na-um là quê hương của Na-hum, thì ông ở cùng một địa phương với Giô-na và Ðức Chúa Jêsus.

**Niên hiệu của Na-hum.--** Chính sách nầy tỏ ra nó thuộc về thời kỳ nào. Thành *Thèbes* (Nô-A-môn) đã sụp đổ năm 663 T.C.. (3:8-10). Còn thành Ni-ni-ve thì nói là sắp sụp đổ. Sự sụp đổ nầy đã xảy ra năm 607 T.C. Như vậy, Na-hum ở giữa khoảng 663 và 607 T.C. Vì Ni-ni-ve được diễn tả là ở tuyệt điểm vinh quang, và vì hoạn nạn của nó bắt đầu khi bị quân Sy-the xâm lăng (năm 626 T.C.), nên ta có thể đoán đúng nếu đặt lời tiên tri nầy sau cuộc xâm lăng của quân Sy-the ít lâu, nghĩa là chừng năm 630 T.C. Như vậy, Na-hum đồng thời với Sô-phô-ni, là tiên tri cũng dự ngôn về sự hủy diệt Ni-ni-ve bằng những lời lẽ linh động lạ lùng (Sô-phô-ni 2:13-15).

**Ðoạn 1, 2, 3 -- Sự hoàn toàn hủy diệt Ni-ni-ve**

Suốt cả ba đoạn nầy, phần thì nói về Ni-ni-ve, phần thì nói với Ni-ni-ve, sự hủy diệt Ni-ni-ve đã được dự ngôn với những chi tiết lạ lùng và linh động.

Có lẽ sự "chậm giận" của Ðức Chúa Trời (1:3) đã được ghi chép để nhắc lại lúc Giô- na đến thăm Ni-ni-ve lâu năm về trước. Suốt cả Kinh Thánh, cơn thạnh nộ của Ðức Chúa Trời đối đầu với lòng thương xót của Ngài.

Thành đổ máu sụp đổ (3:1), -- đó là một tin vui khôn xiết cho thế giới mà nó đã chà đạp, không chút thương xót, nhứt là cho nước Giu-đa.

"Như ao chứa nước" (2:8): Số lớn kinh đào bảo vệ dọc theo bờ chiến lũy khiến Ni-ni-ve thật có vẻ như vậy.

Sô-phô-ni cũng dự ngôn sự suy vong của Ni-ni-ve như thế nầy: "Kìa, thành vui vẻ nầy đã ở yên không lo lắng và nói trong lòng mình rằng: Ta đây, ngoài ta không còn ai hết! Nó đã trở nên hoang vu, làm chỗ nằm cho loài thú vật là dường nào! Phàm kẻ đi qua sẽ khoa tay mà nhạo cười! (Sô-phô-ni 2:15).

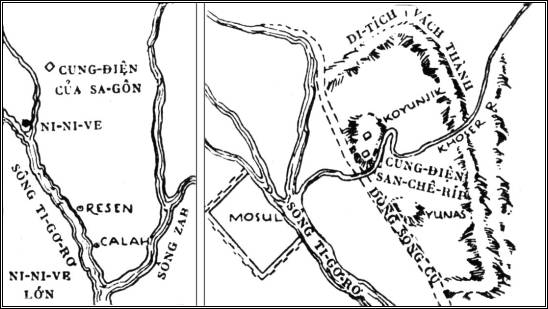
**Ni-ni-ve**

Ni-ni-ve là thủ đô của đế quốc A-si-ri, là đế quốc đã hủy diệt Y-sơ-ra-ên. Ni-ni-ve do Nim-rốt sáng lập sau nạn nước lụt ít lâu (Sáng thế ký 10:11-12). Ngay từ lúc đầu, nó đã là đối thủ của Ba-by-lôn. Ba-by-lôn ở phía Nam của thung lũng Ơ-phơ-rát, còn Ni-ni-ve ở phía Bắc của thung lũng ấy. Hai thành nầy cách nhau chừng 300 dặm. Ni-ni-ve dấy lên địa vị cường quốc bá chủ thế giới khoảng năm 900 T.C. Sau đó ít lâu. Nó bắt đầu tiêu diệt nước Y-sơ-ra-ên. Khoảng năm 785 T.C., Ðức Chúa Trời đã sai Giô-na đến Ni-ni-ve để cố gắng khiến nó xây bỏ con đường chinh phục tàn bạo. Trong vòng 60 năm sau, khoảng năm 721 T.C., đạo quân A-si-ri đã hoàn toàn tiêu diệt nước Y-sơ-ra-ên ở phía Bắc. Suốt 100 năm nữa, Ni-ni-ve ngày càng hùng mạnh và kiêu căng.

Lúc Na-hum nói lời tiên tri nầy, thì Ni-ni-ve là "nữ hoàng" của trái đất, hùng mạnh và hung bạo ngoài trí tưởng tượng; nó là thủ đô của một quốc gia hiếu chiến, xây dựng trên vật cướp được của các nước. Của cải vô tận từ đầu cùng trái đất đổ vào các kho tàng của nó. Na-hum ví sánh nó với hang sư tử cắn xé, hang thú dữ săn mồi, nuôi mình bằng huyết của các nước (2:11-13).

Thành Ni-ni-ve lớn bề dài chừng 30 dặm, bề rộng chừng 10 dặm. Nó được bảo vệ bởi 5 chiến lũy và 3 hố nước (kinh đào), do không biết bao nhiêu ngàn phu tù ngoại quốc xây cất vì buộc phải khổ sai. Giô-na nói đến 12 vạn con đỏ (Giô-na 4:11), khiến ta nghĩ rằng dân số nó gần tới 1 triệu. Chính thành Ni-ni-ve ở bên trong dài chừng 3 dặm và rộng chừng 1 dặm rưỡi, xây dựng ở nơi sông Ti-gơ-rơ và sông Khoser gặp nhau, được che chở bởi những chiến lũy cao chừng 33 thước tây, và trên mặt rộng đủ cho 4 chiến xa chạy song song. Châu vi của chiến lũy là 8 dặm.

Chính lúc Ni-ni-ve hùng mạnh tuyệt điểm và cũng là lúc nó sắp sửa thình lình bị lật đổ, thì Na-hum xuất hiện, nói lời tiên tri nầy, mà có người gọi là: "Bài ca ai điếu Ni-ni-ve," hoặc: "Loài người kêu đòi công lý."



Bản đồ số 44 -- Di tích thành Ni-ni-ve

**Ni-ni-ve 2**

**Ni-ni-ve sụp đổ,** 607 T.C. (hay là 612?). Chừng 20 năm sau khi Na-hum dự ngôn, thì một đạo quân gồm người Ba-by-lôn và người Mê-đi, vây chặt Ni-ni-ve. Sau 2 năm vây hãm, thình lình nước sông lên, làm lở một phần chiến lũy. Na-hum đã dự ngôn rằng: "Các cửa sông mở ra" cho đạo quân hủy diệt (2:6). Do chỗ trống tự nhiên đó, quân Ba-by-lôn và quân Mê-đi đang tấn công bèn ào vô và ra tay hủy diệt. Nào ngựa dậm chơn, nào roi kêu vút, nào bánh xe lọc xọc, nào chiến xa chồm lên hung hăng, nào gươm sáng loáng, nào thây chất thành núi (2:3-4; 3:1-7). Mọi sự xảy ra đúng như Na-hum đã mô tả; và kinh thành đổ máu, hư xấu kia đã chìm trong lãng quên.

Nó bị hủy diệt hoàn toàn đến nỗi người ta quên cả vị trí của nó. 200 năm sau, khi Xénophon kéo 10 ngàn quân qua đó, thì ông tưởng những gò nỗng ấy là di tích một thành của xứ Parthie. Khi A-lịch-sơn đại đế đánh trận Arbelles lừng lẫy (năm 331 T.C.), gần vị trí Ni-ni-ve, thì ông chẳng biết là đã từng có một đô thị ở đó.

**Phát giác di tích thành Ni-ni-ve.--** Mọi dấu tích về vinh quang của đế quốc A-si-ri đã biến mất trơn trọi, đến nỗi nhiều học giả bắt nghĩ rằng những đoạn Kinh Thánh và cổ sử khác nói đến nó chỉ là truyện thần tiên; rằng thật ra một kinh thành và một đế quốc dường ấy không hề có. Năm 1820, một người Anh, tên là Claude James Rich, để 4 tháng vẽ phát các gò nỗng chạy từ Mosul qua sông Ti-gơ-rơ, và ông nghi rằng đó là di tích của Ni-ni-ve. Năm 1845, ông Layard minh định được vị trí; ông và những người kế tiếp đã phát giác di tích cung điện nguy nga của các vua A-si-ri (ngày nay, tên các vua nầy đã thành ra quen thuộc) và hàng trăm ngàn bi văn trên đó ta có thể đọc lịch sử đế quốc A-si-ri đã chép. Tới một mực đ lạ lùng, những bi văn nầy bổ khuyết và minh xác Kinh Thánh.

*Koyunjik* là tên của gò nỗng quan trọng nhứt. Nó ở phía Ðông sông Ti-gơ-rơ, đối ngang với đô thị *Mosul* tân tiến ở phía tây sông ấy. Diện tích nó chừng 40 mẫu tây, và bề cao trung bình chừng 30 thước tây. Nó chứa cung điện của San-chê-ríp và *Assur-banipal*. San-chê-ríp là vua đã xâm lăng nước Giu-đa. Cung điện của ông vĩ đại hơn hết. Nó do ông *Layard* phát giác năm 1849-50. Nó rộng bằng ba khu phố lớn của một đô thị.

**Thư viện của Assur-banipal.--** Có lẽ đây là sự phát giác quan trọng nhứt mà khảo cổ học từng thực hiện được. Nó do các ông Layard, Rawlinson và Rassam tìm thấy trong cung điện của San-chê-ríp. Nguyên thủy nó chứa 100 ngàn quyển sách. Chừng một phần ba đã tìm được và hiện để trong Anh quốc Bảo tàng viện. Assur-banipal có óc khảo cổ; ông đã truyền cho các ký lục tìm kiếm và sao lại sách vở của thư viện nước Ba-by-lôn thuở xưa, cỡ 2000 năm trước đời ông. Vậy, chúng ta nhờ ông mới được biết văn chương Ba-by-lôn thời cổ.

**Ha-ba-cúc**

**Nước Giu-đa bị xâm lăng  
Sự phán xét người Canh-đê  
"Người công bình thì sống bởi đức tin mình"** (2:4)

Lời tiên tri nầy thuộc về thời gian giữa 625 và 606 T.C.; có lẽ vào khoảng 607 T.C.. Lúc Giê-hô-gia-kim bắt đầu trị vì. Người Canh-đê (Ba-by-lôn) đang tiến mau về phía Tây (1:6), nhưng chưa tới nước Giu-đa (3:16). Dưới đây là niên biểu của thời gian nầy:

|  |  |
| --- | --- |
| 629-608 T.C. | Giô-si-a. Cuộc cải cách lớn lao. Sô-phô-ni. |
| 626 T.C. | Ðế quốc A-si-ri bị suy yếu nhiều vì cuộc xâm lăng của quân Sy-the. |
| 625 T.C. | Nước Ba-by-lôn tuyên bố độc lập đối với đế quốc A-si-ri. |
| 608 T.C. | Giô-a-cha trị vì 3 tháng, rồi bị bắt xuống Ai-cập. |
| 608-597 T.C. | Giê-hô-gia-kim. Một đời trị vì rất gian ác. Ha-ba-cúc? |
| 607 T.C. (hoặc 612?). | Quân Ba-by-lôn hủy phá thành Ni-ni-ve. |
| 606 T.C. | Quân Ba-by-lôn xâm lăng nước Giu-đa và bắt dân đi làm phu tù. |
| 605 T.C. | Quân Ba-by-lôn đánh bại quân Ai-cập tại Cạt-kê-mít. |
| 597 T.C. | Giê-hô-gia-kin trị vì 3 tháng, rồi bị bắt qua Ba-by-lôn. |
| 597-586 T.C. | Sê-đê-kia, một vua nhu nhược và gian ác, bị bắt qua Ba-by-lôn. |
| 586 T.C. | Thành Giê-ru-sa-lem bị thiêu hủy. Xứ bị hoang vu. |

**Ðoạn 1:1-4 -- Lời than thở của Ha-ba-cúc**

Sách tiên tri nầy là một lời than thở với Ðức Chúa Trời rằng nước ông bị tiêu diệt vì cớ ti ác của nó, bởi tay một nước còn ti ác hơn. Ha-ba-cúc không thể thấy một việc như vậy là công bình.

**Ðoạn 1:5-11 -- Lời đáp của Ðức Chúa Trời**

Ðức Chúa Trời đáp rằng Ngài có một mục đích trong những cuộc chinh phục khủng khiếp của đạo quân Canh-đê.

**Ðoạn 1:12-2:1 -- Lời than thở thứ hai của Ha-ba-cúc**

Ha-ba-cúc nhìn nhận rằng nước Giu-đa đáng bị hình phạt vì cớ tội lỗi của nó, và cũng đáng bị sửa trị, nhưng ông xin Ðức Chúa Trời làm sáng tỏ vấn đề hơn (2:1)

**Ðoạn 2:2-20 -- Lời đáp thứ hai của Ðức Chúa Trời**

Ðế quốc Canh-đê say máu các nước, sẽ tới phiên nó cũng bị tiêu diệt; và dân của Ðức Chúa Trời sẽ đầy dẫy trái đất.

**Ðoạn 3 -- Lời cầu nguyện của Ha-ba-cúc**

Ông kêu xin Ðức Chúa Trời hãy lại làm các việc lạ lùng như thuở xưa; nhưng ông cũng tỏ lòng nhẫn nại tuyệt vời, và tin tưởng nơi sự an toàn đời đời của dân Ðức Chúa Trời (câu 16-19). Bài học của sách nầy là: Người ta sẽ sống bởi đức tin (2:2-4). Ðức tin là khả năng cảm thấy vững chắc nơi Ðức Chúa Trời, đến nỗi dầu hiện tại tối tăm chừng nào ta cũng không nghi ngờ kết quả. Có một TƯƠNG LAI VINH HIỂN dành cho dân Ðức Chúa Trời. Có lẽ còn xa lắm, nhưng tuyệt đối chắc có như thế. Vậy, ở giữa tối tăm và tuyệt vọng, Ha-ba-cúc vẫn là một người lạc quan tột bậc.

**Sô-phô-ni**

**Ngày trọng đại của Ðức Chúa Trời đã gần**

**Sắp có "môi miếng thanh sạch**[[4]](#footnote-4)(1)**"** (3:9)

Sô-phô-ni nói tiên tri dưới đời trị vì của Giô-si-a (1:1); Ông là chít (cháu 5 đời) của vua Ê-xê-chia (1:1); như vậy, ông thuộc về hoàng tộc và là bà con của Giô-si-a. Giô-si-a (639-608 T.C.) lên ngôi sau đời trị vì gian ác và lâu dài của Ma-na-se; ông đã thực hiện một cuộc cải cách lớn lao (xem ở dưới II Sử ký 34), và Sô-phô-ni đóng một vai chủ động quan trọng trong cuộc cải cách nầy. Như vậy, lời tiên tri nầy chỉ nói ra một vài năm trước ngày nước Giu-đa bị phán xét.

**Ðoạn 1:1-2:3.-- Ngày thạnh nộ gần đổ trên nước Giu-đa**

Ngày nầy được gọi là ngày lớn (trọng đại) của Ðức Giê-hô-va và được nhắc đi nhắc lại nhiều lần (1:7, 8, 9, 10, 14, 15, 16, 18; 2:2, 3; 3:8). Một ngày khủng khiếp sắp đổ trên nước Giu-đa và các nước lân cận: có lẽ một phần chỉ về cuộc xâm lăng của quân Sy-the (xem ở dưới Giê-rê-mi 4), nhưng rõ ràng, chắc chắn chỉ về cuộc xâm lăng của quân Ba-by-lôn và cuộc lưu đày của dân Giu-đa xảy ra 20 năm sau. Cũng có thể là mô tả tượng trưng những tai họa sẽ xảy đến trong kỳ sau rốt. "Tên của thầy cả và thầy tế lễ" (1:4). Nguyên văn chữ thầy cả là "chê-ma-rim," tức là bọn tế sư chuyên thờ lạy hình tượng. "Lạy cơ binh trên trời" (1:5), tức là thờ lạy mặt trời và các ngôi sao, theo thói tục của người A-si-ri. "Thề bởi Man-cam[[5]](#footnote-5)(2)" (câu 1:5). "Man-cam" hoặc Mo-lóc, là thần của người Am-môn. "Cửa cá" (1:10) là cửa Bắc, do đó cá từ xứ Ga-li-lê được chở vào, về sau gọi là cửa Ða-mách. "Thành thấp" (1:11) trong nguyên văn là: "Mác-tếch," có lẽ là trũng Ty-rô-pô-an, ở ngay phía Tây Ðền thờ, là khu thương mại của Giê-ru-sa-lem.

**Ðoạn 2:4-15.-- Một ngày thạnh cho các nước**

Ga-xa, Ách-ca-lôn, Ách-đốt và Éc-rôn (câu 4) là các thành Phi-li-tin. "Cơ-rết" (câu 5) là một tên khác của người Phi-li-tin. "Ê-thi-ô-bi" (câu 12) vốn là Nam bộ Ai-cập; đương thời ấy, các vua Chúa Ê-thi-ô-bi kiểm soát cả nước Ai-cập. A-si-ri có thủ đô kiêu hãnh, là Ni-ni-ve, "thành vui vẻ" (câu 15), làm cho thế giới kinh khiếp. Trong vòng 20 năm, tất cả các nước ấy bị hoang vu dưới gót của Ba-by-lôn.

**Ðoạn 3:1-8.-- Một ngày thạnh cho Giê-ru-sa-lem**

Trở lại ý tưởng ở đoạn 1, tức là tội lỗi của nước Giu-đa, nhứt là của các quan trưởng cùng thủ lãnh tôn giáo, và chắc chắn có sự hình phạt.

**Ðoạn 3:9-20.-- "Tiếng nói thuần túy" sắp có**

Yên tĩnh sau cơn bão. Ba lần tiên tri nói về một phần dân sót lại được cứu (2:3, 7; 3:12-13), và hai lần ông nói về họ từ chốn phu tù trở về (2:7; 3:20). Ông cũng nói rằng một "tiếng nói thuần túy" sẽ được đem vào trái đất (câu 9), tức là một hệ thống tư tưởng đúng đắn về Ðức Chúa Trời. Tiếng nói là phương tiện để tỏ bày chân lý. Ðây là lời dự ngôn rằng ngày kia, loài người sẽ được ban cho một sự khải thị trọn vẹn và đầy đủ về Ðức Chúa Trời (chắc chỉ rõ về Tin Lành của Ðấng Christ). Kết quả là từ muôn dân, những người hối cải sẽ được dẫn đến Ðức Giê-hô-va, vui vẻ hát bài ca cứu chuộc, làm cho cả trái đất vang dậy tiếng ngợi khen của dân Ðức Chúa Trời.

[[6]](#footnote-6)(1) Bản tiếng Anh dịch là: "Tiếng nói thuần túy"

[[7]](#footnote-7)(2) Nguyên văn có tên "Man-cam" thay vì hai chữ "vua mình."

A-ghê

**Xây lại Ðền thờ  
Dự ngôn sẽ còn có Ðền thờ vinh hiển, huy hoàng hơn**

Khi người Do-thái từ chốn lưu đày trở về, thì biện pháp đầu tiên để khôi phục cuộc sanh hoạt quốc gia tại quê hương chính là xây lại Ðền thờ, trung tâm quốc gia của họ.

**A-ghê, Xa-cha-ri, Ma-la-chi**

Ba tiên tri nầy thuộc về thời kỳ sau khi từ chốn lưu đày trở về, và đã dự phần tái lập cuộc sanh hoạt quốc gia của dân Do-thái ở chính quê hương. Các sách E-xơ-ra, Nê- hê-mi, và Ê-xơ-tê đều có nói về thời kỳ nầy. Xem ở dưới sách E-xơ-ra.

A-ghê và Xa-cha-ri đã giúp việc xây cất Ðền thờ (520-516 T.C.). Người ta cho rằng Ma-la-chi liên kết với Nê-hê-mi 100 năm sau, trong việc xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem.

**Niên biểu của thời kỳ nầy**

536 T.C. 50.000 người Do-thái do Xô-rô-ba-bên cầm đầu, trở về Giê-ru-sa-lem.

536 T.C.. Tháng 7. Họ xây cất Ðền thờ và dâng tế lễ.

535 T.C.. Tháng 2. Công việc xây Ðền thờ bắt đầu và bị ngưng lại.

520 T.C.. Tháng 6. (Tháng 9 dương lịch), ngày 1. A-ghê kêu gọi xây cất Ðền thờ.

Tháng 6, ngày 24. Lại khởi công xây cất.

Tháng 7 (tháng 10 dương lịch). Ngày 21. Lời kêu gọi thứ hai của A-ghê.

Tháng 8 (tháng 11 dương lịch). Xa-cha-ri giảng bài đầu tiên.

Tháng 9 (tháng 12 dương lịch), ngày 24. Lời kêu gọi thứ 3 và thứ 4 của A ghê.

Tháng 11 ( tháng 2 dương lịch), ngày 24. Các sự hiện thấy của Xa-cha-ri.

518 T.C. Tháng 9 (tháng 12 dương lịch), ngày 4. Các sự hiện thấy của Xa-cha-ri.

516 T.C.. Tháng 12 (tháng 3 dương lịch), ngày 3. Hoàn thành Ðền thờ.

515 T.C. Tháng 1 (tháng 4 dương lịch), ngày 14 đến 21. Lễ Vượt qua hoan hỉ.

457 T.C. E-xơ-ra đến Giê-ru-sa-lem và thực hiện một vài cuộc cải cách.

444 T.C. Nê-hê-mi xây lại vách thành. Thời kỳ của Ma-la-chi.

**A-ghê và sách của ông**

A-ghê có thể là một ông già đã thấy Ðền thờ thứ nhứt (2:3?), từ 66 năm trước. Sách ông gồm 4 bài giảng rất ngắn, và giảng hết trong vòng 4 tháng.

**Tình hình**

Giu-đa đã bị chinh phục, Giê-ru-sa-lem bị thiêu hủy và Ðền thờ bị phá tan, còn dân chúng thì bị bắt qua Ba-by-lôn (606-586 T.C.), như có chép ở II Các vua, đoạn 24 và 25. Sau 70 năm lưu đày, do chiếu chỉ của vua Sy-ru, chừng 50 ngàn người Do-thái đã trở về cố hương (E-xơ-ra 1:2), năm 536 T.C.; dưới sự điều khiển của Xô-rô-ba-bên, quan trấn thủ, và Giê-hô-sua, thầy tế lễ, họ bắt đầu xây lại thành Giê-ru-sa-lem, khởi từ Ðền thờ; nhưng họ mới dọn sạch rác rến cùng gạch vụn, và xây nền Ðền thờ (E- xơ-ra 3:10), thì công việc đã bị bọn lân cận thù nghịch chận lại (E-xơ-ra 4).

Suốt 15 năm, họ chẳng làm thêm được chút chi. Trong thời gian ấy, một vua khác, là Ða-ri-út, lên ngôi đế quốc Ba-tư. Ông có lòng tốt đối với dân Do-thái. Thời cơ thuận hiệp. Do sự giảng dạy, khuyến khích trực tiếp của A-ghê và Xa-cha-ri, họ lại bắt tay làm việc, và hoàn thành Ðền thờ sau 4 năm (520-516 T.C.). Xem E-xơ-ra, đoạn 5, 6.

**Ðoạn 1 -- Bắt đầu xây lại Ðền thờ**

15 năm trước, họ đã xây nền Ðền thờ (E-xơ-ra 3:10), nhưng chẳng làm thêm được chút chi suốt thời gian đó. Dân chúng đã mất hết hào hứng. Họ mải lo xây nhà cửa đẹp đẽ cho mình, nhưng lại lãnh đạm đối với Nhà Ðức Chúa Trời. Phán qua miệng của A-ghê, Ðức Chúa Trời tỏ cho họ biết rằng đó là lý do mùa màng của họ thất bát. Có một điều dạy dỗ mạnh mẽ nhứt trong Cựu Ước, ấy là quốc gia gặp nghịch cảnh vì quốc dân không vâng lời Ðức Chúa Trời.

Bài giảng của A-ghê có công hiệu ngay lập tức. Dân chúng nhìn nhận đó là Lời Ðức Chúa Trời, và trong vòng 24 ngày, họ đã bắt tay làm việc.

**Ðoạn 2 -- Vinh quang tương lai của Nhà Ðức Chúa Trời**

Sau 27 ngày nữa, nền cũ đã được dọn sạch và xây cao đủ để châu vi và toàn diện của Ðền thờ hiện ra. Giá trị thấp thỏi của nó so sánh với Ðền thờ huy hoàng, vĩ đại do Sa-lô-môn xây cất đã làm đau lòng những người già cả từng thấy Ðền thờ huy hoàng, vĩ đại kia. Bấy giờ A-ghê tiến lên, bày tỏ sự hiện thấy về Ðền thờ tương lai có vinh quang đến nỗi chính Ðền thờ của Sa-lô-môn cũng hóa ra lu mờ, vô nghĩa.

Rõ ràng lắm, đó là một sự hiện thấy về Ðấng Mê-si. Trí óc của A-ghê nghĩ đến Ðền thờ mà ông đang giúp Xô-rô-ba-bên xây cất. Nhưng lời ông nói là Lời của Ðức Chúa Trời; và theo một phương diện có lẽ sâu xa hơn là chính A-ghê nhận biết, tâm trí của Ðức Chúa Trời chăm chú vào một Ðền thờ khác trong tương lai mà các Ðền thờ do Sa-lô-môn và Xô-rô-ba-bên xây cất chỉ là hình bóng lờ mờ: Ấy là Hi Thánh, không xây bằng đá, nhưng bằng linh hồn của những người được cứu chuộc. Hội Thánh có vinh quang không hề suy giảm, không hề cùng tận và không sao tả xiết, đứng đầu hàng mọi công việc lạ lùng của Ðức Chúa Trời, chính là Ðền thờ của Ðức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 3:16-17; II Cô-rinh-tô 6:16; Ê-phê-sô 2:21) mà đây, A-ghê được xem trong sự hiện thấy.

"Làm rúng động các từng trời và đất" (câu 6, 7). Dầu lời nầy có thể trực tiếp chỉ về những biến chuyển chánh trị do sự lật đổ các nước thờ lạy hình tượng đang cai trị thế giới thời đó, song nó cũng được trưng dẫn ở thơ Hê-bơ-rơ 12:26 để tỏ ra mọi vật trần gian sẽ lu mờ trong hừng đông của Nước Thiên đàng vĩnh cửu.

"Những sự ao ước của các nước (Bản tiếng Anh dịch là: "Sự ao ước của muôn dân sẽ đến.")" (câu 7) có thể chỉ về Ðấng Mê-si. Hoặc theo như một bản tiếng Anh khác (Revised Version) dịch là: "Những vật quí báu của muôn dân," thì có thể chỉ rõ hơn về các linh hồn quí báu được cứu bởi Huyết của Con Ðức Chúa Trời và được dùng để xây cất Nhà Ngài.

Lúc ấy giữa mùa đông (câu 10). Ðất chưa đủ thì giờ sanh mùa màng. Nhưng dân chúng đã giục lòng mạnh mẽ, bắt tay xây Nhà Ðức Chúa Trời; và đây, Ngài hứa rằng từ nay trở đi, mùa màng sẽ chắc chắc và dư dật.

Sách A-ghê kết thúc bằng một sự hiện thấy về ngày phong chức cho Xô-rô-ba-bên. Xô-rô-ba-bên đại diện cho nhà Ða-vít (xem ở dưới Xa-cha-ri, đoạn 4).

**Xa-cha-ri**

**Xây lại Ðền thờ  
Dự ngôn về Ðền thờ tương lai vĩ đại hơn  
Những sự hiện thấy về Ðấng Mê-si hầu đến và về Nước Ngài gồm cả thế giới**

Xa-cha-ri đồng thời với A-ghê. A-ghê dường như là một người cao tuổi lắm, còn Xa-cha-ri lại dường như trẻ tuồi lắm, vì ông là cháu ni của Y-đô đã trở về Giê-ru-sa-lem 16 năm trước (Nê-hê-mi 12:4, 16). A-ghê đã giảng 2 tháng và công việc xây cất Ðền thờ đã bắt đầu, thì Xa-cha-ri mới khởi sự. Chức vụ của A-ghê chép trong sách tổng cộng được gần 4 tháng; còn chức vụ của Xa-cha-ri chép trong sách tổng cộng được chừng 2 năm. Nhưng chắc suốt cả 4 năm, hai ông đã chuyên cần giục giã, khuyến khích, giúp đỡ và sánh vai làm việc cho Ðền thờ được hoàn thành.

Sách Xa-cha-ri lớn hơn sách A-ghê bội phần. Nó đầy dẫy những tia sáng của Ðấng Mê-si, và ghi nhiều chi tiết theo nghĩa đen về đời sống và công vụ của Ðấng Christ.

**Ðoạn 1:1-6 -- Bị lưu đày vì không vâng lời Ðức Chúa Trời**

Bài giảng mở đầu của Xa-cha-ri ở giữa các bài giảng thứ hai và thứ ba của A-ghê, tức là giữa câu 9 và câu 10 của đoạn 2, sách A-ghê. Lúc đó, công việc xây cất Ðền thờ đã tiến hành được hơn một tháng, và vẻ tầm thường rõ rệt của nó đang làm cho dân chúng buồn lòng. Xa-cha-ri cảnh cáo họ rằng họ càng ngày càng hiển nhiên có khuynh hướng quay về đường lối của tổ tiên không vâng lời Ðức Chúa Trời, -- chính đường lối ấy đã đưa họ đến tình trạng khốn nạn hiện tại. Ðoạn, ông tiếp tục khích lệ họ bằng những sự hiện thấy mà Ðức Chúa Trời đã ban cho ông về tương lai huy hoàng.

**Ðoạn 1:7-11.-- Sự hiện thấy về bầy ngựa**

Từ đây cho đến hết đoạn 6, chỉ có ghi chép thời gian một lần (1:7), là lúc công việc xây cất Ðền thờ đã tiến hành được chừng 5 tháng rồi. Vậy, chúng ta đoán rằng các sự hiện thấy đã tiếp theo nhau và chắc đã được chép liền.

Sứ điệp của Ðức Chúa Trời truyền qua các đấng tiên tri thường do Thần của Ðức Chúa Trời trực tiếp cảm hóa tâm trí của các tiên tri ấy. Nhưng đây, sứ điệp truyền qua một thiên sứ nói chuyện nhiều lần với Xa-cha-ri. Xem lời chú giải về thiên sứ ở dưới sách Ma-thi-ơ 4:11.

Sự hiện thấy về bầy ngựa có nghĩa là cả thế giới nằm yên dưới bàn tay sắt của đế quốc Ba-tư, và vua của đế quốc ấy, là Ða-ri-út, có lòng tốt đối với dân Do-thái và đã ra chiếu chỉ cho xây cất Ðền thờ. Vậy, thời cơ thuận hiệp để tiến hành công việc. Kết luận, sự hiện thấy nầy quả quyết rằng một lần nữa, Giê-ru-sa-lem sẽ là một đô thị lớn lao và thạnh vượng (xem ở dưới đoạn 2).

**Ðoạn 1:18-21.-- Sự hiện thấy về sừng và thợ rèn**

Bốn cái sừng chỉ về các nước đã hủy diệt Giu-đa và Y-sơ-ra-ên. Bốn người thợ rèn (bản "Authorized Version" dịch là: thợ mộc) chỉ về những kẻ mà Ðức Chúa Trời dùng để hủy diệt các nước ấy. Ðó là một cách nói bóng rằng các cường quốc đang làm bá chủ thế giới sẽ bị phá tan và Giu-đa lại được tôn cao. Ðức Chúa Trời hùng mạnh hơn các vua chuyên chế đời nầy. Ðức Chúa Trời ngự trên ngôi, ngay cả khi dân Ngài tạm thời bị đánh bại.

**Ðoạn 2.-- Sự hiện thấy về dây đo**

Một đoạn sách vĩ đại. Ðây là dự ngôn về Giê-ru-sa-lem đông dân, thạnh vượng, an ninh đến nỗi tràn qua vách thành, và chính Ðức Chúa Trời che chở nó. Suốt 5 tháng, công việc xây cất Ðền thờ tiến hành mỹ mãn, và nhân dân chắc dự tính xây lại vách thành Giê-ru-sa-lem; nhưng mãi 75 năm sau, mới xây được vách ấy. Tuy nhiên, kế hoạch của họ là khung cảnh cho sự hiện thấy nầy. Sự hiện thấy nầy mở rộng thành một lời đầy thi vị kêu gọi những ai còn ở đất Ba-by-lôn hãy trở về, và kết thúc bằng lời tiên liệu một ngày kia, "nhiều dân và nhiều nước hùng mạnh từ mọi thứ tiếng trên mặt đất" sẽ đến cùng Ðức Chúa Trời của dân Do-thái. Xem thêm ở dười đoạn 8.

**Ðoạn 3.-- Sự hiện thấy về Giê-hô-sua, thầy tế lễ thượng phẩm**

Tiên liệu sự đền tội bởi Ðấng Christ. Thầy tế lễ thượng phẩm Giê-hô-sua bận áo dơ bẩn, tượng trưng cho địa vị tội lỗi của nhân dân, Sa-tan được hình dung là đang cố xui giục Ðức Chúa Trời từ bỏ dân Ngài vì cớ tội lỗi của họ. Nhưng dân Ðức Chúa Trời được Ngài coi quí, mặc dầu họ là "cái đóm đã kéo ra từ lửa" (câu 2), nghĩa là phần sót lại được cứu khỏi cảnh lưu đày. Áo xống dơ bẩn của Giê-hô-sua được cất bỏ, nghĩa là tội lỗi nhân dân được tha thứ, và họ được Ðức Chúa Trời tiếp nhận. Ðây là bức tranh mô tả thời kỳ mà ti lỗi của loài người sẽ được cất bỏ "trong một ngày" (câu 9), vì "Chồi" hầu đến của nhà Ða-vít, là Ðấng Mê-si, bị "đâm" (12:10) và "sẽ có một Suối mở ra... vì tội lỗi và sự ô uế" (13:1). Xem thêm ở dưới đoạn 13:1-9.

**Ðoạn 4.-- Chơn đèn và hai cây ô-li-ve**

Một sự hiện thấy để khuyến khích Xô-rô-ba-bên tiếp tục xây cất Ðền thờ, mặc dầu nó có vẻ tầm thường và công việc rất khó khăn. Lời chép ở đây trực tiếp dành cho Xô-rô-ba-bên và Nhà Ðức Chúa Trời mà ông đang xây cất. Nhưng chắc chắn là có chỉ về Nhà vinh hiển hơn trong đời tương lai, do một Con cháu của Xô-rô-ba-bên, gọi là Chồi, nhờ Thánh Linh giúp đỡ mà xây cất giáo lý ân điển (xem bí chú về đoạn 6:12-15 và A-ghê, đoạn 2). Ðây là một lời khuyên hãy can đảm trong ngày khởi đầu nhỏ nhặt vì để mắt nhìn vào kết cuộc vĩ đại. Chơn đèn tượng trưng cho Nhà Ðức Chúa Trời, hoặc cho Nhà Ðức Chúa Trời có khả năng tỏa ánh sáng. Chơn đèn vốn ở trong Ðền tạm và trong Ðền thờ. Ở sách Khải Huyền đoạn 1:20, nó chỉ về Hội Thánh. Hai cây ô-li-ve dường như chỉ về Giê-hô-sua và Xô-rô-ba-bên, do hai ông đó, Thần Ðức Chúa Trời chỉ huy công việc. Trong đoạn 3, sự hiện thấy đặc biệt dành cho Giê-hô-sua. Ở đây, nó đặc biệt dành cho Xô-rô-ba-bên. Hình bóng ở đây được tiếp tục suốt tới sự hiện thấy về Hai Chứng nhân ở sách Khải Huyền, đoạn 11.

**Ðoạn 5:1-4.-- Cuốn sách bay**

Ðây là một tấm giấy giống như bản đồ treo trên tường, dài chừng 10 thước tây, rộng chừng 5 thước tây, và ghi những lời rủa sả kẻ trộm cắp và chửi thề. Như con chim săn mồi khổng lồ, cuốn sách nầy bay ở trên xứ, rồi đáp xuống và tiêu nuốt những kẻ mắc tội đó. Nó cất bỏ tội lỗi bằng cách tiêu diệt tội nhân.

**Ðoạn 5:5-10.-- Ê-pha bay**

Lại một cách khác hình dung sự cất bỏ ti lỗi, giống như sự cất bỏ áo xống ô uế của Giê-hô-sua (3:3-8) và như "Suối mở ra vì ti lỗi" (13:1). Ðây là một lời dự ngôn lặp đi lặp lại luôn của Xa-cha-ri về Ðấng Christ chịu chết để đền ti. Ê-pha là cái thúng để đong, lớn hơn cái thùng (Ma-thi-ơ 5:15) một chút. Nó có người đờn bà ngồi trong đó và có khối chì đóng ấn. Tội lỗi được hình dung bằng người đờn bà và cũng do đờn bà cất bỏ (câu 9). Phải chăng đây có thể là một lời ngụ ý tiên tri rằng Chồi mống hầu đến, là Ðấng sẽ cất ti lỗi của loài người đi trong một ngày (3:8-9), sẽ do người nữ mà ra đời, không cần đến môi giới của người nam? Hình bóng ở đây hơi giống hình bóng về "con dê đực bị đuổi" ở Lê-vi ký, đoạn 16, -- con dê nầy gánh tội lỗi nhân dân trên đầu nó và đem hết ra đồng vắng.

**Ðoạn 6:1-8.-- Bốn chiến xa**

Ðây là các sứ giả phán xét của Ðức Chúa Trời, tuần hành khắp trái đất, con mắt canh chừng, để gìn giữ Y-sơ-ra-ên khỏi mọi điềm xấu, và thi hành các chiếu chỉ của Ðức Chúa Trời đối với bọn thù nghịch Y-sơ-ra-ên. Ðây là phần mở rộng ý tưởng trong sự hiện thấy về các sừng và thợ rèn (1:18-21).

**Ðoạn 6:9-15.-- Lễ phong chức cho Xô-rô-ba-bên**

Ðây là một hành động tượng trưng và tiên tri, làm cho mạnh mẽ sự hiện thấy về "Chồi mống" (3:8-9) và sự hiện thấy về Xô-rô-ba-bên (4:6-9).

"Chồi mống" (câu 12) là tên của Ðấng Mê-si hầu đến, thuộc trong gia tộc Ða-vít. Ngài sẽ được gọi là "Người Na-xa-rét" (xem ở dưới Ma-thi-ơ 2:23). Xem Ê-sai 4:2; 11:1, 10; Giê-rê-mi 23:5-6; 33:15-17; Khải Huyền 5:5; 22:16.

Ðương thời đó, Xô-rô-ba-bên, quan trấn thủ, là đại diện đang còn sống của gia tộc Ða-vít; do ông mà các lời hứa về Ðấng Mê-si cứ được lưu truyền. Ông là cháu nội của vua Giê-hô-gia-kin (Giê-cô-nia), là vua đã bị bắt qua Ba-by-lôn; và ông là kẻ kế tự ngôi Ða-vít. Nếu còn nước, thì ông đã làm vua Giu-đa. Lời nói về Xô-rô-ba-bên một phần chỉ về chính mình ông, một phần chỉ về gia tộc ông, tức là gia tộc Ða-vít, và đặc biệt hơn nữa, về Vị Ðại diện Cao trọng của gia tộc Ða-vít, tức là Ðấng Mê-si hầu đến (Chồi mống).

Ngoài nhiều việc khác, Ðức Chúa Trời còn giao cho gia tộc Ða-vít trách vụ xây cất Nhà của Ngài. Chính tay Ðức Chúa Trời đã ghi cho Ða-vít kiểu mẫu và các đặc điểm của Ðền thờ (I Sử ký 28:11, 19) Sa-lô-môn, con trai Ða-vít, đã xây cất Ðền thờ theo những chi tiết ấy (II Sử ký 2-7), và Ðền thờ đó là công trình tạo tác tuyệt mỹ trên cả thế giới đương thời ấy. Ðền thờ do Sa-lô-môn xây cất tồn tại được chừng 400 năm, thì bị quân Ba-by-lôn phá hủy, năm 586 T.C.. Tới nay (520-516 T.C.), Xô-rô-ba-bên, một con cháu của Ða-vít, lo xây lại Ðền thờ. Ðức Chúa Trời quả quyết với ông rằng ông sẽ hoàn thành công cuộc đó (4:6-9); trong lời quả quyết nầy cũng có ngụ ý huyền diệu về một Ðền thờ khác do tay "Chồi mống" xây cất với sự giúp đỡ của "những kẻ ở xa sẽ đến" (6:12-15). Xem ở dưới sách A-ghê, đoạn 2.

"Chồi mống" sẽ thuộc trong gia tộc Xô-rô-ba-bên (Ða-vít), tức là dòng vua. Nhưng đây, Giê-hô-sua, thầy tế lễ, được đội mũ triều thiên và được hình dung là "Chồi mống" ngồi trên ngôi Ða-vít (6:12-13). Mọi điều nầy làm hình bóng về sự phối hiệp hai chức vụ Vua và Thầy Tế lễ trong Thân vị của Ðấng Mê-si hầu đến (Chồi mống).

**Ðoạn 7, 8.-- vấn đề kiêng ăn**

Việc nầy xảy ra chừng 2 năm sau những sự hiện thấy trước (câu 1), khi Ðền thờ đã xây xong được phần nửa. Suốt 70 năm, cứ đến tháng 4, tháng 5, tháng 7 và tháng 10, nhân dân lại kiêng ăn để than khóc Ðền thờ bị hủy phá. Ðến bây giờ họ lại gần có Ðền thờ, thì vấn đề nêu lên, là họ có nên tiếp tục kiêng ăn nữa không? Ðáp lại, Xa-cha-ri nhắc họ rằng trước kia họ có lý lắm mà kiêng ăn, -- ấy là để ăn năn vì không vâng lời Chúa và bị đau khổ do sự không vâng lời Chúa; nhưng bây giờ họ kiêng ăn chỉ cốt để tỏ ra mình thánh khiết, đạo đức, còn các ngày lễ tôn giáo chỉ cốt cho mình được vui thích.

Ðoạn, theo thường lệ của các tiên tri, là từ sự sầu khổ hiện tại chuyển qua vinh quang tương lai. Xa-cha-ri vẽ bức tranh thời đại Ðấng Mê-si hầu đến, khi ấy sự kiêng ăn sẽ đổi thành ngày lễ vui mừng (8:19).

Người Do-thái trước kia là một dân tộc hùng mạnh, có truyền thuyết từ đời xưa rằng Ðức Chúa Trời đã chỉ định họ làm dân tộc lãnh đạo cả thế giới; nhưng bây giờ họ chỉ là một phần sót lại thưa thớt, bị khinh dể và thất vọng đang thương, chỉ nhờ các vua Ba-tư cho phép mà tồn tại ở quê hương. Ðược Thần của Ðức Chúa Trời dắt dẫn, Xa-cha-ri cố gắng khuyến khích họ bằng cách lặp đi lặp lại rằng chẳng phải như vậy mãi đâu; rằng một ngày kia, đế quốc hùng mạnh đang cầm quyền đó sẽ bị tan vỡ, và dân của Ðức Giê-hô-va sẽ được địa vị xứng đáng của mình.

Xa-cha-ri mô tả Si-ôn thạnh vượng, thái bình, có tinh thần công bình, nhân ái và chân thực cai trị; đường sá đầy dẫy con trai, con gái và ông già, bà cả sung sướng (8:3-5). Si-ôn là trung tâm của nền văn minh thế giới, và muôn dân trên đất sẽ đến cùng người Do-thái để học biết Ðức Chúa Trời của họ (8:22-23). Lời mô tả nầy cũng thấy ở nhiều khúc sách khác (1:17; 2:4, 11; 14:8, 16). Bất cứ mục đích đầu tiên của các khúc sách nầy là gì, lời lẽ của nó chắc cũng là một bức tranh kỳ diệu mô tả việc xảy ra trải qua 20 thế kỷ nay: Nhơn danh đạo Ðấng Christ, nhiều ảnh hưởng lưu xuất từ thành Giê-ru-sa-lem, nắn dòng lịch sử, và đem các dân trên thế giới đến cùng Ðức Chúa Trời của dân Do-thái. Nhưng cuối cùng chưa tới.

**Ðoạn 9, 10, 11.-- Ðức Chúa Trời phán xét các nước lân cận**

Ðoạn 9 đến đoạn 14 chứa nhiều điều liên quan rõ rệt với các cuộc chiến tranh của đế quốc Hy-lạp, xảy ra 200 năm sau thời Xa-cha-ri, rõ rệt đến nỗi các nhà phê bình (vốn khó tin rằng những đấng tiên tri của Ðức Chúa Trời có thể nói trước điều gì) cho những đoạn ấy là do một tác khác viết ra. Nói chung, các học giả bảo thủ và các tín đồ Ðấng Christ nhìn nhận các đoạn nầy thật thuộc về sách Xa-cha-ri .

Ðoạn 9 dường như dự ngôn cuộc giao tranh của nước Giu-đa với Hy-lạp. Khi xâm lăng xứ Pa-lét-tin năm 332 T.C., A-lịch-sơn đại đế tàn phá các thành có tên ở câu 1-7, theo thứ tự đã ghi, nhưng còn chừa lại Giê-ru-sa-lem (câu 8). Các câu 13-17 dường như chỉ về dân Do-thái tiếp tục tranh đấu với các vua Hy-lạp, thuộc dòng Ptolémée và dòng Séleucos, cho tới thời kỳ Macchabees.

Tại đây (9:9-10), có dựng lên tấm hình Vua hầu đến của Si-ôn giữa những cảnh tượng dân Do-thái đấu tranh kịch liệt với đế quốc Hy-lạp. Tân Ước trưng dẫn câu 9 để chỉ về Ðấng Christ ngự vào thành Giê-ru-sa-lem một cách khải hoàn (Ma-thi-ơ 21:5; Giăng 12:15). Ðồng thời (câu 10), tiên tri Xa-cha-ri tiến mau tới ngày đắc thắng sau cùng. Thoáng thấy Nước Ðấng Mê-si bắt đầu, rồi liền thoáng thấy kỳ sau rốt.

Ðoạn 10 dự ngôn về sự khôi phục dân Ðức Giê-hô-va đang bị tan lạc. Ðương lúc đó, chỉ mới có một phần sót ít ỏi hồi hương.

Ðoạn 11 là một thí dụ về người kẻ chăn chiên. Bầy chiên của Ðức Chúa Trời đã bị tan lạc và làm thịt vì bọn người chăn chúng giả dối. Trong lời tố cáo những kẻ chăn chiên giả dối nầy có bức tranh mô tả việc họ chối bỏ Ðấng Chăn Chiên Hiền lành, là Ðức Chúa Jêsus Christ (câu 12-13). Do thừa tiếp văn, chúng ta không thể cho rằng khúc sách nầy có liên quan với việc Giu-đa Ích-ca-ri-ốt phản nộp Ðấng Christ, trừ ra nó được trưng dẫn trong Tân Ước để nêu rõ việc ấy (Ma-thi-ơ 26:15; 27:9-10; xem ở dưới Mác 14:10-11). Sự trưng dẫn khúc sách nầy để nêu rõ sự phản nộp của Giu-đa chính là chìa khóa mở rõ điều Ðức Chúa Trời muốn bày tỏ ở đây. Kèm theo sự chối bỏ Ðấng Chăn Chiên Chân chánh, đã có việc chặt gãy hai cây gậy tên là Tốt đẹp và Dây buộc, tức là giao ước về Ðức Chúa Trời che chở, săn sóc họ bị dứt và sự tái thống nhất xứ sở của họ bị trì hoãn. Ðoạn, họ bị phó vào tay "kẻ chăn dại dột" (câu 13-15 -- bản "Authorized Version" dịch là: "kẻ chăn giống như hình tượng"). Người ta cho rằng đây chỉ về sự hủy phá Giê-ru-sa-lem bởi tay quân La-mã, sau khi Ðấng Christ chịu chết ít lâu, và về dân Do-thái lại bị tan lạc liền theo đó. Hoặc có lẽ là nhân cách hóa cả một bản kê khai những kẻ bắt bớ dân Do-thái từ thời kỳ phái Macchabées cho đến thời kỳ Con Thú ở sách Khải Huyền, đoạn 13.

**Ðoạn 12, 13, 14.-- Sự hiện thấy về tương lai của dân Y-sơ-ra-ên**

Các đoạn 9, 10, 11 gọi là "gánh nặng" về các nước lân cận thể nào (9:1), thì cũng một thể ấy, các đoạn 12, 13, 14 gọi là "gánh nặng về Y-sơ-ra-ên" (12:1). Hai phần nầy giống hệt nhau. Cả hai tiếp tục và mở rộng những ý tưởng trong các sự hiện thấy của 8 đoạn đầu; những ý tưởng ấy lặp đi lặp lại luôn dưới hình thức khác.

12:1-6.-- Giu-đa sẽ giao chiến với mọi nước trên mặt đất. Cuộc giao chiến nầy cứ tiếp tục mô tả ở đoạn 14:1-8. Có người cho rằng lời lẽ ở đây nói bóng về cuộc tranh đấu của Ðức Giê-hô-va với các nước suốt cả kỷ nguyên Cơ-đốc-giáo. Kẻ khác lại áp dụng nó theo nghĩa đen cho kỳ sau rốt, sự tấn công của *Antichrist* và trận Ha-ma-ghê-đôn.

12:7-13:9.-- Tang chế trong nhà Ða-vít. Rõ ràng lắm, các ý tưởng ở đây lấy nhà Ða-vít làm trọng tâm. Tuy lời lẽ khó hiểu và có ngụ ý đến một vài điều ta không biết, nhưng nó mô tả rõ ràng một tấn bi kịch nào đó xảy ra trong nhà Ða-vít, một cơn đau đớn kịch liệt bởi cớ một Nhân vật lãnh đạo trong nhà ấy bị đánh (13:7), hai bàn tay bị đâm (12:10; 13:6), và một Suối được mở ra vì ti lỗi (13:7). Tình trạng nầy xảy ra trong ngày mà "nhà Ða-vít sẽ như Ðức Chúa Trời" (12:8). Chỉ có một Người trong nhà Ða-vít là Ðức Chúa Trời, và đó là Ðức Chúa Jêsus. Nhờ vậy, ta nhận biết Ai là Người được gọi là "Chồi mống" ở đoạn 3:8, tức là Người sẽ "cất sự gian ác khỏi đất trong một ngày" (3:9), sẽ "xây Ðền thờ Ðức Giê-hô-va" (6:12), và sẽ cai trị khắp bốn biển (xem ở dưới 6:9-15). Ðây là một lời tiên tri lạ lùng, tỉ mỉ về sự chết của Ðức Chúa Jêsus, và ta không thể ứng dụng nó cho người nào khác mà ta được biết. Như vậy, sự chết của Chồi mống trong nhà Ða-vít sẽ là Suối quyền năng của Ðức Giê-hô-va chống lại các nước (12:2-4), và hiệu lực của Suối ấy sẽ được tỏ ra trong sự cất bỏ hình tượng và các tiên tri giả khỏi mặt đất (13:2-5). "Hai phần ba" (13:8) có thể chỉ về phần lớn quốc dân Do-thái bỏ mạng trong cuộc hủy phá Giê-ru-sa-lem (năm 70 S.C.), sau khi họ chối bỏ Ðấng Christ; còn "một phần ba" thì chỉ về phần sót lại đã tin và bị bắt bớ vì cớ đức tin của mình.

14:1-2.-- Giu-đa giao chiến với các nước (xem ở đoạn 12:1-6).

14:3-21.-- Ðức Giê-hô-va thắng trận và trị vì cả thế giới. Nào các kỳ vọng của tiên tri được hoàn thành vĩ đại, nào ngày Ðấng Christ tái lâm, nào sự thành lập Nước đời đời của Ngài. Một vài học giả Kinh Thánh tưởng những câu 4-8 có nghĩa rằng khi Ðức Chúa Jêsus trở lại, Ngài sẽ thật đặt ngôi trên núi Ô-li-ve; rằng núi ấy thật sẽ nứt làm đôi; rằng nước sẽ từ Giê-ru-sa-lem thật chảy ra phía Ðông và phía Tây; rằng Giê-ru-sa-lem sẽ thật là trung tâm mà các dân tộc mô tả ở câu 10-21 sẽ kéo dài đến để thờ lạy Chúa. Một số học giả khác lại cho lời lẽ ở đây là cách mô tả các từng trời mới và trái đất mới dưới hình bóng một nước trần gian nhơn lành, thạnh vượng và rất hùng mạnh, cũng như sách Khải Huyền, đoạn 21, mô tả Thiên đàng dưới hình bóng một thành phố trần gian mỹ lệ.

**Tóm tắt các lời tiên tri của Xa-cha-ri về Ðấng Christ**

Sự chết của Ngài để đền tội và cất bỏ tội lỗi đi (3:8-9; 13:1).

Ngài xây Ðền thờ của Ðức Chúa Trời (6:12).

Ngài là Vua và Thầy tế lễ trị vì cả thế giới (6:13; 9:10)

Ngài ngự vào thành Giê-ru-sa-lem một cách khải hoàn (9:9). Trưng dẫn ở Ma-thi-ơ 21:5 và Giăng 12:15.

Ngài bị phản nộp vì 30 miếng bạc (11:12). Trưng dẫn ở Ma-thi-ơ 27:9, 10.

Thần tánh của Ngài (12:8).

Hai bàn tay Ngài bị đâm lủng (12:10; 13:6). Trưng dẫn ở Giăng 19:37.

Ðấng Chăn Chiên bị đánh (13:7). Trưng dẫn ở Ma-thi-ơ 26:31 và Mác 14:27.

Ðây, lồng vào các bức tranh Xa-cha-ri mô tả cuộc tranh đấu và đắc thắng tương của Y-sơ-ra-ên, ta thấy có lời rõ ràng, đặc biệt, không thể lẫn lộn, chẳng những dự ngôn Ðấng Mê-si chịu chết đền ti cho loài người, có Thần tánh và sẽ lập Nước gồm cả thế giới, song cũng ghi tỉ mỉ các biến cố trong đời Ngài, tỉ như Ngài cưỡi lừa con mà ngự vào thành Giê-ru-sa-lem, Ngài bị phản nộp vì 30 miếng bạc, họ dùng số tiền ấy mua rung của thợ gốm, và hai bàn tay Ngài bị đâm lủng. Như vậy, trong số chi tiết đặc biệt nầy, có 4 chi tiết được trưng dẫn trực tiếp trong Tân Ước, như ta đã nhận thấy trên kia.

**Ma-la-chi**

**Sứ điệp sau chót của Cựu Ước cho một dân không vâng lời**

Ta không biết đúng niên hiệu của Ma-la-chi. Người ta thường công nhận rằng ông sống ngót 100 năm sau A-ghê và Xa-cha-ri; rằng ông hợp tác với E-xơ-ra và Nê-hê- mi trong các cuộc cải cách của hai ông nầy. Người ta cho niên hiệu của ông vào khoảng năm 450 và năm 400 T.C..

Một phần dân sót đã từ chốn lưu đày hồi hương năm 536 T.C.. Do A-ghê và Xa-cha- ri lãnh đạo, họ đã xây lại Ðền thờ (520-516 T.C.). Rồi 60 năm sau (457 T.C.), E-xơ-ra đã từ Ba-by-lôn trở về Giê-ru-sa-lem để giúp cải tổ và tái lập quốc gia. Rồi 13 năm sau (444 T.C.), Nê-hê-mi về xây lại vách thành.

Như vậy, đương thời Ma-la-chi, dân Do-thái đã từ chốn lưu đày hồi hương được chừng 100 năm; nhờ cảnh lưu đày, họ gột bỏ được sự thờ lạy hình tượng, nhưng lại xao lãng Nhà (Ðền thờ) Ðức Chúa Trời. Các thầy tế lễ đã thành ra bê trễ và bại hoại. Các của lễ kém cỏi. Người ta xao lãng nộp phần mười huê lợi, và sự để bỏ thông thường. Nhân dân đã quay theo thói cũ, là cưới gả lẫn lộn với bọn lân cận thờ lạy hình tượng (xem ở E-xơ-ra, đoạn 9).

Vậy, dân Do-thái tuy được Ðức Chúa Trời ban ân huệ hơn muôn dân, nhưng lại ngã lòng vì sự yếu đuối của mình, không sao gỡ khỏi tội lỗi. Trong một tâm trạng bơ thờ ấy, họ đã an cư và chờ đợi sự ngự đến của Ðấng Mê-si mà Ðức Chúa Trời hứa ban cho. Ma-la-chi quả quyết với họ rằng Ðấng Mê-si sẽ ngự đến đúng kỳ hạn, nhưng Ngài sẽ đem sự đoán phạt cho những người như họ.

**Ðoạn 1.-- Coi khinh các tế lễ ở Ðền thờ**

Câu 2-3 được trưng dẫn ở thơ Rô-ma 9:10-13 để ứng dụng cho việc Ðức Chúa Trời chọn Gia-cốp mà bỏ Ê-sau (Sáng thế ký 25:22-34). Lời lẽ Ma-la-chi dùng ở đây như để chỉ về hai dân tộc phát xuất từ Gia-cốp và Ê-sau, tức là người Y-sơ-ra-ên và người Ê-đôm. cả hai đã bị quân Ba-by-lôn tiêu diệt. Y-sơ-ra-ên đã được khôi phục, nhưng Ê-đôm vẫn còn hoang vu. Ðó là bằng cớ tỏ ra Ðức Chúa Trời thương mến Y-sơ-ra-ên.

Họ dâng tế lễ bằng những súc vật chết và có tì vít mà họ chẳng dám đem biếu quan trấn thủ (câu 8); đó thật là một sự nhục mạ Ðức Chúa Trời. Thà không dâng tế lễ chi hết còn hơn. Nghịch cùng tình trạng ấy, Ma-la-chi được sự hiện thấy về ngày Ðức Chúa Trời (mà chính dân Ngài coi thường như vậy) sẽ trở nên Ðức Chúa Trời yêu dấu của cả trái đất (câu 11).

**Ðoạn 2.-- Cưới gả lẫn lộn với những người lân cận thờ lạy hình tượng**

Các thầy tế lễ đã được Ðức Chúa Trời phong chức để dạy dỗ và dắt dẫn nhân dân trong sự công bình (câu 5-7), nên phải chịu trách nhiệm về tình hình thảm hại nầy. Họ hèn hạ, vụ lợi và bại hoại đến nỗi danh từ "thầy tế lễ" (thầy cả) trở thành một chữ khinh khi giữa vòng dân chúng. Cho tới ngày nay cũng còn như vậy.

Ðạo vợ chồng lỏng lẻo (câu 10-16). Người Do-thái bỏ vợ để cưới phụ nữ thờ lạy hình tượng. Ðó là tội lỗi gấp hai, làm hại vừa cho sự nuôi dạy con cái thích đáng, vừa cho sự duy trì cuộc thờ lạy Ðức Giê-hô-va của quốc dân.

Hoài nghi là gốc rễ sự tín ngưỡng hờ hững và luân lý thấp kém của họ. Nhân dân nhận thấy các nước gian ác được thạnh vượng hơn, nên thường nói rằng: "Hầu việc Ðức Chúa Trời, thì được ích chi?" Ngày nay nhiều người còn nói như vậy. Xem ở dưới 3:13-18.

**Ðoạn 3:1-6.-- Ngày Ðức Giê-hô-va hầu đến**

Ma-la-chi đáp lại sự hoài nghi của họ: Ngày phán xét hầu đến sẽ trả lời những câu chế giễu của họ, và tỏ ra đến cuối cùng, sự hầu việc Ðức Chúa Trời có ích gì chăng (câu 5)? Xem thêm ở dưới 3:13-18.

**Ðoạn 3:7-12.-- Thuế phần mười**

Ðây lại thình lình đổi đề mục. Không nộp thuế phần mười tức là "ăn trộm của Ðức Chúa Trời," vì theo luật pháp Môi-se, thì thuế phần mười là vật sở hữu của Ðức Chúa Trời, và người dân không có quyền gì trên nó, cũng như không có quyền gì trên sản nghiệp của kẻ khác. Hãy chú ý lời Ðức Chúa Trời hứa làm cho những người nộp thuế phần mười được thạnh vượng, và Ngài đố thách người ta hãy thử Ngài về lời hứa ấy. Những ai dâng phần mười đều thỏa mãn vì lời hứa nầy thật đúng.

**Ðoạn 3:13-18.-- Trở lại sự hoài nghi của quốc dân**

Trở lại ý tưởng ở 2:17. Họ không tin lời Ðức Chúa Trời hứa về thuế phần mười. Họ cho rằng dâng tiền cho Ðức Chúa Trời và cố gắng hầu việc Ngài chỉ là phí phạm vô ích. Ma-la-chi đáp rằng: Hãy chờ xem, cuối cùng sẽ tỏ ra (câu 16-17). Khúc sách tuyệt diệu nầy mô tả số ít người trung tín khuyến khích lẫn nhau trong một thời kỳ toàn dân bội đạo, và Ðức Chúa Trời ghi tên của họ để nhận biết họ trong "ngày đó" (II Ti-mô-thê 1:12).

**Ðoạn 4.-- Ngày Ðức Giê-hô-va hầu đến**

Trở lại ý tưởng của đoạn 3. Xen vào giữa những lời quở trách 4 tội lỗi lan tràn đương thời mình (tế lễ có tì vít, cưới gả lẫn lộn với kẻ thờ lạy hình tượng, để vợ, và xao lãng nộp thuế phần mười), Xa-cha-ri bốn lần tiến vội tới "Ngày của Ðức Giê-hô-va" (1:11; 3:1-6, 16-18; 4:1-6). Ông gọi đó là "ngày" (3:2, 17; 4:1, 3, 5). Dường như nó chỉ về cả kỷ nguyên Cơ-đốc-giáo, và đặc biệt ứng dụng cho kỳ sau rốt. Lời khuyên của Ma-la-chi là: Hãy chăm chú vào tương lai.

Lời khuyến cáo cuối cùng của Cựu Ước là: Hãy nhớ luật pháp của Môi-se (câu 4).

Lời dự ngôn cuối cùng của Cựu Ước là: Ê-li sẽ mở đường cho "ngày của Ðức Giê- hô-va" (câu 5). Ông thật đã làm việc ấy 400 năm sau, trong thân vị của Giăng Báp-tít (Ma-thi-ơ 3: 1-12; 11:14), là người nhấn mạnh các giai đoạn phán xét của ngày ấy.

Ðức tánh cuối cùng mà Cựu Ước ghi nhắc là lòng yêu thương của cha con đối với nhau (câu 6); theo như đã trưng dẫn ở Lu-ca 1:17, thì lòng yêu thương nầy gồm sự tôn trọng lý tưởng của tổ tiên.

Tiếng cuối cùng của Cựu Ước là: "Rủa sả," nghĩa là nếu Ðức Giê-hô-va không ngự đến, thì loài người phải ở địa vị tuyệt vọng.

Cựu Ước kết thúc như vậy đó. 400 năm trôi qua. Rồi Ðấng Mê-si ngự đến, -- dân tộc Hê-bơ-rơ đã được tạo thành để sanh ra Ngài. Suốt các thế kỷ, họ đã chối bỏ các đấng tiên tri thể nào, thì cũng một thể ấy, khi Ðấng Mê-si ngự đến, họ đã chối bỏ Ngài vì trung thành với nghi thức. Từ đó tới nay, dân Do-thái không có quê hương, nhưng đi lưu lạc trên mặt đất, là tấn bi kịch và cũng là phép lạ của các thời đại.

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#footnote-ref-2)
3. (1) Trong nguyên văn, Gia-phô ở Giô-na 1:3 và Giốp-bê ở Công vụ các sứ đồ 10:5 là cùng một chỗ. [↑](#footnote-ref-3)
4. [↑](#footnote-ref-4)
5. [↑](#footnote-ref-5)
6. [↑](#footnote-ref-6)
7. [↑](#footnote-ref-7)